13V
G91

TOÁN 2

thuongmaitruongxua.vn

GD

PHẠM VĂN HOÀN

TOÁN 2

(In lần thứ chín)

thuongmaitruongxua.vn

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC
THƯ VIỆN TƯ LIỆU
13V/G91

Nhà xuất bản Giáo dục * 1991

thuongmaitr

Biên soạn : PHẠM VĂN HOÀN

Biên tập : HOÀNG DOANH

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

Trình bày : BÙI CHÍ HIẾU

Vẽ hình : TRẦN TRỌNG NINH

Sửa bản in : BÙI LAN HƯƠNG

A - ÔN TOÁN LỚP MỘT

ÔN CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10

1.

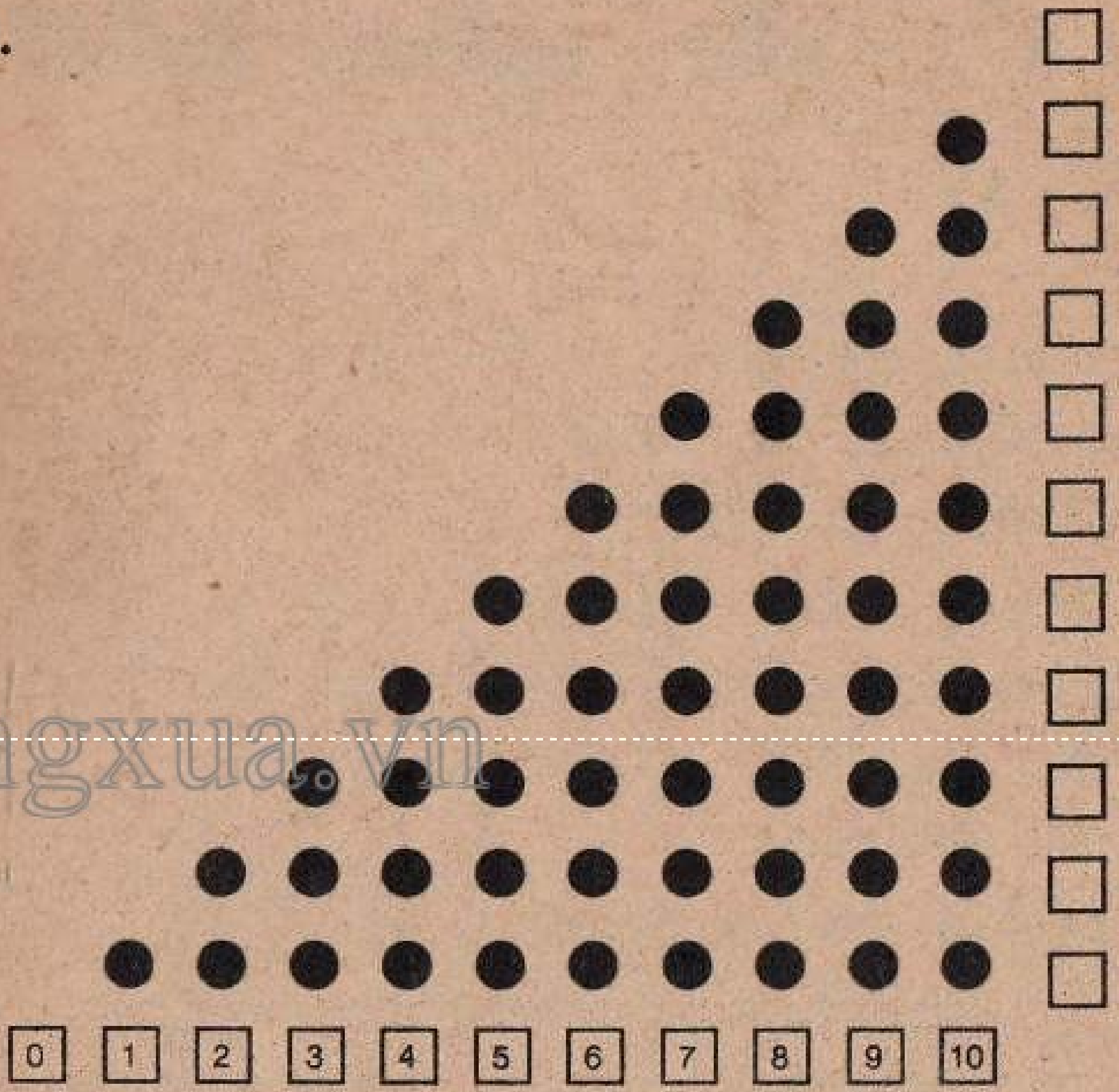

Ghi số hình tròn ở mỗi dòng trên đây vào ô trống ở cuối dòng.

2. Ghi số hình tam giác vào ô trống ở dưới:

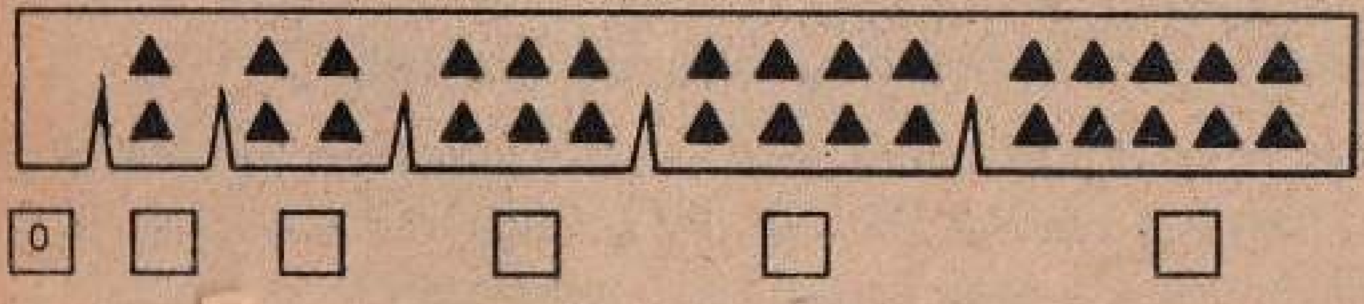

uongxua.vn

3. Ghi số hình vuông vào ô trống ở dưới:

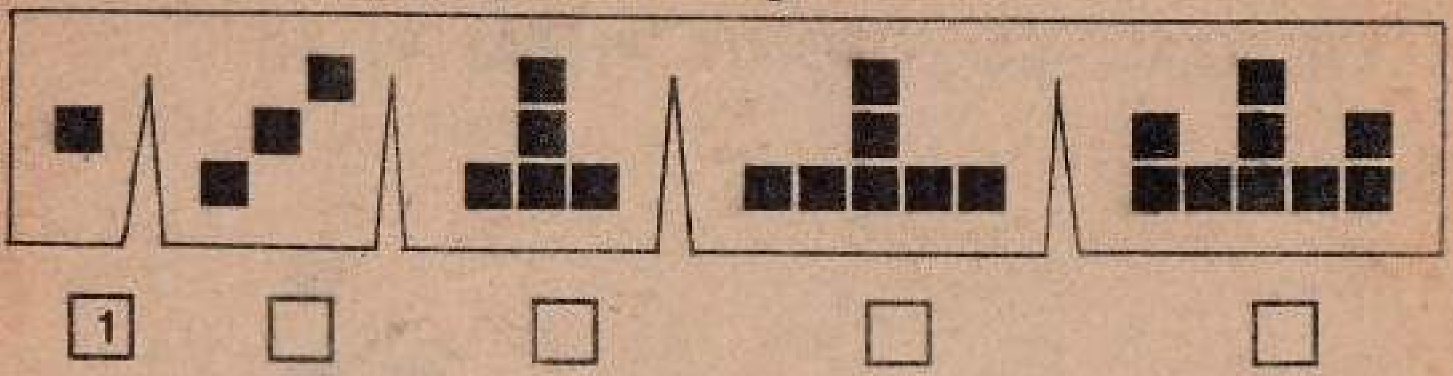

4. a) Đếm từ 1 đến 10.

b) Số liền trước 7 là số nào ?

c) Số liền sau 7 là số nào ?

5. a) Đọc : 4 < 8 ; 9 > 0 ; 5 = 5.

b) Dùng chữ số và dấu thích hợp để ghi các câu :

"Bảy lớn hơn ba". " Hai bé hơn mười ".

"Sáu bằng sáu".

thuongmaitr

6. Điền số còn thiếu vào ô trống :

0		2			5		7			10
	9		7			4			1	

7. a) Đo các đoạn thẳng bên :

b) Đoạn trên ngắn hơn đoạn dưới mấy xentimet?

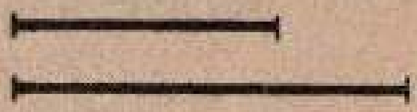

c) Đoạn dưới dài hơn đoạn trên mấy xentimet?

8.* Toàn có ba bút chì : một đen, một đỏ, một xanh. Bút chì đen dài hơn bút chì đỏ, bút chì đỏ dài hơn bút chì xanh. Hỏi bút chì nào dài nhất, bút chì nào ngắn nhất?

ÔN PHÉP CỘNG VÀ PHÉP TRỪ

1. Điền số còn thiếu vào ô trống :

8	5	2		7	1			4
	3	6	4			6	5	

10	5	9	3		2		7	
	5	1		6		9		5

2. Điền số thích hợp vào ô trống:

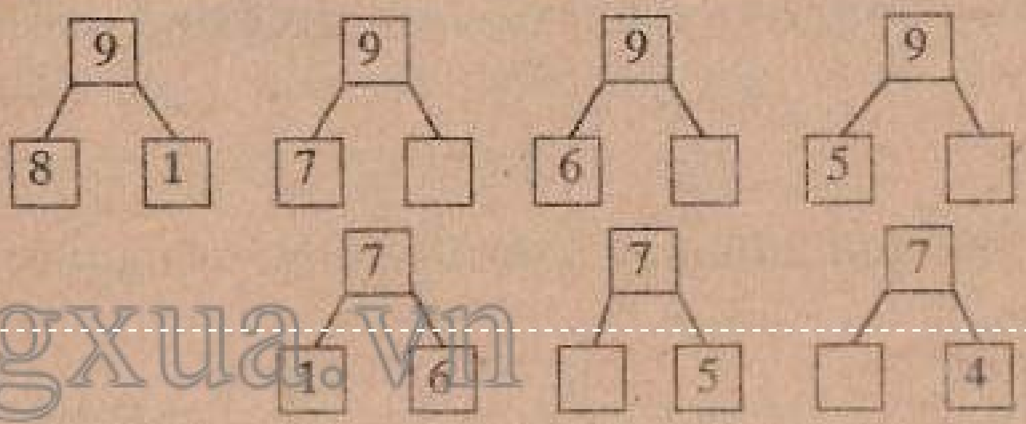

uongxua.vn

3. Điền số thích hợp vào ô trống :

2 = 1 + □	3 = 2 + □	4 = 3 + □	4 = 2 + □
5 = 4 + □	5 = 3 + □	6 = 5 + □	6 = 4 + □
6 = 3 + □	6 = □ + 3	6 = □ + 5	6 = □ + 4

4.

1+1	2+1	3+1	4+1	5+1	6+1	7+1	8+1	9+1
	2+2	3+2	4+2	5+2	6+2	7+2	8+2	
		3+3	4+3	5+3	6+3	7+3		
			4+4	5+4	6+4			
				5+5				

5.

10−1	9−1	8−1	7−1	6−1	5−1	4−1	3−1	2−1
10−2	9−2	8−2	7−2	6−2	5−2	4−2	3−2	
10−3	9−3	8−3	7−3	6−3	5−3	4−3		
10−4	9−4	8−4	7−4	6−4	5−4			
10−5	9−5	8−5	7−5	6−5				
10−6	9−6	8−6	7−6					
10−7	9−7	8−7						
10−8	9−8							
10−9								

Số 12 có hai chữ số : 1 chỉ 1 chục, 2 chỉ 2 đơn vị. Mười hai cái bút chì còn gọi là *một tá* bút chì.

1. Có mấy ô vuông ở hình vẽ bên ?

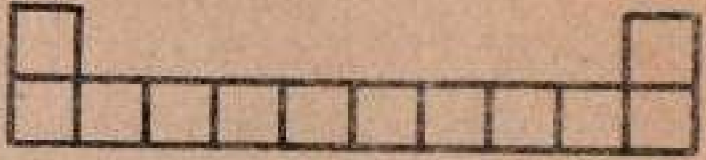

2. 11 thêm 1 được bao nhiêu ?
12 bớt 1 được bao nhiêu ?

3. Một tá ngòi bút là mấy ngòi bút ?

4. Đọc các số sau đây : 11 ; 10 ; 12 ; 1 ; 2 ; 0. Trong các số đó, số nào có hai chữ số ? Số nào có một chữ số ?

5. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =			
	12 ☐ 11	7 ☐ 4 + 3	5 + 3 ☐ 8
	10 ☐ 10 − 2	9 ☐ 10 − 1	5 + 4 ☐ 8

6. Hãy tô màu hình tam giác ở hình vẽ bên .

thuongmaitr

TỪ MƯỜI BA ĐẾN MƯỜI CHÍN

Số chục và số đơn vị	Đọc số	Viết số	Chục	Đơn vị
1 chục và 3 đơn vị	Mười ba	13	1	3
1 chục và 4 đơn vị	Mười bốn	14	1	4
1 chục và 5 đơn vị	Mười lăm	15	1	5
1 chục và 6 đơn vị	Mười sáu	16	1	6
1 chục và 7 đơn vị	Mười bảy	17	1	7
1 chục và 8 đơn vị	Mười tám	18	1	8
1 chục và 9 đơn vị	Mười chín	19	1	9

1. Em phải dùng mấy chữ số để viết số mười bảy ? Chữ số nào chỉ số chục ? Chữ số nào chỉ số đơn vị ?

2. Có bao nhiêu khuy trong mỗi hình vẽ dưới đây :

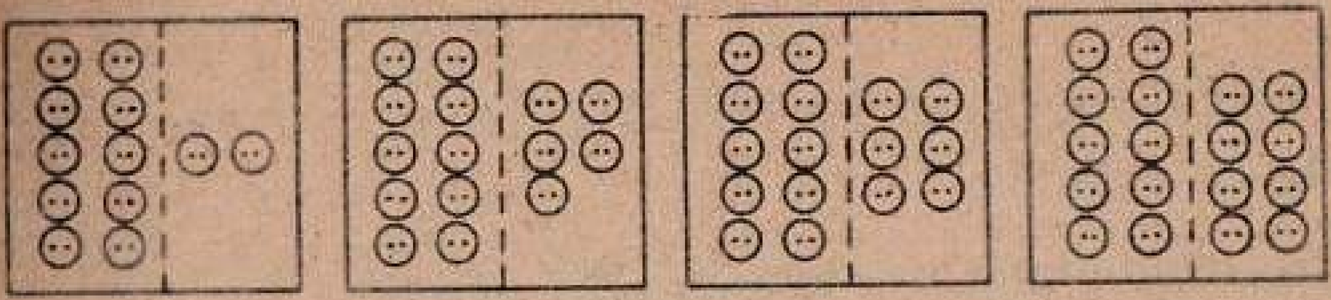

3. 6 + 2 + 2   8 + 0 − 7   9 − 4 − 4
1 + 1 + 8   2 + 5 − 0   10 − 3 − 2
4 + 3 + 3   1 + 5 − 6   8 − 5 − 3

4. Cường 9 tuổi. Mạnh kém Cường 2 tuổi. Mạnh mấy tuổi ?

5. Một chục quả trứng và 8 quả trứng là bao nhiêu quả trứng ?

6. Tìm trong hình vẽ 3 hình tam giác và 1 hình vuông. Hãy tô màu hình vuông.

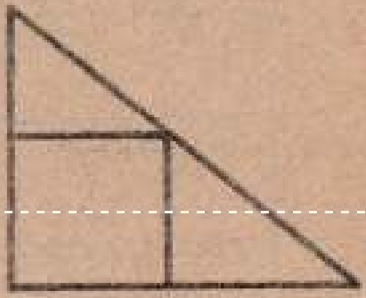

uongxua.vn

HAI MƯƠI

10 ô vuông và 10 ô vuông

là *hai mươi* ô vuông.

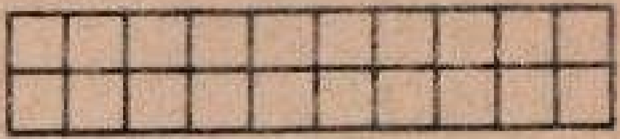

Hai mươi viết là 20.

Số 20 gồm 2 chục và 0 đơn vị.

Đọc số	Viết số
Hai mươi	20

Chục	Đơn vị
2	0

Số 20 có hai chữ số: 2 chỉ 2 chục, 0 chỉ 0 đơn vị.

1. 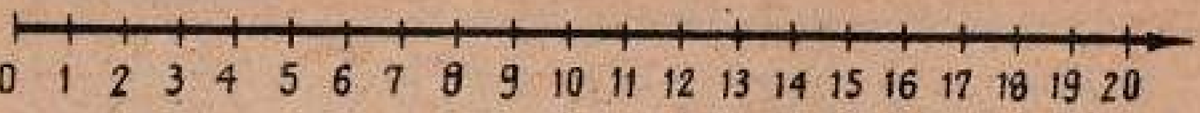

Số nào liền trước số 20 ? Số 20 liền sau số nào ? Số nào ở giữa số 9 và 11 ?

2. Đếm từ 1 đến 20. Đếm từ 20 đến 1.

3. Thêm 1 vào mỗi số sau đây ta được số nào:

10, 12, 13, 15, 18, 19 ?

4. Bớt 1 ở mỗi số sau đây ta được số nào :

20, 15, 11, 8, 6, 1 ?

5. Điền số còn thiếu vào ô trống:

11		13			16		18		20

	19		17			14		12	

thuongmaitr

6. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =			
	18 ☐ 17	13 ☐ 14	11 ☐ 10 + 1
	20 ☐ 19	11 ☐ 12	9 - 1 ☐ 8

LUYỆN TẬP

1. Viết chữ số 1 vào cột bên trái, chữ số 5 vào cột bên phải. Hãy đọc số vừa viết được. (Có bạn đọc là "mười năm". Em chỉ giúp chỗ đọc sai).

Chục	Đơn vị

2. a) Có mấy chục, mấy đơn vị trong các số: mười; mười một; mười ba; mười lăm; mười tám; hai mươi ? .

b) Viết các số: mười; mười một; mười ba; mười lăm; mười tám; hai mươi.

3. a) Xếp các số sau đây theo thứ tự từ bé đến lớn (số bé hơn thì xếp trước) :

9, 12, 15, 7, 0, 8, 20, 10.

b) Trong đó, số nào có: một chữ số? hai chữ số?

4.

3 + 7 – 2	8 + 1 + 1	8 – 4 + 3
9 – 6 + 3	10 – 1 – 1	6 + 2 + 2
5 + 5 – 6	9 – 4 + 2	6 – 1 – 2

uongxua.vn

5. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

+
–

a) 8 □ 2 = 6   6 □ 4 = 10

7 □ 3 = 4   9 □ 6 = 3

b)* 7 – 1 □ 3 = 9   4 + 5 □ 1 = 8

6.* Hãy vẽ trên giấy hai hình tam giác như hình bên rồi cắt và ghép thành: hình vuông; hình tam giác.

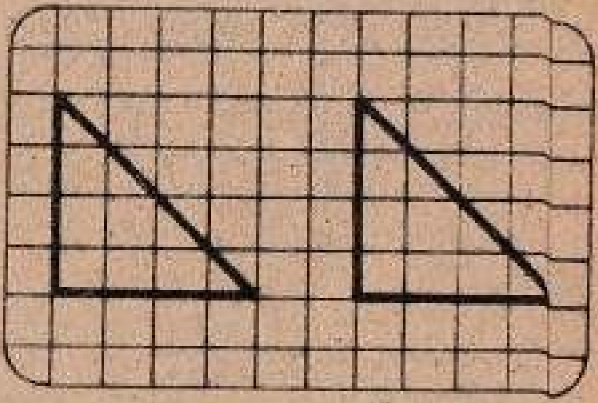

HÌNH CHỮ NHẬT. HÌNH TỨ GIÁC

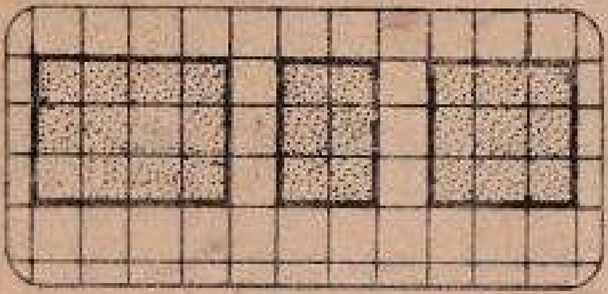

Đây là những
hình chữ nhật.

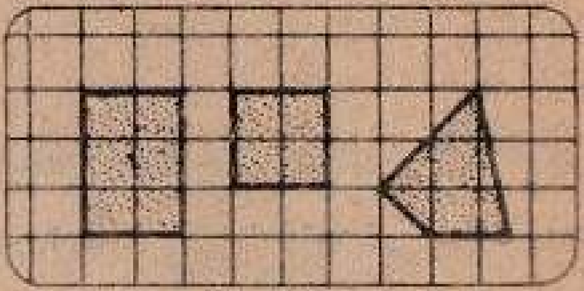

Đây là những
hình tứ giác.

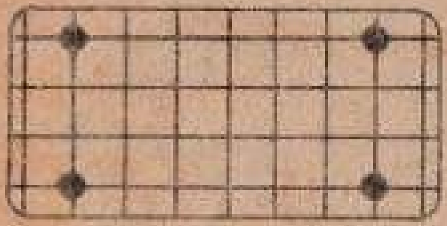

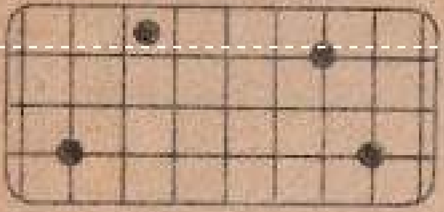

1. Nối 4 điểm ở hình vẽ bên để có:

a) một hình chữ nhật;

b) một hình tứ giác.

thuongmaitr

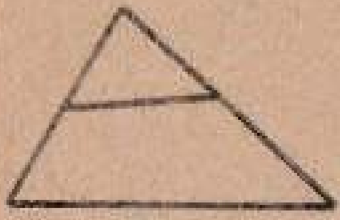

2. Tìm trên hình vẽ bên 2 hình tam giác và 1 hình tứ giác. Hãy tô màu hình tứ giác đó.

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

4 + 2 ☐ 2	5 + 5 ☐ 10	9 – 1 ☐ 10
8 – 5 ☐ 8	7 + 3 ☐ 4	9 + 1 ☐ 10

4.* Tìm trên hình vẽ bên 3 hình tứ giác. Trong các hình đó có mấy hình chữ nhật ?

TIỀN VIỆT NAM (1)

Hình vẽ những đồng tiền bằng kim khí:

1 đồng đổi được 10 hào.
1 hào đổi được 10 xu.

THƯ VIỆN TƯ LIỆU
BV/G91
uongxua.vn

1. 1 đồng đổi được mấy hào? Có mấy hào thì đổi được 1 đồng?

2. 1 hào đổi được mấy xu? Có mấy xu thì đổi được 1 hào?

3. 3 đồng + 7 đồng   1 đồng + 4 đồng + 5 đồng
   10 hào − 2 hào   4 hào + 6 hào − 10 hào

4. Một quyển sách giá 3 đồng, một quyển sách khác giá 4 đồng. Hỏi cả hai quyển sách giá bao nhiêu tiền?

5. Em mua rau hết 6 hào. Em đưa bác bán rau 1 đồng. Hỏi bác trả lại em mấy hào?

---

(1) Trong thực tế hiện nay những đồng tiền kim khí này không còn sử dụng nữa. Tuy nhiên những đồng tiền ấy vẫn có giá trị lịch sử.

6. 1 hào 5 xu = 15 xu.

1 đồng 6 hào = 16 hào.

Điền số thích hợp vào các dấu chấm :

1 hào 2 xu = ...xu	20 hào = .. đồng.
1 đồng 4 hào = ...hào	17 xu = .. hào ... xu
1 hào 9 xu = ...xu	13 hào = ... đồng.. hào.

7. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

15 xu □ 12 xu	10 xu □ 1 hào
1 hào 5 xu □ 12 xu	10 xu □ 18 xu

8. Có một tờ 1 đồng thì đổi được : mấy tờ loại 1 hào? mấy tờ loại 5 hào?

thuongmaitr

9. Quyển truyện giá 3 đồng. Giá tiền quyển sách hơn giá tiền quyển truyện là 2 đồng. Hỏi quyển sách giá mấy đồng?

10. Quyển sách giá 4 đồng. Giá tiền quyển vở kém giá tiền quyển sách là 2 đồng. Hỏi quyển vở giá mấy đồng?

11. Mẹ mua rau thơm hết 4 hào, mua hành hết 2 hào. Hỏi mẹ phải trả bao nhiêu tiền?

12. * Em có 1 đồng mang đi đổi lấy tiền hào. Em hãy nêu lên cách đổi có cả tiền 5 hào, 2 hào, 1 hào?
(Em hãy nghĩ xem, có nhiều cách hay chỉ có một cách).

SO SÁNH HƠN, KÉM BAO NHIÊU ĐƠN VỊ

Bài toán 1. Trên bàn có 7 cái chén và 5 cái đĩa. Số chén hơn số đĩa là bao nhiêu cái?

Tóm tắt bài toán :

Đĩa : 5 cái.

Chén : 7 cái, hơn ? cái.

Giải :

7 cái – 5 cái = 2 cái

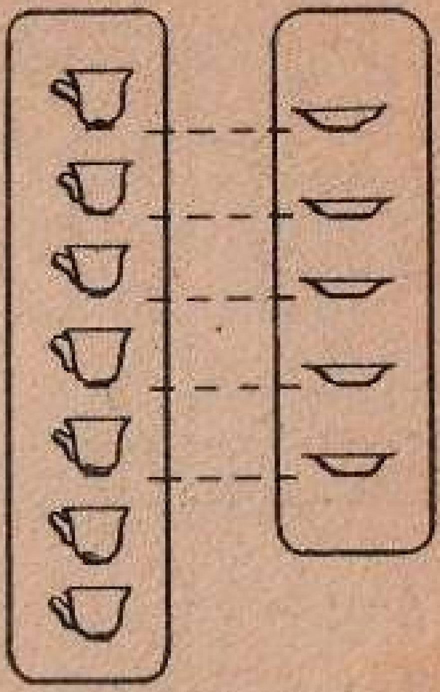

Bài toán 2. Trên bàn có 7 cái chén và 5 cái đĩa. Số đĩa kém số chén là bao nhiêu cái ?

Tóm tắt bài toán: Chén : 7 cái.

Đĩa : 5 cái, kém ? cái

uongxua.vn

Giải :

7 cái – 5 cái = 2 cái.

Bài toán 3. Tay phải cầm 7 que tính. Tay trái cầm 2 que tính.

a) Số que tính ở tay nào nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu?

b) Số que tính ở tay nào ít hơn và ít hơn bao nhiêu?

Giải : 7 que – 2 que = 5 que .

1. 10 thuyền – 3 thuyền = ? 9 hình – 5 hình = ?

2. An có 7 hòn bi. Nam có 6 hòn bi. An có nhiều hơn Nam mấy hòn bi?

3. Nga giải được 5 bài toán. Hằng giải được 3 bài toán. Hằng giải ít hơn Nga mấy bài toán?

4. Lan gấp được 6 cái thuyền. Tùng gấp được 4 cái thuyền.
   a) Lan gấp được nhiều hơn Tùng mấy cái ?
   b) Tùng gấp được ít hơn Lan mấy cái ?

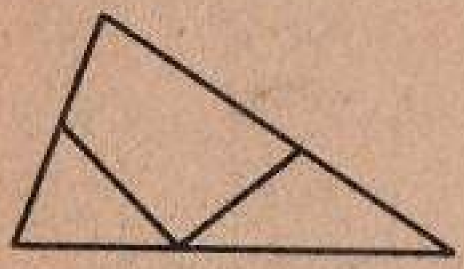

5.* Trên hình vẽ bên có :
   a) bao nhiêu hình tứ giác?
   b) bao nhiêu hình tam giác?

LUYỆN TẬP

1. Bình 8 tuổi. An 10 tuổi. Bình kém An mấy tuổi?
2. Mẹ Lan nuôi được 10 con gà. Mẹ Tùng nuôi được ít hơn mẹ Lan 2 con gà. Hỏi mẹ Tùng nuôi được mấy con gà?
3. Hằng hái được 8 bông hoa. Nga hái được nhiều hơn Hằng 2 bông hoa. Hỏi Nga hái được mấy bông hoa?
4. Toàn làm được 7 phong bì. Tùng làm được 5 phong bì. Hỏi Toàn làm được nhiều hơn Tùng mấy phong bì?
5. Quyển sách giá 5 đồng. Quyển truyện giá 4 đồng.
   a) Giá quyển sách hơn giá quyển truyện mấy đồng?
   b) Giá quyển truyện kém giá quyển sách mấy đồng?

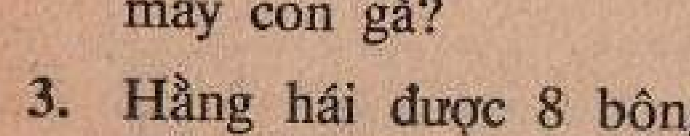

6. Đo hai đoạn thẳng bên. Đoạn trên dài hơn đoạn dưới mấy xentimet?

thuongmaitr

2. CỘNG, TRỪ KHÔNG QUA 10

10 + 3 **3 + 10** **13 − 3** **13 − 10**

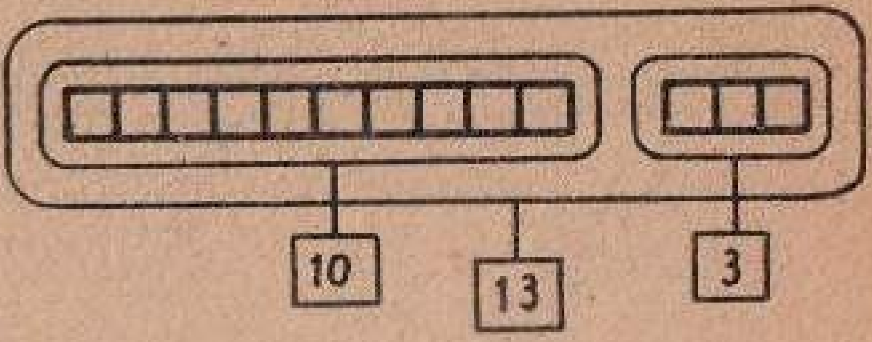

10 + 3 = 13
3 + 10 = 13
13 − 3 = 10
13 − 10 = 3

1.

10 + 2	10 + 6	5 + 10	10 + 8
2 + 10	6 + 10	15 − 10	18 − 8
12 − 2	16 − 6	15 − 5	8 + 10
12 − 10	16 − 10	10 + 5	18 − 10

2. Điền số thích hợp vào ô trống :

10 + 4 = □	11 − □ = 10	10 + □ = 17
4 + □ = 14	10 + □ = 11	17 − □ = 10
14 − 10 = □	11 − □ = 1	7 + □ = 17
14 − □ = 10	1 + □ = 11	17 − □ = 7

uongxua.vn

3.

19 − 9 + 5	5 + 5 + 9
19 − 10 + 1	9 + 1 + 9

4. 10 đồng và 3 đồng là mấy đồng? 1 hào và 5 xu là mấy xu?

5. Xóm em đào được 14 cái giếng. Xóm bên đào được 10 cái giếng. Hỏi xóm bên đào được ít hơn xóm em mấy cái giếng?

6. Một tá khăn là mấy cái khăn? Một chục khăn là mấy cái khăn? Một tá khăn nhiều hơn một chục khăn mấy cái khăn?

TỔNG . CÁC SỐ HẠNG CỦA TỔNG

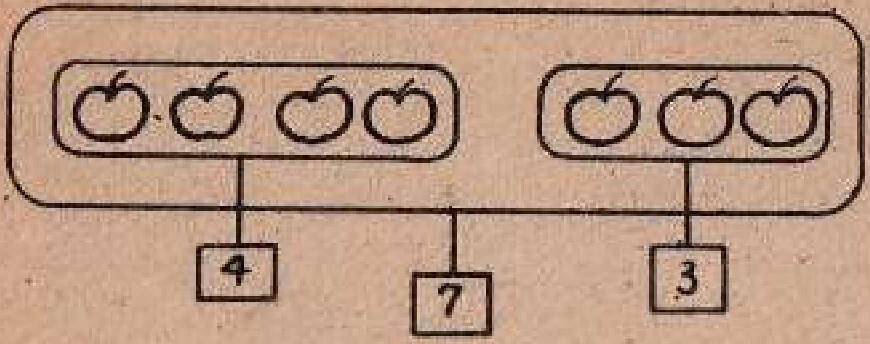

4 là số hạng,

3 là số hạng,

7 là tổng.

$4 + 3 = 7$

Số hạng	4
Số hạng	3
Tổng	7

1. Tính tổng của :

a) 1 và 3; 4 và 6; 8 và 0.

b) 10 và 7; 8 và 10; 10 và 5.

2. Điền số thích hợp vào ô trống :

a) 5 = 1 + □ = 2 + □ = 3 + □ = 4 + □

b) 10 = 9 + □ = 8 + □ = 7 + □ = 6 + □

3.

Số hạng	10	4	10	10	
Số hạng	2	10	9		10
Tổng				16	11

4. Hằng hái được 10 bông hoa. Nga hái được nhiều hơn Hằng 2 bông hoa. Hỏi Nga hái được bao nhiêu bông hoa ?

5 Một tổ có 10 bạn trai và 4 bạn gái. Hỏi tổ đó có tất cả bao nhiêu bạn?

6. a) Trên hình bên có bao nhiêu hình tam giác ?

b)* Tìm 3 hình tứ giác trên hình bên.

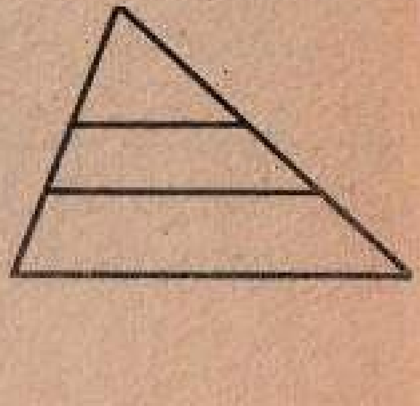

HIỆU. SỐ BỊ TRỪ. SỐ TRỪ

7 là số bị trừ,

3 là số trừ,

4 là hiệu.

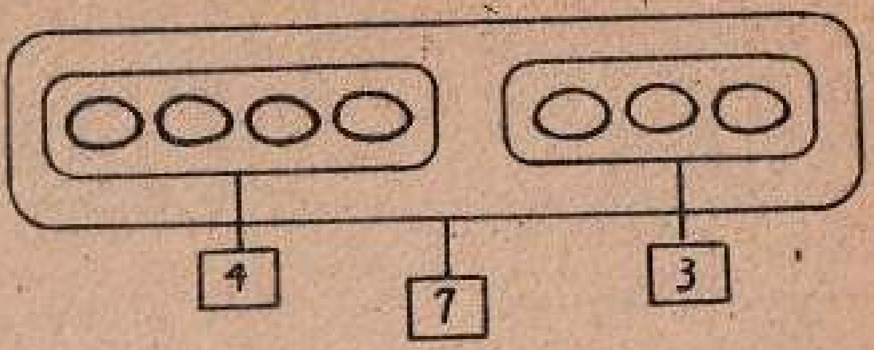

Số bị trừ	7
Số trừ	3
Hiệu	4

$7 - 3 = 4$

1. Tính hiệu của :
   a) 10 và 5 ; 9 và 2 ; 6 và 0 ;
   b) 15 và 10 ; 18 và 8 ; 12 và 10 .

2. Điền số thích hợp vào ô trống:
   a) 4 = ☐ − 1 = ☐ − 2 = ☐ − 3 = ☐ − 4
   b) 3 = 8 − ☐ = 7 − ☐ = 6 − ☐ = 5 − ☐

uongxua.vn

3.

Số bị trừ	17	13	16	11	19
Số trừ	7	10			9
Hiệu			10	1	

4. Tùng có 16 hòn bi. Toàn có ít hơn Tùng 6 hòn bi. Hỏi Toàn có bao nhiêu hòn bi?

5. Cô giáo có một tá bút chì. Cô thưởng cho các học sinh giỏi 10 bút chì. Hỏi cô giáo còn mấy bút chì?

6. Điền dấu thích hợp vào ô trống

< > =			
	10 + 7 ☐ 12	18 − 8 ☐ 15	13 − 10 ☐ 3
	9 + 10 ☐ 20	19 − 9 ☐ 10	5 + 10 ☐ 14

MỘT TỔNG CỘNG VỚI MỘT SỐ : (2 + 1) + 3

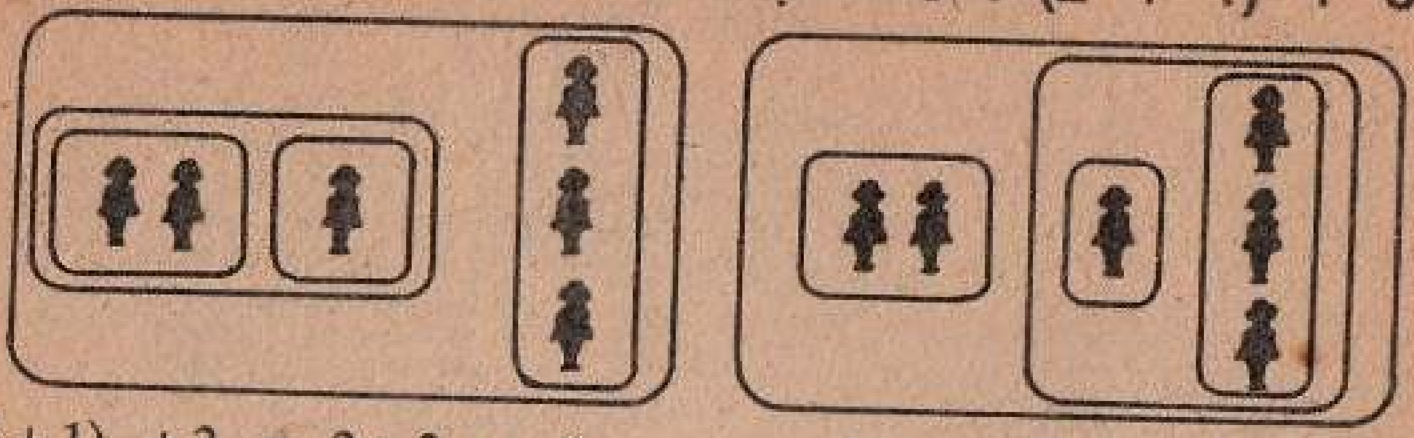

$(2+1)+3 = 3+3 = 6$ $\qquad$ $2+(1+3) = 2+4 = 6$

$$\underline{(2+1) + 3 = 2 + (1 + 3)}$$

Ghi nhớ : Làm tính với các số viết trong dấu ( ) trước.

1. Cộng theo 2 cách (viết theo mẫu □ + (□ + □) và (□ + □) + □):

6 + 1 + 3	4 + 2 + 1	5 + 1 + 4
2 + 3 + 5	4 + 3 + 3	6 + 2 + 1
5 + 2 + 2	1 + 7 + 2	3 + 0 + 7

2. Tính :

(3 + 7) + 6	4 + (7 + 3)	10 + (2 + 4)
3 + (4 + 6)	10 + (5 + 4)	10 + (3 + 4)

3.

Số hạng	9	10		10	2
Số hạng		3	10	5	8
Tổng	10		17		

4. Hồng mua sách hết 10 đồng và mua vở hết 5 đồng. Hỏi Hồng mua sách và vở hết bao nhiêu tiền ?

5. Tìm trên hình vẽ bên một hình chữ nhật và hai hình tam giác. Hãy tô màu hai hình tam giác đó.

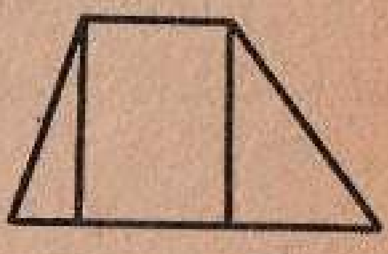

thuongmaitr

14 + 3 **3 + 14**

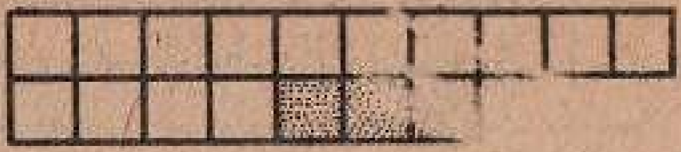

$\underline{14 + 3 = (10 + 4) + 3 = 10 + (4 + 3)}$

$4 + 3 = 7$

$10 + 7 = 17$

$14 + 3 = 10 + (4 + 3) = 17$

$3 + 14 = 14 + 3 = 17$

1.

2 + 4	13 + 1	14 + 0	12 + 5
12 + 4	18 + 1	13 + 3	5 + 12
6 + 3	13 + 2	11 + 4	16 + 3
16 + 3	17 + 2	15 + 2	3 + 16

2.

10 + 5 + 3	11 + 8 − 10	16 − 6 + 8
6 + 10 + 2	12 + 4 − 6	17 − 10 + 3
2 + 5 + 10	15 + 3 − 10	12 − 2 − 8
10 + 4 + 4	19 + 0 − 9	14 − 10 − 0

uongxua.vn

3.

Số bị trừ	10	15	13	18	
Số trừ		10		8	9
Hiệu	6		10		1

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

$<$ $>$ $=$

14 + 3 ☐ 10 + 7　　5 + 14 ☐ 19

15 + 4 ☐ 10 + 8　　2 + 16 ☐ 19

5. Anh trồng được 11 cây su hào. Em trồng được 8 cây su hào. Hai anh em trồng được mấy cây su hào ?

6. Tổ Nga có 12 người. Tổ Lan nhiều hơn tổ Nga 1 người. Hỏi tổ Lan có bao nhiêu người ?

17 + 3 **3 + 17**

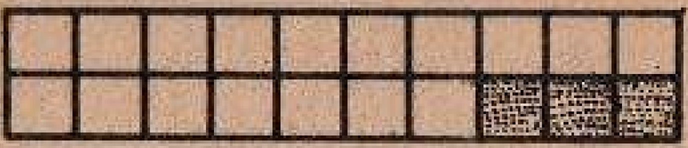

17 + 3 = (10 + 7) + 3 = 10 + (7 + 3)

7 + 3 = 10
10 + 10 = 20
17 + 3 = 10 + (7 + 3) = 20
3 + 17 = 17 + 3 = 20

1. 12 + 8 15 + 5 16 + 4 11 + 9
   8 + 12 5 + 15 4 + 16 9 + 11

2. 10 + 9 + 1 10 + 4 + 6 (11 + 2) + 7
   1 + 10 + 9 4 + 10 + 6 11 + (2 + 7)

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	16 + 4 ☐ 20	3 + 17 ☐ 18
	5 + 15 ☐ 19	12 + 8 ☐ 17

thuongmaitr

4. Lớp 2A có 15 đội viên. Lớp 2B có nhiều hơn lớp 2A 5 đội viên. Hỏi lớp 2B có bao nhiêu đội viên?

5. Mẹ em mua rau muống hết 1 đồng 8 hào, mua hành hết 2 hào. Hỏi mẹ em mua hết mấy đồng ?

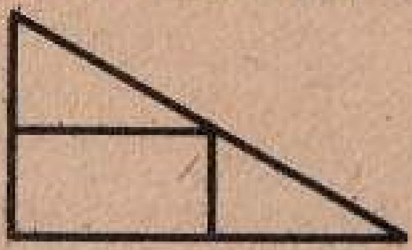

6. Tìm trên hình vẽ bên 3 hình tam giác và 1 hình chữ nhật. Hãy tô màu hình chữ nhật đó.

LUYỆN TẬP

1. Điền số còn thiếu trên tia số dưới đây :

2. 12 – 10 + 8 4 + 14 + 2 8 + 10 + 2
15 – 5 + 10 13 + 0 + 7 9 + 11 + 0
17 – 10 + 13 5 + 11 + 4 6 + 10 + 4

3. Tính theo hai cách :

2 + 14 + 4 7 + 10 + 3 6 + 3 + 10
5 + 12 + 3 2 + 10 + 1 5 + 10 + 2

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

<
>
=

1 đồng 7 hào ☐ 2 đồng
2 đồng ☐ 19 hào
1 đồng ☐ 10 hào

5.

Số hạng	10	4	15	1	3
Số hạng		14		19	17
Tổng	20		18		

6. Đoạn thẳng thứ nhất dài 13*cm*. Đoạn thẳng thứ hai dài 10*cm*. Hỏi đoạn thẳng thứ nhất dài hơn đoạn thẳng thứ hai bao nhiêu xentimet?

7.* Hãy kẻ một đoạn thẳng trên hình bên sao cho được :
a) 2 hình tứ giác và 1 hình tam giác;
b) 3 hình tứ giác.

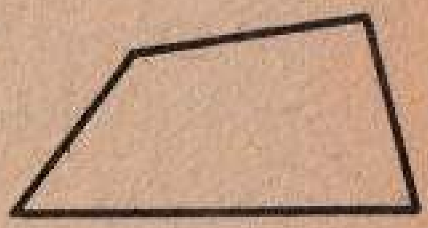

MỘT TỔNG TRỪ ĐI MỘT SỐ: (4 + 3) – 2

$$(4 + 3) - 2 = 7 - 2 = 5$$

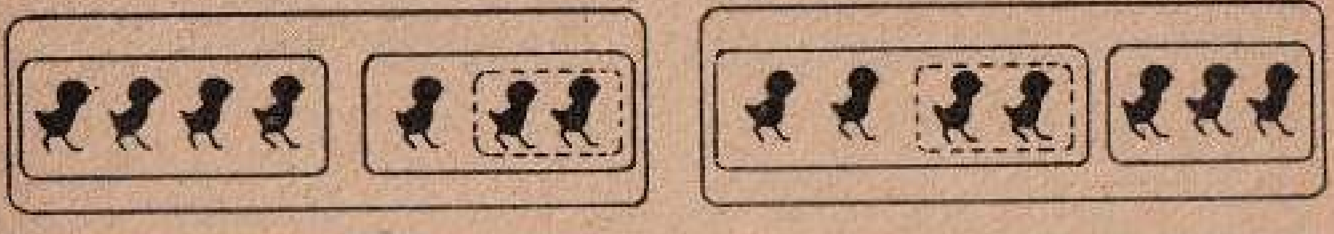

$4 + (3 - 2) = 4 + 1 = 5$ $(4 - 2) + 3 = 2 + 3 = 5$

$$\underline{(4 + 3) - 2 = 4 + (3 - 2) = (4 - 2) + 3}$$

1. Làm các phép tính dưới đây theo 3 cách :

(3 + 2) – 1　　(6 + 4) – 3　　(5 + 4) – 2

(7 + 10) – 7　　(2 + 8) – 1　　(10 + 8) – 8

2.

Số bị trừ	9	17	16	19	
Số trừ		7		10	2
Hiệu	4		10		8

3. Em có 1 đồng 5 hào. Em mua nhãn vở hết 10 hào. Hỏi em còn bao nhiêu tiền?

4. Tùng gấp được 10 cái thuyền. Toàn gấp được ít hơn Tùng 3 cái thuyền. Hỏi Toàn gấp được bao nhiêu thuyền?

5. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =			
	15 – 5 □ 10	10 + 10 □ 20	11 – 10 □ 0
	18 – 10 □ 4	13 + 4 □ 19	13 – 3 □ 12

6.* Tổ em có 4 bạn rất ngoan là Tâm, Lan, Tùng, Toàn và 5 bạn học rất giỏi là Tùng, Tâm, Hạnh, Hường, Lan. Tổ em có bao nhiêu bạn vừa rất ngoan, vừa rất giỏi? (Trong tổ không có ai trùng tên).

17 – 3

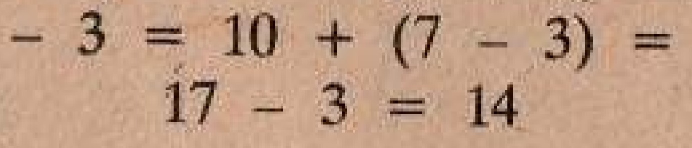

$$\underline{17 - 3 = (10 + 7) - 3 = 10 + (7 - 3)}$$

$$7 - 3 = 4 \qquad 10 + 4 = 14$$

$$17 - 3 = 10 + (7 - 3) = 14$$

$$17 - 3 = 14$$

1. 6 – 2　　5 – 3　　14 – 1　　15 – 5　　17 – 6

16 – 2　　15 – 3　　18 – 7　　13 – 2　　12 – 1

2. 7 + 10 − 6 13 + 5 − 8 15 + 4 − 7
10 + 6 − 4 7 + 12 − 10 11 + 6 − 3

3. Lấy mỗi số xung quanh trừ đi số ở giữa :

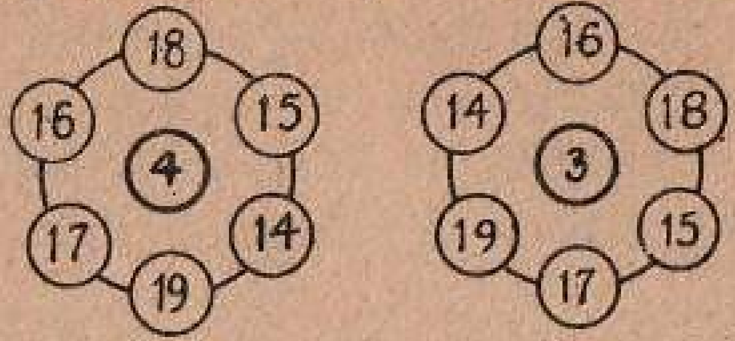

4. Em trồng 19 cây su hào. Gia đình em đã ăn hết 7 cây. Hỏi trong vườn còn mấy cây?

5. Tùng vẽ 15 hình vuông. Toàn vẽ 4 hình vuông. Hỏi Tùng vẽ nhiều hơn Toàn mấy hình vuông?

6.* Điền dấu thích hợp vào ô trống để có phép tính đúng:

+
−

15 ☐ 4 ☐ 7 = 12
19 ☐ 5 ☐ 2 = 12

20 − 3

uongxua.vn

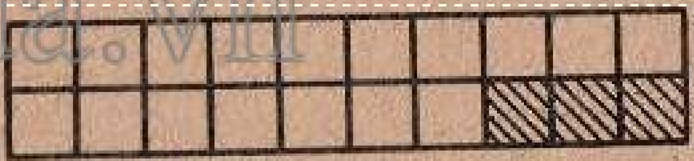

$$\underline{20 - 3 = (10 + 10) - 3 = 10 + (10 - 3)}$$

$$10 - 3 = 7$$

$$10 + 7 = 17$$

$$20 - 3 = 10 + (10 - 3) = 17$$

$$20 - 3 = 17$$

1. 10 − 5 10 − 6 20 − 8 20 − 7 20 − 4
20 − 5 20 − 6 20 − 2 20 − 3 20 − 9

2. 12 + 8 − 6 20 − 2 − 4 20 − 10 − 5 20 − 7 + 3
16 + 4 − 1 20 − 5 − 3 20 − 0 − 3 20 − 9 + 9

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

<
>
=

15 ☐ 20 − 5 16 + 4 ☐ 20 11 + 8 ☐ 10
7 ☐ 20 − 9 20 − 2 ☐ 19 12 + 7 ☐ 20 − 4

4. Em kiếm củi được 20 bó củi con. Mẹ em đã đun hết 8 bó. Hỏi còn lại bao nhiêu bó?

5. Đội em trồng được 20 cây chuối. Đội bạn trồng được ít hơn 2 cây. Hỏi đội bạn trồng được bao nhiêu cây chuối?

6.* Nga hái được 16 bông hoa. Nga hái được hơn Hằng 4 bông hoa. Hỏi Hằng hái được bao nhiêu bông hoa?

LUYỆN TẬP

1.

18 − 10 + 2	10 + 6 + 3	15 − 4 − 1	15 − 4 + 0
16 − 6 + 8	7 + 10 + 3	14 − 4 + 9	20 − 2 − 8
19 − 10 + 1	6 + 10 + 4	20 − 1 − 9	17 − 5 + 3

2. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

16 + 1 □ 17	18 − 1 □ 19	14 + 1 □ 16 − 1
18 − 8 □ 8	19 − 2 □ 17	13 − 3 □ 13 − 1
20 − 5 □ 10	10 + 5 □ 14	19 − 10 □ 18 − 10

thuongmaitr

3.

Số hạng	12		13	11	
Số hạng	8	9		5	14
Tổng		19	18		20

4.

Số bị trừ	20		17	14	
Số trừ	9	8		1	5
Hiệu		10	5		15

5. Toàn gấp được 13 phong bì. Tùng gấp được 15 phong bì. Hỏi Toàn gấp được ít hơn Tùng bao nhiêu phong bì? Tùng gấp được nhiều hơn Toàn bao nhiêu phong bì ?

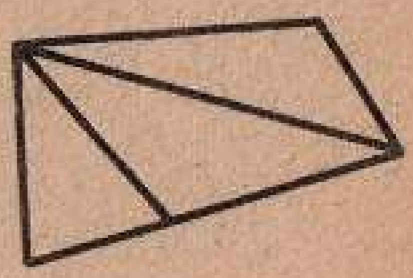

6.* Hãy tìm trên hình vẽ bên :
a) 2 hình tứ giác;
b) 4 hình tam giác.

MỘT SỐ TRỪ ĐI MỘT TỔNG : 9–(3+2)

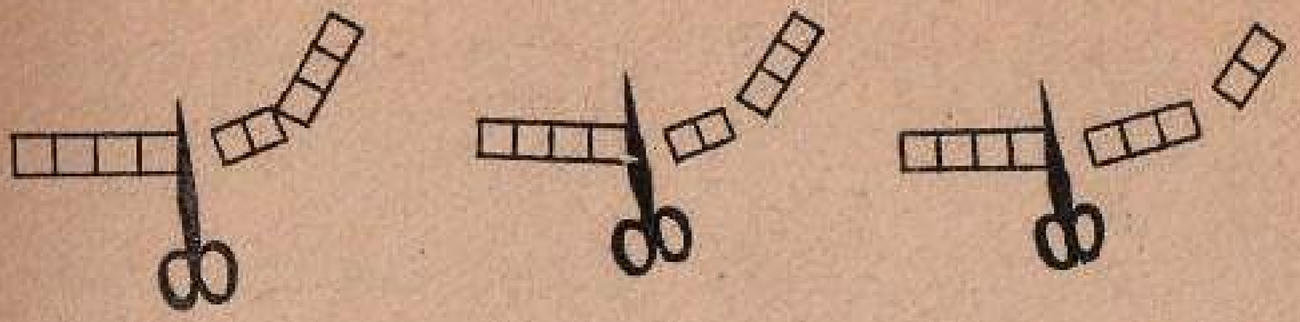

9–(3+2) = 9–5 = 4 　　 9–3–2 = 6–2 = 4 　　 9–2–3 = 7–3 = 4

9–(3+2) = 9–3–2 = 9–2–3

1. 10–(6+2) 　 10–(3+5) 　 20–(5+4)
   10–6–2 　 10–3–5 　 20–5–4
   10–2–6 　 10–5–3 　 20–4–5

2. a) Hãy tính bằng ba cách:
   9–(4+3) 　 13–(2+1) 　 18–(3+5) 　 19–(4+3)
   b) Hãy tính:
   9–(3+4) 　 13–(1+2) 　 18–(5+3) 　 19–(3+4)

truongxua.vn

3. Em có 13 tem. Bạn em cho em 7 cái nữa. Hỏi em có tất cả bao nhiêu tem?

4. An giải được 10 phép tính. Bái giải được hơn An 4 phép tính. Hỏi Bái giải được bao nhiêu phép tính?

5. An giải được 10 phép tính. Bái giải được 14 phép tính. Hỏi An giải ít hơn Bái bao nhiêu phép tính?

6.* Tùng có 1 đồng, gồm toàn các tờ giấy hào. Hỏi Tùng có thể có những tờ giấy hào loại nào và mỗi thứ bao nhiêu tờ ? (Em đã biết có tất cả 3 loại giấy hào).

17 – 14

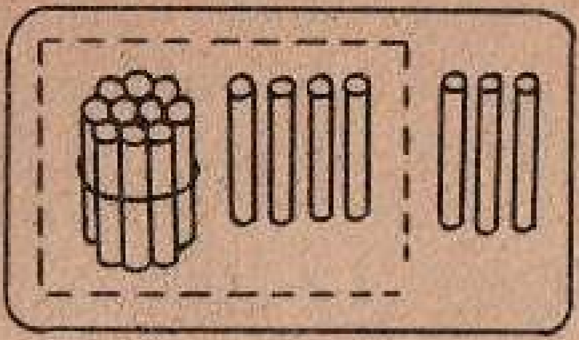

$17-14=17-(10+4)=17-10-4$

$17-10=7,\ 7-4=3$

$17-14=3$

20 – 14

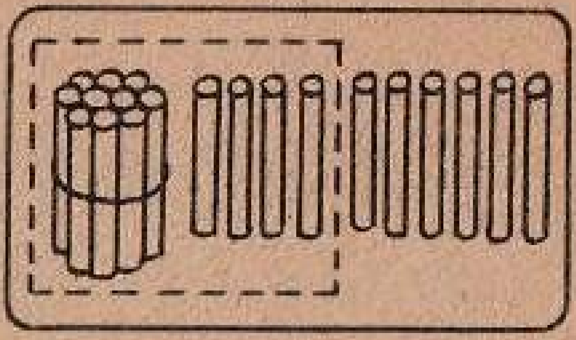

$20-14=20-(10+4)=20-10-4$

$20-10=10,\ 10-4=6$

$20-14=6$

1. 18 – 13   20 – 19   16 – 14   14 – 12

20 – 13   15 – 11   20 – 20   20 – 15

2. 20 – 2 – 4   20 – 8 – 2   18 – 12 + 4

20 – 12 – 4   20 – 0 – 5   17 – 11 + 2

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =			
	18 – 17 ☐ 1	16 – 11 ☐ 3	20 – 19 ☐ 2
	20 – 16 ☐ 5	20 – 12 ☐ 8	20 – 17 ☐ 1

4.

Số bị trừ	18	20		12	14
Số trừ	16		15		12
Hiệu		7	5	0	

5. Nam gấp được 15 tàu bay. Việt gấp được ít hơn Nam 11 cái. Hỏi Việt gấp được bao nhiêu cái?

6. Hãy cắt một hình vuông thành 4 hình tam giác rồi xếp 4 hình tam giác đó thành một hình tam giác lớn.

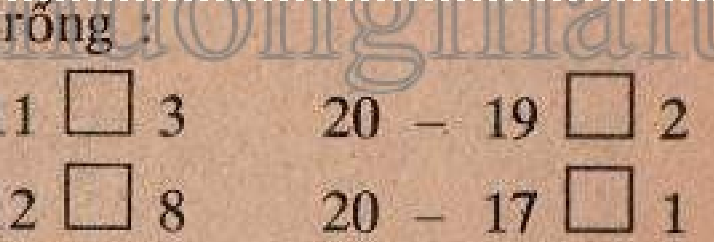

LUYỆN TẬP

1. 13 + 7 – 12   20 – 16 + 0   19 – 0 – 15

12 + 8 – 15   20 – 11 + 1   17 – 10 – 7

17 + 3 – 13   20 – 14 + 10   18 – 8 – 10

2. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

 >br>=		
	18 – 7 ☐ 20 – 9	17 – 11 ☐ 0 + 6
	20 – 16 ☐ 20 – 17	20 – 12 ☐ 19 – 10

3.

Số hạng		14	7	10	5
Số hạng	12	6		10	15
Tổng	20		20		

4. Cô giáo mua 2 chục bút chì. Cô đã thưởng cho chúng em hết 1 tá. Hãy đặt câu hỏi rồi giải bài toán.

uongxua.vn

5. Tay phải em cầm 10 que tính. Tay trái em cầm 12 que tính. Hỏi tay nào cầm nhiều que tính hơn và nhiều hơn bao nhiêu que tính ?

6. Đoạn thẳng thứ nhất dài 12*cm*. Đoạn thẳng thứ hai dài hơn đoạn thẳng thứ nhất 8*cm*. Hỏi đoạn thẳng thứ hai dài bao nhiêu xentimet ?

7.* Dũng có 2 loại bi: bi xanh, bi đỏ. Hải có 3 loại bi: bi xanh, bi vàng, bi tím. Hỏi cả Dũng và Hải có bao nhiêu loại bi khác màu và những màu đó là màu gì?

Dũng :	Đỏ	Xanh		
Hải :		Xanh	Vàng	Tím

TÌM MỘT SỐ HẠNG TRONG MỘT TỔNG

1.

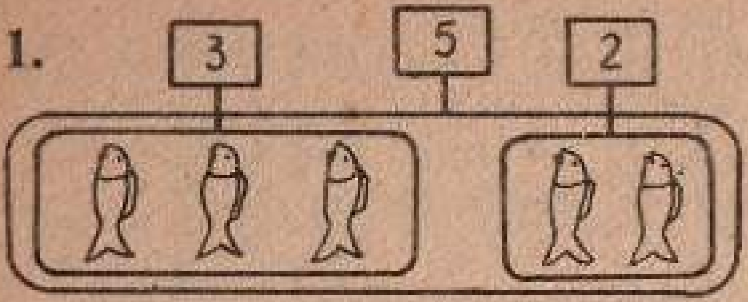

$3 + 2 = 5$

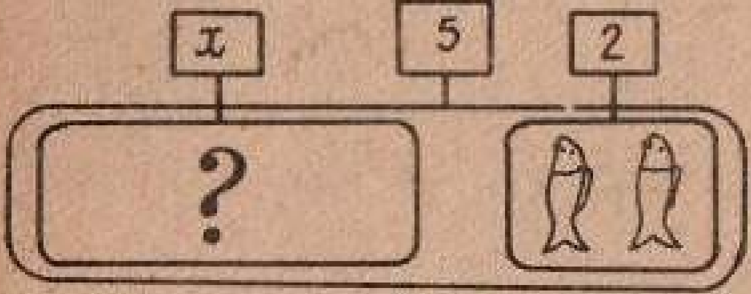

$x + 2 = 5$

$x = 5 - 2 = 3$

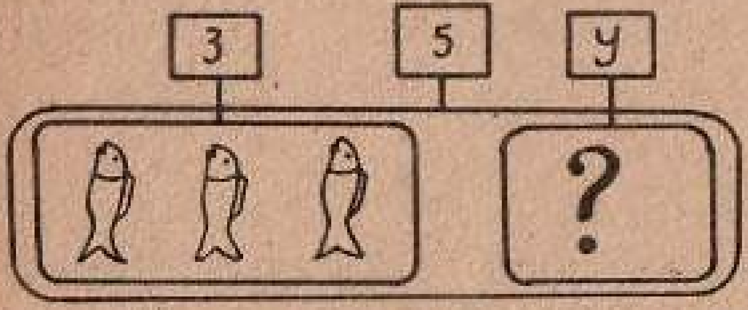

$3 + y = 5$

$y = 5 - 3 = 2$

Ghi nhớ : **Lấy tổng trừ đi số hạng đã biết.**

thuongmaitr

2. An vẽ được 7 hình vừa hình tam giác, vừa hình vuông, trong đó có 3 hình vuông. Hỏi An vẽ được bao nhiêu hình tam giác?

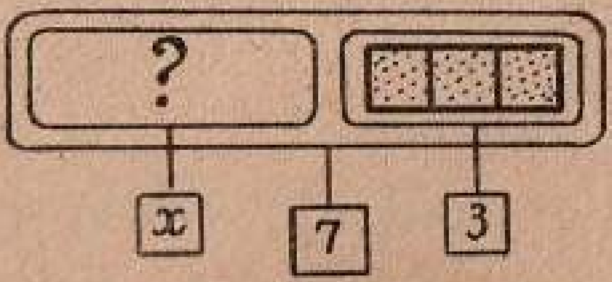

Tóm tắt : 7 hình { ? hình tam giác; 3 hình vuông.

Giải : 7 hình – 3 hình = 4 hình.

3. Tùng nuôi 6 con gà trong đó có 1 gà trống. Hỏi Tùng nuôi mấy gà mái?

Tóm tắt : 6 con gà $\begin{cases} \text{1 gà trống} \\ \text{? gà mái} \end{cases}$

Giải : 6 con gà – 1 con gà = 5 con gà.

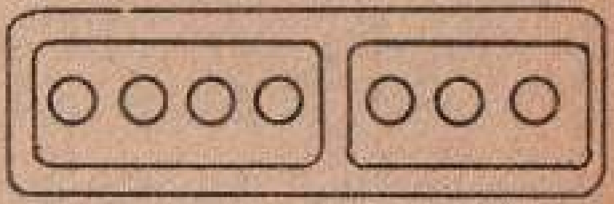

1. x + 3 = 7 x = ?
   4 + y = 7 y = ?

2. x + 4 = 15 x = ?
   11 + y = 15 y = ?

3. Tính x : x + 2 = 10 7 + x = 9
   x + 8 = 19 15 + x = 20

4. Lan mua một quyển sách và một quyển vở hết 8 đồng. Quyển sách giá 5 đồng. Hỏi quyển vở giá mấy đồng?

5. Toàn có 20 hòn bi vừa bi xanh, vừa bi đỏ, trong đó có 12 hòn bi đỏ. Hỏi Toàn có bao nhiêu hòn bi xanh?

6. Mai hái được 16 bông hoa vừa hoa vàng, vừa hoa đỏ, trong đó có 10 bông hoa vàng. Hỏi Mai hái được bao nhiêu bông hoa đỏ?

LUYỆN TẬP

1.

18 – 16 + 17	16 – 13 + 16	18 – 0 + 2
16 – 12 + 16	14 – 11 + 17	20 + 0 – 10
14 – 13 + 15	20 – 17 + 17	20 – 8 – 12
13 – 11 + 18	20 – 8 + 6	16 – 11 – 5

2. Làm các phép tính sau đây bằng nhiều cách:

3 + 10 + 7	18 – (3 + 5)	(15 + 5) – 4
4 + 6 + 10	20 – (6 + 4)	(17 + 3) – 2

3. Tính x : $x + 2 = 15$ $\quad 13 + x = 15$
$x + 4 = 18$ $\quad 14 + x = 20$
$x + 3 = 20$ $\quad 6 + x = 20$

4. Mẹ đưa Lan 2 đồng đi mua rau. Lan mua hết 1 đồng 6 hào. Hỏi Lan còn mấy hào?

5. Một đàn trâu, bò gồm có 16 con đang ăn cỏ trong đó có 6 con trâu. Hỏi đàn đó có bao nhiêu con bò?

6. Tổ của Hằng trồng được 12 cây chuối. Tổ của Nga trồng được hơn tổ của Hằng 2 cây chuối. Hỏi tổ của Nga trồng được bao nhiêu cây chuối?

7. Trên một mảnh giấy kẻ ô vuông, có một số ô vuông bị che lấp.
a) Tính số ô vuông bị che lấp.
b) Tính số ô vuông nhìn thấy.
c) Trên mảnh giấy đó có bao nhiêu ô vuông?

3. CỘNG, TRỪ QUA 10

9 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 9 + 5

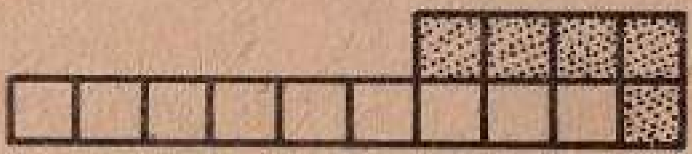

$$\underline{9 + 5 = 9 + (1 + 4) = (9 + 1) + 4}$$
$$9 + 1 = 10$$
$$10 + 4 = 14$$
$$9 + 5 = (9 + 1) + 4 = 14$$

Ghi nhớ : **Tách 1 ở số sau.**

1. a) Có 9 que tính. Thêm 1 que tính được mấy que tính?
b) Có 9 que tính. Thêm 1 que tính, rồi thêm 6 que tính, được bao nhiêu que tính?
c) Có 9 que tính. Thêm 7 que tính được bao nhiêu que tính ?

2.

9 + 1 + 8	9 + 8	9 + 7	9 + 6
9 + 9	8 + 9	7 + 9	6 + 9
9 + 5	9 + 4	9 + 3	9 + 2
5 + 9	4 + 9	3 + 9	2 + 9

3. Hãy làm các phép tính sau đây bằng cách nhanh nhất:

9+7+1	9+5+5	8+2+6	8+2+7
9+7+3	9+5+1	8+4+6	5+2+8

uongxua.vn

4. Lan năm nay lên 9 tuổi. Chị của Lan hơn Lan 4 tuổi. Hỏi chị của Lan bao nhiêu tuổi?

5. Lan lên 9 tuổi, như vậy là Lan hơn em 3 tuổi. Hỏi em của Lan bao nhiêu tuổi?

8 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 8 + 7

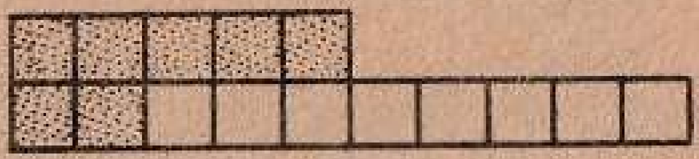

$$\underline{8 + 7 = 8 + (2 + 5) = (8 + 2) + 5}$$

$$8 + 2 = 10$$

$$10 + 5 = 15$$

$$8 + 7 = (8 + 2) + 5 = 15$$

Ghi nhớ : **Tách 2 ở số sau.**

1. a) Có 8 que tính. Thêm 2 que tính được mấy que tính?

   b) Có 8 que tính. Thêm 2 que tính, rồi thêm 4 que tính, được mấy que tính?

   c) Có 8 que tính. Thêm 6 que tính, được mấy que tính?

2. a) 8 + 2 + 6   8 + 5   8 + 3   8 + 4

   8 + 8   5 + 8   3 + 8   4 + 8

   b) 6 + 8   7 + 8   9 + 8   2 + 8

   8 + 6   8 + 7   8 + 9   8 + 2

3. 17+3−5   18+2−6   8+7−5   9+9−8

   17−5+3   18−6+2   8−5+7   9−8+9

4. Tổ em có 8 đội viên. Tổ bạn có 9 đội viên. Hỏi cả hai tổ có mấy đội viên?

5. Điền số thích hợp vào ô trống:

   9 + □ = 16   8 + □ = 13   □ + 4 = 12

   □ + 5 = 14   8 + □ = 17   □ + 9 = 18

6.* Hãy tìm trên hình vẽ bên 9 hình chữ nhật.

thuongmaitr

ĐÊXIMET

10 xentimet còn gọi là 1 đêximet. Viết tắt : 1 *dm* .

1 *dm* = 10 *cm*

1. Đoạn thẳng dài 1 *dm* 2 *cm* , tức là dài bao nhiêu xentimet?

2. Hãy kẻ một đoạn thẳng dài 13 *cm* . Đoạn đó dài bao nhiêu đêximet và mấy xentimet?

3. Điền số thích hợp vào ô trống:

1*dm* 8*cm* = □ *cm* ; 1*dm* 5*cm* = □ *cm*;

17*cm* = □ *dm* □ *cm* ; 10*cm* = □ *dm*.

4. Cái bàn cao 7 *dm* . Ghế đẩu cao 4 *dm* . Hỏi bàn cao hơn ghế đẩu bao nhiêu đêximet? Ghế đẩu thấp hơn bàn bao nhiêu đêximet?

5.

Số bị trừ	13 *dm*		9 *dm*	20 *dm*	
Số trừ	11 *dm*	5 *dm*		8 *dm*	10 *dm*
Hiệu		3 *dm*	6 *dm*		5 *dm*

6. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =

1 *dm* 5 *cm* □ 15 *cm* 1 *dm* 8 *cm* □ 20 *cm*

1 *dm* 7 *cm* □ 15 *cm* 2 *dm* □ 1 *dm* 8 *cm*

8 *cm* □ 1 *dm* 1 *dm* □ 8 *cm*

7. Chiều dài cái bàn là 10 *dm* . Chiều rộng kém chiều dài 4 *dm*. Hỏi chiều rộng là mấy đêximet?

7 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 7 + 5

$$\underline{7 + 5 = 7 + (3 + 2) = (7 + 3) + 2}$$

$$7 + 3 = 10$$

$$10 + 2 = 12$$

$$7 + 5 = (7 + 3) + 2 = 12$$

Ghi nhớ : **Tách 3 ở số sau.**

1. a) Có 7 que tính. Thêm 3 que tính nữa thì được mấy que tính?
b) Có 7 que tính. Thêm 3 que tính rồi lại thêm 3 que tính nữa, thì được mấy que tính?
c) Có 7 que tính. Thêm 6 que tính nữa thì được mấy que tính?

2. $7+3+4$ $\quad 7+6$ $\quad 7+9$ $\quad 7+4$ $\quad 7+5$ $\quad 7+8$
$7+7$ $\quad 6+7$ $\quad 9+7$ $\quad 4+7$ $\quad 5+7$ $\quad 8+7$

3.

Số hạng	8	7	8	12	11
Số hạng	9	7		8	
Tổng			16		20

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	7dm + *6dm* □ *13dm*	*10dm* + *9dm* □ *20dm*
	8dm − *13dm* □ *4dm*	*17dm* − *11dm* □ 6cm

thuongmaitr

5. Tính x : $x+5=10$ $\quad 9+x=19$ $\quad x+10=18$ $\quad x+9=17$

6. Hằng gấp được 9 cái vừa thuyền vừa tàu bay, trong đó có 6 thuyền. Hỏi Hằng gấp được mấy tàu bay?

6 CỘNG VỚI MỘT SỐ: 6 + 5

$$\underline{6 + 5 = 6 + (4 + 1) = (6 + 4) + 1}$$
$$6 + 4 = 10$$
$$10 + 1 = 11$$
$$6 + 5 = (6 + 4) + 1 = 11$$

Ghi nhớ : **Tách 4 ở số sau.**

1. a) Có 6 que tính. Thêm 4 que tính nữa thì được mấy que tính?
b) Có 6 que tính. Thêm 4 que tính, rồi thêm 2 que tính nữa, thì được mấy que tính?
c) Có 6 que tính. Thêm 6 que tính nữa thì được mấy que tính?

2.

6+4+2	6+5	6+8	6+7	6+9
6+6	5+6	8+6	7+6	9+6

3. Đo các đoạn thẳng dưới đây:
a) Các đoạn thẳng đó dài mấy xentimet?
b) Đoạn thẳng này dài hơn đoạn thẳng kia mấy xentimet?

4. Anh câu được 6 con cá, em câu được 5 con cá. Hỏi cả hai anh em câu được mấy con cá?

5. Mẹ em nuôi 6 con vịt, 7 con gà. Hỏi mẹ em nuôi bao nhiêu con cả vịt cả gà?

LUYỆN TẬP

1.

a)	6 + 5	7 + 5	8 + 5	9 + 5
	5 + 6	5 + 7	5 + 8	5 + 9
b)	7 + 4	8 + 4	9 + 4	
	4 + 7	4 + 8	4 + 9	
c)	8 + 3	9 + 3	9 + 2	
	3 + 8	3 + 9	2 + 9	

2.

9 + 6	8 + 3	7 + 7
9 + 9	8 + 6	6 + 6
9 + 8	8 + 7	5 + 7 − 2
9 + 7	7 + 6	3 + 8 − 10

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	8 + 9 □ 9 + 8	10 + 4 + 3 □ 10 + 4
	6 + 8 □ 8 + 6	10 + 10 − 6 □ 10 + 10
	7 + 5 □ 7 + 4	9 + 9 − 8 □ 12 − 2
	4 + 9 □ 4 + 10	4 + 7 − 1 □ 20 − 10

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

1 *dm* + □ *cm* = 19*cm*   7*cm* + □ *cm* = 1*d*

□ *cm* + 8*cm* = 1*dm* 4 *cm*   □ *cm* + 9*cm* = 2*d*

5. Một tổ có 8 bạn gái và 4 bạn trai. Hỏi tổ đó có bao nhiêu bạn?

6. Đoạn thẳng thứ nhất dài 6 *cm*. Đoạn thẳng thứ hai dài hơn đoạn thẳng thứ nhất 5 *cm*. Hỏi đoạn thẳng thứ hai dài bao nhiêu xentimet?

7. Hãy kẻ thêm một đoạn thẳng trong hình tứ giác để có hai hình tam giác và một hình tứ giác.

8. Mẹ mua sách hết 14 đồng. Mẹ đưa cô bán sách tờ giấy 20 đồng. Hỏi cô bán sách trả lại mẹ bao nhiêu tiền?

BẢNG CỘNG

9 + 2 = 11	8 + 3 = 11	7 + 4 = 11	6 + 5 = 11
9 + 3 = 12	8 + 4 = 12	7 + 5 = 12	6 + 6 = 12
9 + 4 = 13	8 + 5 = 13	7 + 6 = 13	
9 + 5 = 14	8 + 6 = 14	7 + 7 = 14	
9 + 6 = 15	8 + 7 = 15		
9 + 7 = 16	8 + 8 = 16		
9 + 8 = 17			
9 + 9 = 18			

a) Trong bảng cộng, ở cột thứ hai thiếu dòng phép tính 8+9. Em có thể tìm thấy kết quả của phép tính đó ở cột nào?
b) Ở cột thứ ba thiếu hai dòng: 7+8 và 7+9. Em có thể tìm thấy kết quả của hai phép tính đó ở cột nào?
c) Ở cột thứ tư thiếu ba dòng: 6+7, 6+8 và 6+9. Em có thể tìm thấy kết quả của ba phép tính đó ở cột nào?

. Dựa vào bảng cộng trên em hãy lập bảng cộng sau:

5 + 6 =	4 + 7 =	3 + 8 =	2 + 9 =
5 + 7 =	4 + 8 =	3 + 9 =	
5 + 8 =	4 + 9 =		
5 + 9 =			

. a) Em hãy tính:

7 + 8 + 3   7 + 3 + 8

uongxua.vn

Em có nhận xét gì về thứ tự các số trong hai dãy phép cộng và kết quả của hai dãy phép cộng đó?
b) Em hãy tìm cách tính nhanh:

9 + 7 + 1   6 + 9 + 4   3 + 8 + 7

. Cộng ngang, dọc, chéo ba số viết trong các ô của mỗi hình vuông dưới đây:

4	5	3
3	4	5
5	3	4

5	7	6
7	6	5
6	5	7

4	9	2
3	5	7
8	1	6

. Dũng có 8 hòn bi. Hùng có nhiều hơn Dũng 3 hòn bi. Hỏi Hùng có bao nhiêu hòn bi?

6.* Điền dấu thích hợp vào ô trống:

+
−

8 ☐ 9 ☐ 3 = 14

7 ☐ 6 ☐ 7 = 20

TÌM SỐ BỊ TRỪ

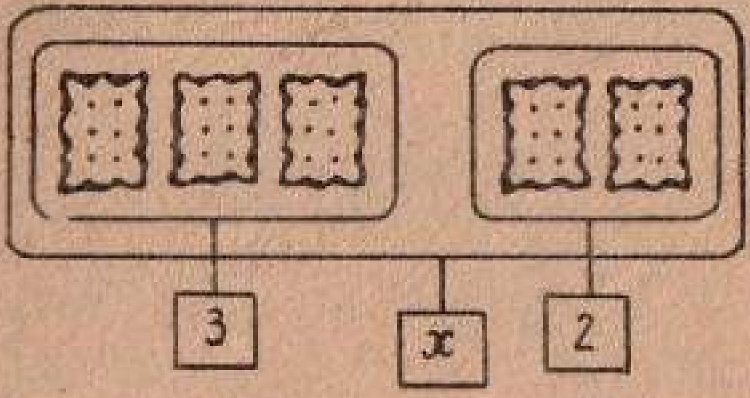

Bài toán 1: Tâm c
x cái bánh. Tâm cho bạ
3 cái. Tâm còn 2 cái bánh
Hãy tính x, tức là số bán
Tâm có trước khi ch
bạn.

Tóm tắt : Có : x = ?

Cho : 3

Còn : 2

x − 3 = 2

x = 2 + 3

x = 5

Giải : 2 cái + 3 cái = 5 cái.

thuongmaitr

Ghi nhớ : Lấy hiệu cộng với số trừ.

Bài toán 2: Trên cành cây có một số chim đậu. 4 co bay đi, còn lại 3 con. Hỏi lúc đầu trên cành cây có ba nhiêu con chim?

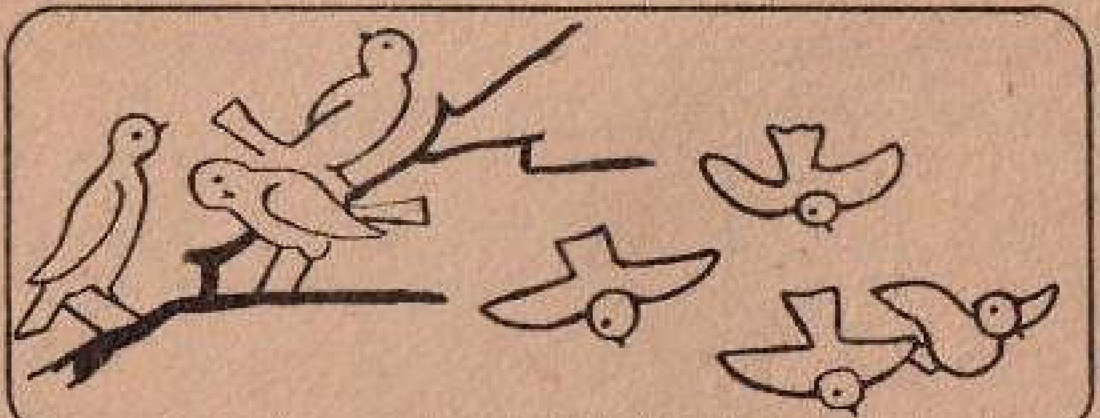

Tóm tắt : Có : ? con

Bay đi : 4 con

Còn lại : 3 con

Giải : 3 con + 4 con = 7 con.

Bài toán 3. Trên bàn có một số que tính. Em lấy đi 5 que tính thì còn 2 que tính. Hỏi trước khi lấy, trên bàn có tất cả bao nhiêu que tính?

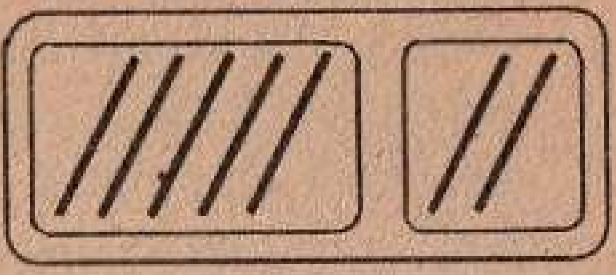

Tóm tắt : Có : ? que
Lấy đi : 5 que
Còn : 2 que

Giải : 2 que + 5 que = 7 que.

Số bị trừ	10			9		
Số trừ	3	3	7	1	1	8
Hiệu		7	3		8	1

Tính x: $x - 5 = 5$ $x - 11 = 8$ $x - 7 = 13$
$x - 8 = 0$ $x - 8 = 11$ $x - 13 = 7$

Toàn cho bạn 8 hòn bi. Toàn còn 7 hòn bi. Hỏi trước khi cho bạn Toàn có tất cả bao nhiêu hòn bi?

Lan gấp được một số thuyền. Lan cho bạn 6 cái thuyền. Lan còn 5 cái thuyền. Hỏi Lan gấp được tất cả bao nhiêu thuyền?

Hằng hái được một số quả ổi. Hằng cho bạn 7 quả. Hằng còn 7 quả. Hỏi Hằng hái được bao nhiêu quả ổi?

Bến xe có một số ôtô. Khi 9 ôtô đã rời khỏi bến thì còn lại 4 ôtô. Hỏi ở bến xe lúc đầu có bao nhiêu ôtô?

LUYỆN TẬP

Tính x : $x + 4 = 20$ $5 + x = 18$ $x + 11 = 17$
$16 + x = 20$ $x + 13 = 18$ $6 + x = 17$

Tính y : $y - 6 = 14$ $y - 3 = 8$ $y - 5 = 6$
$y - 4 = 11$ $y - 8 = 3$ $y - 6 = 5$

3. Điền số thích hợp vào ô trống :

□ + 3 = 15   □ – 13 = 12   15 – □ = 12

4. Bình có một số nhãn vở. Bình cho bạn 5 cái và Bìn
còn 8 cái. Hỏi lúc đầu Bình có mấy nhãn vở ?

5. Sân bay có một số máy bay. Sau khi 9 cái bay lên th
còn lại 7 cái. Hỏi lúc đầu sân bay có bao nhiêu má
bay?

6. Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải :

16 bạn { 5 bạn trai; ? bạn gái

7. Đặt đề toán theo hình vẽ tóm tắt sau rồi giải :

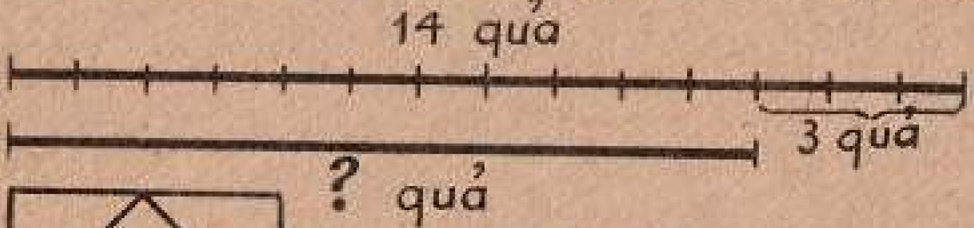

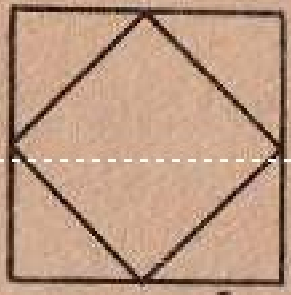

8. Trên hình bên có bao nhiêu hình vuông
bao nhiêu hình tam giác? Hãy tô màu
các hình tam giác đó.

9.* Hai tổ học sinh mua bút chì. Tổ Một mua 1 tá bút chì,
như vậy ít hơn tổ Hai 2 bút chì. Hỏi tổ Hai mua bao
nhiêu bút chì?

KILÔGAM

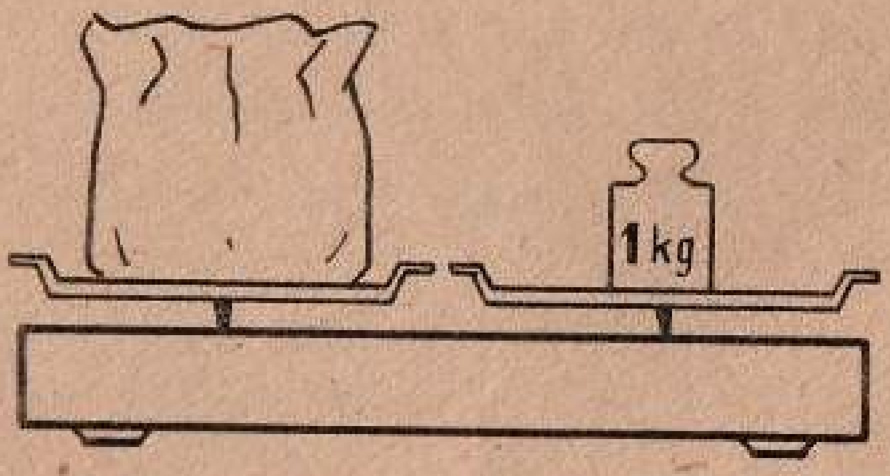

Gói muối cân được 1 kilôgam. Viết tắt: 1 *kg*.

1. Trên một đĩa cân có một quả cân 5 *kg* và một quả cân 2 *kg* . Trên đĩa cân kia có một túi gạo. Cân thăng bằng. Hỏi túi gạo cân được mấy kilôgam?

2.

3 *kg* + 7 *kg*	9 *kg* + 6 *kg*	8 *kg* + 5 *kg*
18 *kg* – 14 *kg*	20 *kg* – 16 *kg*	15 *kg* – 4 *kg*

3. Con gà nhà em cân được 2 *kg* . Con ngỗng nhà em cân được 5 *kg* . Hỏi ngỗng nặng hơn gà mấy kilôgam?

4. Nga cân được 18 *kg* . Hằng nhẹ hơn Nga 2 *kg* . Hỏi Hằng cân được bao nhiêu kilôgam?

5. Mẹ em mua được 20 *kg* vừa gạo vừa mì trong đó 8 *kg* gạo. Hỏi có bao nhiêu kilôgam mì?

6. Tổ Một thu nhặt được 8 *kg* giấy vụn. Tổ Hai thu nhặt được 9 *kg* giấy vụn. Hỏi cả hai tổ thu nhặt được bao nhiêu kilôgam giấy vụn?

7. Thực hành cân. Cân cái túi sách. Cân 1 *kg* ngô, gạo hay khoai. Tự cân mình xem được mấy kilôgam.

uongxua.vn

11 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 11 – 5

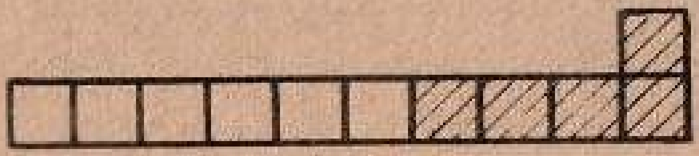

$$\underline{11 - 5 = 11 - (1 + 4) = 11 - 1 - 4}$$

$$11 - 1 = 10, \quad 10 - 4 = 6$$

$$11 - 5 = 11 - 1 - 4 = 6$$

Ghi nhớ : **Tách 1 ở số trừ.**

1. a) Có 11 que tính. Bớt 1 que tính còn mấy que tính?
   b) Có 11 que tính. Bớt 1 que tính, rồi bớt 3 que tính nữa, còn mấy que tính?

c) Có 11 que tính. Bớt 4 que tính, còn mấy que tính?

2. 11 – 1 – 2   11 – 2   11 – 5   11 – 6   11 – 9
11 – 3   11 – 4   11 – 7   11 – 8   11 – 10

3. Tính x : $x + 4 = 11$ $x - 5 = 6$
$8 + x = 11$ $x - 12 = 5$

4.

Số hạng	9		14	8	15
Số hạng	2	2	5		
Tổng		11		20	19

5. Em có 11 cái kẹo. Em ăn 3 cái. Em còn bao nhiêu kẹo?

6. Một tổ có 11 bạn, trong đó có 6 bạn gái. Hỏi tổ đó có bao nhiêu bạn trai?

thuongmaitr

12 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 12 - 7

$$12 - 7 = 12 - (2 + 5) = 12 - 2 - 5$$

$$12 - 2 = 10, \quad 10 - 5 = 5$$

$$12 - 7 = 12 - 2 - 5 = 5$$

Ghi nhớ : **Tách 2 ở số trừ.**

1. a) Có 12 que tính. Bớt 2 que tính, còn mấy que tính?
b) Có 12 que tính. Bớt 2 que tính, rồi bớt 6 que tính nữa, còn mấy que tính?
c) Có 12 que tính. Bớt 8 que tính, còn mấy que tính?

2. 12 – 2 – 1 12 – 4 12 – 6 12 – 7 12 – 6 – 6
12 – 3 12 – 5 12 – 8 12 – 9 12 – 5 – 5

3. 7 + 5 3 + 9 8 + 4 12 – 4 – 8
5 + 7 9 + 3 4 + 8 12 – 6 + 9
12 – 5 12 – 3 12 – 4 12 – 8 + 6
12 – 7 12 – 9 12 – 8 12 – 6 + 4

4. Vườn trẻ mua về một tá bóng xanh và bóng đỏ, trong đó có 4 quả bóng xanh. Hỏi có bao nhiêu quả bóng đỏ ?

5. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =			
	11 – 5 ☐ 12 – 6	12 – 9 ☐ 5	12 – 8 ☐ 2
	12 – 3 ☐ 10	12 – 7 ☐ 11 – 6	12 – 4 ☐ 7

6. Tổ Một thu nhặt được 12 *kg* giấy vụn. Tổ Hai thu nhặt được 9 *kg* giấy vụn. Hỏi tổ Một thu nhặt hơn tổ Hai bao nhiêu kilôgam giấy vụn?

uongxua.vn

13 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 13 – 5

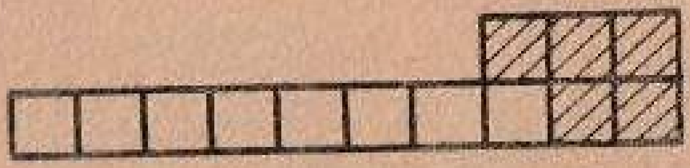

13 – 5 = 13 – (3 + 2) = 13 – 3 – 2

13 – 3 = 10, 10 – 2 = 8

13 – 5 = 13 – 3 – 2 = 8

Ghi nhớ : **Tách 3 ở số trừ.**

1. a) Có 13 que tính. Bớt 3 que, còn mấy que tính?
b) Có 13 que tính. Bớt 3 que, rồi bớt 4 que nữa, còn mấy que tính?
c) Có 13 que tính. Bớt 7 que, còn mấy que tính?

2. 13 – 3 – 1   13 – 5   13 – 8   13 – 9   13 – 6 – 6
13 – 4   13 – 7   13 – 6   13 – 3   13 – 8 + 9

3. 8 + 5   7 + 6   9 + 4   13 – 9 – 4
5 + 8   6 + 7   4 + 9   13 – 8 – 5
13 – 5   13 – 6   13 – 4   13 – 10 + 7
13 – 8   13 – 7   13 – 9   13 – 3 + 10

4.

Số bị trừ	11	12	13		13	13
Số trừ	9		5	6		9
Hiệu		8		7	9	

5. Đoạn thẳng thứ nhất dài 1 *dm* 3 *cm* . Đoạn thẳng thứ hai dài 9 *cm* . Hỏi đoạn thẳng thứ nhất dài hơn đoạn thẳng thứ hai bao nhiêu xentimet?

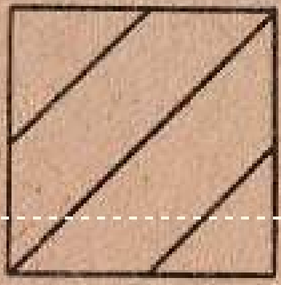

6. Trên hình vẽ bên có :
a) Mấy hình tam giác?
b) Mấy hình tứ giác?

thuongmaitr

14 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 14 – 7

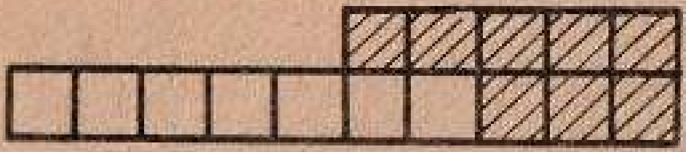

14 – 7 = 14 – (4 + 3) = 14 – 4 – 3

14 – 4 = 10, 10 – 3 = 7

14 – 7 = 14 – 4 – 3 = 7

Ghi nhớ : **Tách 4 ở số trừ.**

1. a) Có 14 que tính. Bớt 4 que, còn mấy que tính?
b) Có 14 que tính. Bớt 4 que, rồi bớt 5 que nữa, còn mấy que tính?
c) Có 14 que tính. Bớt 9 que, còn mấy que tính?

2.	14 – 4 – 2	14 – 5	14 – 9	14 – 7 – 7
	14 – 6	14 – 7	14 – 8	14 – 9 + 9
3.	8 + 6	9 + 5	7 + 7	14 – 6 – 8
	6 + 8	5 + 9	14 – 7	14 + 6 – 12
	14 – 6	14 – 5	14 – 4	14 – 9 – 5
	14 – 8	14 – 9	14 + 6	14 – 4 – 4

4. Tính y: y + 5 = 14   8 + y = 14   y – 7 = 7

5. Lan mua hai quyển sách hết 14 đồng. Quyển thứ nhất giá 8 đồng. Hỏi quyển thứ hai giá mấy đồng?

Tóm tắt : 14 đồng { Quyển 1: 8 đồng; Quyển 2: ?

6. Bếp ăn mua một số kilôgam rau. Sau khi dùng 14 *kg* thì còn 5 *kg* . Bếp ăn đã mua mấy kilôgam rau?

Tóm tắt : Mua : ? *kg*
Đã dùng : 14 *kg*
Còn : 5 *kg*

15 TRỪ ĐI MỘT SỐ: 15 – 8

15 – 8 = 15 – (5 + 3) = 15 – 5 – 3

15 – 5 = 10, 10 – 3 = 7

15 – 8 = 15 – 5 – 3 = 7

Ghi nhớ : **Tách 5 ở số trừ.**

1. a) Có 15 que tính. Bớt 5 que tính, còn mấy que tính?
b) Có 15 que tính. Bớt 5 que tính, rồi bớt 2 que tính nữa, còn mấy que tính?
c) Có 15 que tính. Bớt 7 que tính, còn mấy que tính?

2.

15 – 5 – 4	15 – 7	15 – 8	15 – 9 – 6
15 – 9	15 – 6	15 – 5	15 – 8 + 8

3.

8 + 7	9 + 6	15 – 9 + 14
7 + 8	6 + 9	15 – 6 + 11
15 – 8	15 – 9	15 – 7 + 7

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

15 – 6 ☐ 9	14 – 8 ☐ 8	15 – 7 ☐ 10
15 – 9 ☐ 13 – 7	15 – 7 ☐ 2 + 3	15 – 8 ☐ 9

5. Hằng hái được 15 bông hoa. Nga hái được ít hơn Hằng 6 bông hoa. Hỏi Nga hái được bao nhiêu bông hoa?

Tóm tắt: Hằng:
Nga

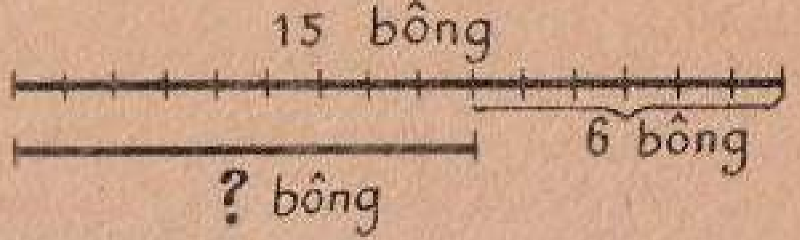

LUYỆN TẬP

1.

16 – (6 + 1)	16 – (6 + 2)	16 – (6 + 3)
16 – 7	16 – 8	16 – 9
17 – (7 + 1)	17 – (7 + 2)	18 – (8 + 1)
17 – 8	17 – 9	18 – 9

2.

9 + 7	8 + 8	14 – 8 + 12
7 + 9	16 – 8	13 – 5 + 10
16 – 7	16 – 6	12 – 4 + 6
16 – 9	16 – 10	11 – 7 + 8

3.

Số hạng	9	9	3		9
Số hạng	9			6	
Tổng		18	11	14	17

4. Tính x : $x + 3 = 12$ $x + 8 = 11$
$5 + x = 14$ $6 + x = 12$
$x + 9 = 17$ $x + 7 = 13$

5. Thùng mật có 12 *kg* . Người ta lấy ra 5 *kg* . Hỏi trong thùng còn mấy kilôgam mật?

6. Tổ Một thu nhặt được 9 chai thủy tinh. Tổ Hai thu nhặt được 8 chai thủy tinh. Hỏi cả hai tổ thu nhặt được bao nhiêu chai thủy tinh?

7. a) Vẽ một đoạn thẳng dài 1 *dm* 6 *cm* .
b) Vẽ một đoạn thẳng dài 9 *cm* .
c) Đoạn thẳng thứ hai ngắn hơn đoạn thẳng thứ nhất bao nhiêu xentimet?

truongxua.vn

8. Cô giáo mua một số bút chì. Cô thưởng cho học sinh giỏi và ngoan 9 bút chì. Cô còn có 7 bút chì. Hỏi cô giáo mua tất cả bao nhiêu bút chì?

9. Tìm trên hình vẽ bên:
a) hai hình tam giác;
b)* bốn hình tứ giác.
Hãy tô màu các hình tam giác đó.

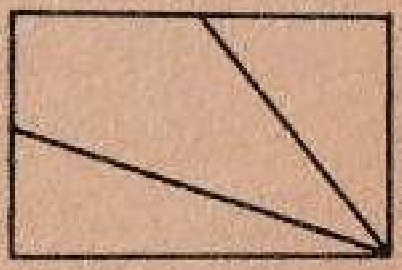

10.* Tùng có 19 hòn bi gồm hai loại, bi xanh và bi đỏ. Hỏi trong số đó có thể có 10 hòn bi cùng màu không?

BẢNG TRỪ

11 − 2 = 9	12 − 3 = 9	13 − 4 = 9	14 − 5 = 9
11 − 3 = 8	12 − 4 = 8	13 − 5 = 8	14 − 6 = 8
11 − 4 = 7	12 − 5 = 7	13 − 6 = 7	14 − 7 = 7
11 − 5 = 6	12 − 6 = 6	13 − 7 = 6	14 − 8 = 6
11 − 6 = 5	12 − 7 = 5	13 − 8 = 5	14 − 9 = 5
11 − 7 = 4	12 − 8 = 4	13 − 9 = 4	
11 − 8 = 3	12 − 9 = 3		
11 − 9 = 2			
15 − 6 = 9	16 − 7 = 9	17 − 8 = 9	18 − 9 = 9
15 − 7 = 8	16 − 8 = 8	17 − 9 = 8	
15 − 8 = 7	16 − 9 = 7		
15 − 9 = 6			

1.

4 + 7 − 6	13 − 6 + 7	2 + 9 − 7 + 2
6 + 8 − 5	15 − 7 + 9	8 + 7 − 12 + 8
6 + 9 − 8	16 − 8 + 6	7 + 6 − 13 + 9
3 + 9 − 7	15 − 9 + 7	9 + 9 − 15 + 8

2.

Số bị trừ	16		15	11	
Số trừ	7	9		5	6
Hiệu		7	8		5

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =			
	8 ☐ 15 − 7	9 + 5 ☐ 13 − 7	12 − 8 ☐ 15 − 11
	14 − 7 ☐ 3 + 3	8 + 6 ☐ 20 − 8	18 − 9 ☐ 20 − 10

4. Với các số 5, 6, 11 và các dấu +, −, =, hãy thành lập 4 phép tính đúng.

5. Anh 18 tuổi, em 9 tuổi. Hỏi anh hơn em mấy tuổi?

6. Cửa hàng hợp tác xã có một số khăn mặt. Sau khi bán 1 tá khăn mặt, cửa hàng còn 8 cái. Hỏi trước khi bán

thuongmaitr

cửa hàng có bao nhiêu khăn mặt?

7.* Tìm trên hình vẽ bên 5 hình chữ nhật.

TÌM SỐ TRỪ

Bài toán 1. An làm được 5 lá cờ. An cho bạn x cờ. An còn 3 cờ. Hãy tính x, tức là số cờ mà An cho bạn.

Tóm tắt :

Có : 5
Cho : x =?
Còn : 3

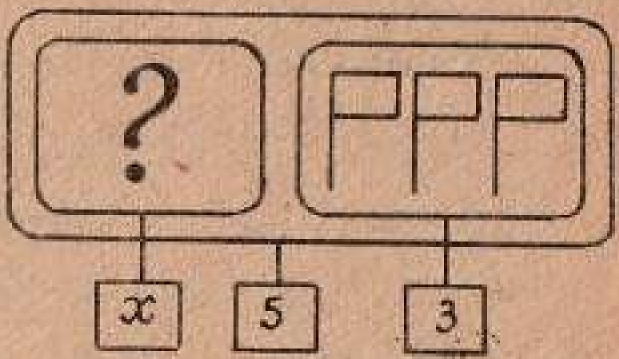

$5 - x = 3$

$x = 5 - 3$

$x = 2$

5 cờ – 3 cờ = 2 cờ

uongxua.vn

Ghi nhớ : **Lấy số bị trừ trừ đi hiệu.**

Bài toán 2. Nga cắt được 7 ngôi sao. Nga cho Hằng một số sao và Nga còn 4 sao. Hỏi Nga cho Hằng bao nhiêu sao ?

Tóm tắt : Có : 7 sao.
Cho : ? sao.
Còn : 4 sao.

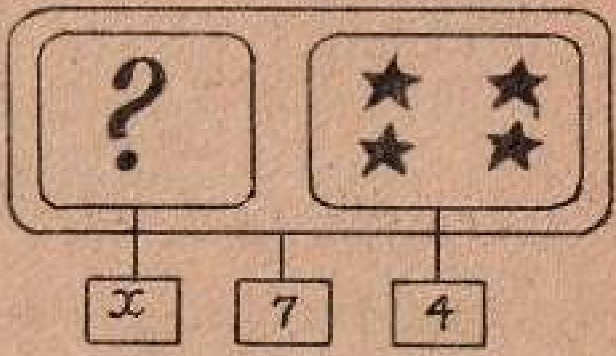

Giải :

7 sao – 4 sao = 3 sao

Bài toán 3: Trên bàn có 9 que tính. Em lấy đi một số que tính thì còn 4 que tính. Hỏi đã lấy đi bao nhiêu que tính?

Tóm tắt : Có : 9 que
Lấy : ? que
Còn : 4 que

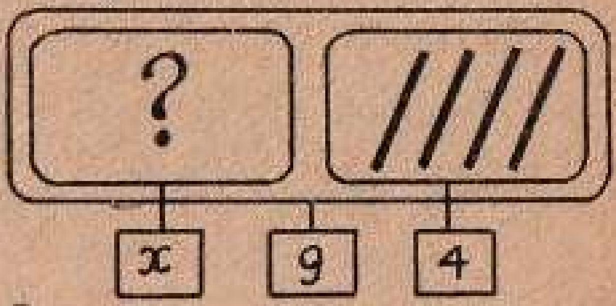

Giải : 9 que – 4 que = 5 que

1.

Số bị trừ	20	20	15	15	11	11
Số trừ	8		9		3	
Hiệu		12		6		8

2. Tính x :

$10 - x = 7 \qquad 12 - x = 6 \qquad 14 - x = 5$

$18 - x = 11 \qquad 20 - x = 4 \qquad 13 - x = 3$

3. Đàn vịt có 10 con. Một số vịt bơi xuống dưới ao. Trên bờ còn lại 6 con. Hỏi có mấy con bơi dưới ao?

4. Đoàn tàu có 12 toa. Khi đã cắt bỏ một số toa thì còn 9 toa. Hỏi đã cắt bỏ mấy toa?

5. Bến xe có 15 xe ôtô. Có một số ôtô lên đường, còn lại 8 ôtô. Hỏi có bao nhiêu ôtô đã rời khỏi bến?

6. Trên sân bay có 14 máy bay. Sau khi một số máy bay cất cánh thì còn lại 7 máy bay. Hỏi có bao nhiêu máy bay đã cất cánh.

thuongmaitr

LUYỆN TẬP

1. Tính y :

$y + 7 = 15 \qquad 2 + y = 11$

$y - 6 = 5 \qquad 20 - y = 10$

$15 - y = 7 \qquad y - 6 = 14$

2. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =	10 − 2 ☐ 20 − 12	9 ☐ 13 − 5	7 + 4 ☐ 20 − 7

3. Bình có 13 cái nhãn vở. Bình cho bạn một số nhãn vở và Bình còn 8 cái. Hỏi Bình đã cho bạn bao nhiêu nhãn vở?

4. Đặt đề toán theo tóm tắt sau rồi giải :

Có : 13 con chim.
Bay đi : ? con
Còn lại : 8 con chim.

5. Tùng có 16 hòn bi. Sau khi cho bạn một số hòn bi, Tùng còn 8 hòn bi. Hỏi Tùng đã cho bạn bao nhiêu hòn bi?

6. Một đoạn thẳng dài 1 *dm* 5 *cm* . Cắt đi một đoạn thì đoạn thẳng còn lại dài 8 *cm* . Hỏi đã cắt đi một đoạn dài bao nhiêu xentimet?

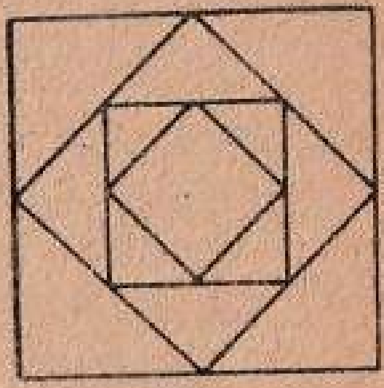

7. Trên hình vẽ bên, có bao nhiêu hình vuông, bao nhiêu hình tam giác?

8.* Toàn có một số bi xanh và bi đỏ. Biết rằng số bi của Toàn bé hơn 10, số bi đỏ hơn số bi xanh là 7, hãy tính xem Toàn có bao nhiêu bi xanh, bao nhiêu bi đỏ.

LÍT

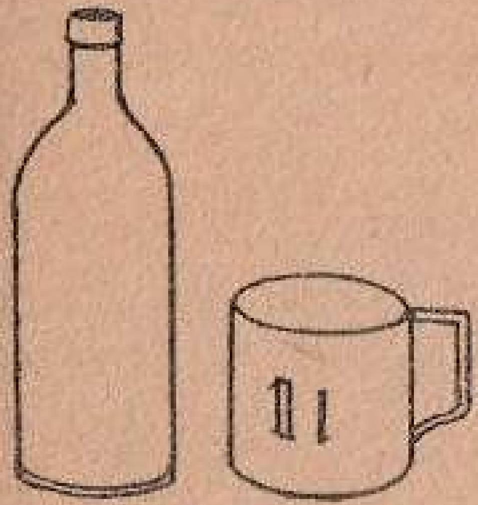

Ca lít đựng đầy nước. Ta có 1 lít nước.

1 lít viết tắt là 1*l* .

1.

9*l* + 8*l*	13*l* – 6*l*	2*l* + 12*l* + 6*l*
17*l* – 8*l*	6*l* + 7*l*	20*l* – 4*l* – 7*l*

2. Em có một chai lít và một cái cốc. Thử đong xem mấy cốc nước thì đổ đầy được chai lít .

3. Hai thùng dầu chứa 15*l* . Thùng nhỏ chứa 6*l* . Hỏi thùng to chứa mấy lít ?

4. Rót 12*l* ở thùng nước mắm ra, trong thùng còn 6*l* . Hỏi trước khi rót thùng đó có mấy lít ?

5. Thùng dầu nhà em đựng 12*l* . Mẹ em đã lấy ra một số lít dầu và trong thùng còn 5*l* . Hỏi mẹ em đã lấy ra bao nhiêu lít dầu ?

6. Thùng thứ nhất đựng 13*l* nước mắm. Thùng thứ hai đựng ít hơn thùng thứ nhất 4*l* . Hỏi thùng thứ hai đựng bao nhiêu lít nước mắm ?

7. Thùng thứ nhất đựng 8*l* nước mắm. Thùng thứ hai đựng nhiều hơn thùng thứ nhất 4*l* nước mắm. Hỏi thùng thứ hai đựng mấy lít ?

8. Thùng thứ nhất có 16*l* dầu. Thùng thứ hai có 14*l* . Thùng nào nhiều hơn, và nhiều hơn mấy lít ?

TUẦN LỄ. NGÀY

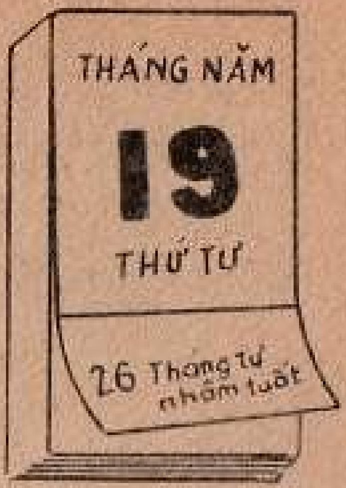

Một tuần lễ có 7 ngày.

7 ngày trong tuần là:

chủ nhật, thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy.

1. Nếu hôm qua là chủ nhật, hôm nay là thứ mấy? Ngày mai là thứ mấy? Ngày kia là thứ mấy? Hôm kia là thứ mấy?

2. Một tuần lễ em đi học mấy ngày? Vào những ngày nào? Em được nghỉ mấy ngày? Vào những ngày nào?

3. Nếu hôm nay là thứ ba ngày 9, thứ năm tới là ngày mấy? Ngày 13 là thứ mấy?

4. Nếu năm nay, ngày kỉ niệm thành lập Đội 15 – 5 là thứ bảy, thì ngày kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ 19 – 5 sẽ là thứ mấy?

5. Em xem thứ ba tuần này vào ngày mấy. Thứ ba tuần sau sẽ là ngày mấy?

6. Nếu năm nay, ngày kỉ niệm thành lập Đảng 3 – 2 là thứ tư, thì ngày 12 – 2 là thứ mấy?

7.* Mẹ em đi công tác xa trong 2 tuần. Mẹ ra đi hôm thứ hai ngày 3. Hỏi đến ngày mấy mẹ sẽ về? Ngày về là ngày thứ mấy trong tuần?

ÔN TẬP

1. Điền số thích hợp vào ô trống:

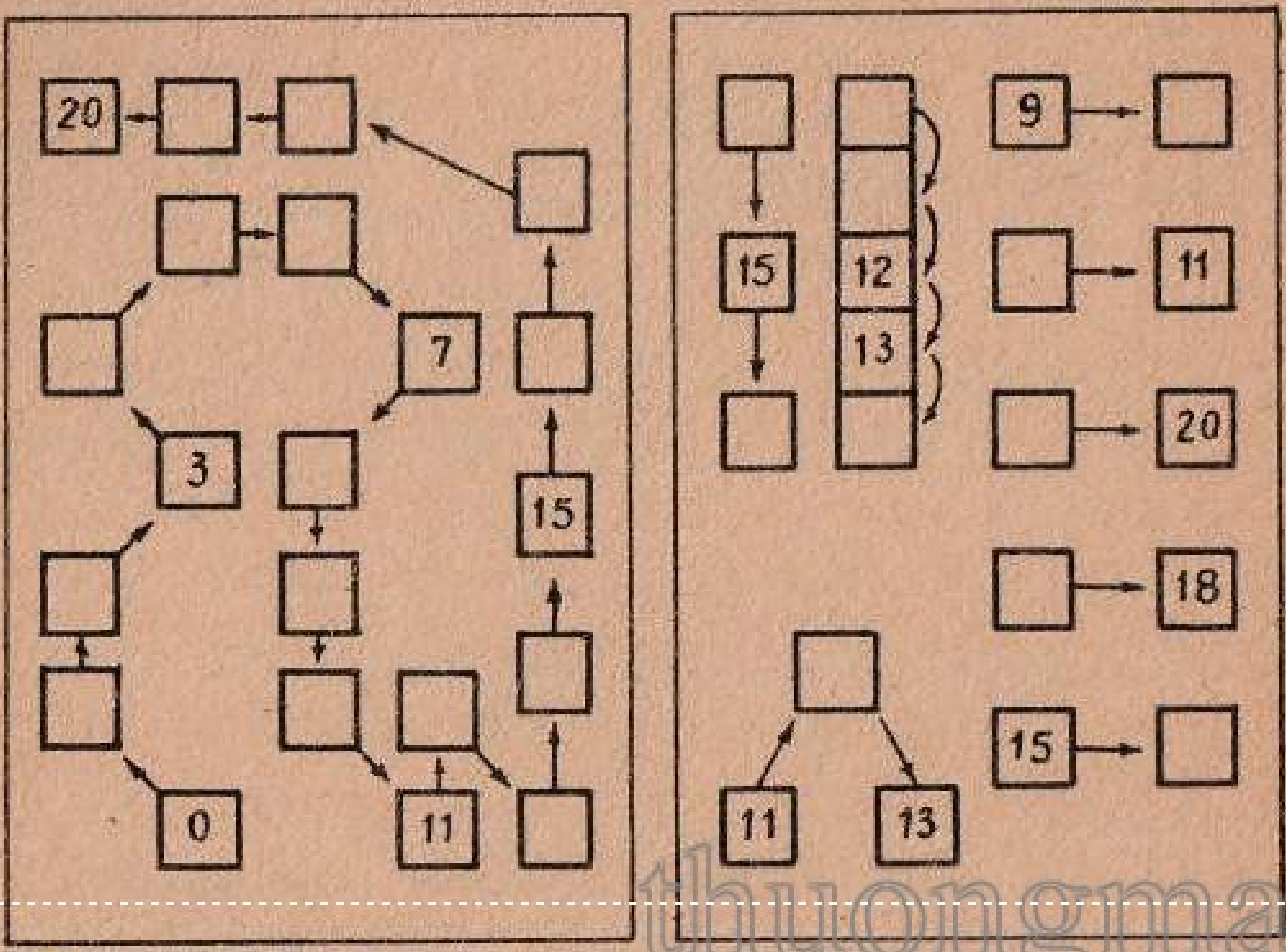

thuongmaitr

2. Bảng cộng và trừ :

	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18

Cách dùng bảng :

a) $5 + 7 = ?$. Chọn ô nằm cùng dòng với 5 và cùng cột với 7. Đó là ô mang số 12. Kết quả: $5 + 7 = 12$.
b) $12 - 5 = ?$. Đi theo dòng từ ô đầu mang số 5 đến ô mang số 12. Chọn ô đầu cùng cột với ô 12. Đó là ô mang số 7. Kết quả: $12 - 5 = 7$.

3. $3 + 9 + 8$ $\quad$ $9 + 7 - 9$ $\quad$ $8 + 7 - 15$
$6 + 7 - 9$ $\quad$ $15 + 0 - 8$ $\quad$ $19 - 12 - 7$
$12 - 9 + 7$ $\quad$ $17 - 4 - 5$ $\quad$ $16 - 9 + 5$

4.

Số hạng	12	10	5	6	8	
Số hạng	8			7		9
Tổng		15	14		17	11

uongxua.vn

5.

Số bị trừ	20	15	14		17	
Số trừ	12			7		2
Hiệu		10	5	6	8	9

6.* Điền số thích hợp vào ô trống: □ < 4.
Ta có thể điền: 0 vì $0 < 4$, hoặc 1 vì $1 < 4$,
hoặc 2 vì $2 < 4$, hoặc 3 vì $3 < 4$.
Tùng nuôi 4 con gà. Lan nuôi được ít gà hơn. Hỏi Lan nuôi được mấy con gà?

7. Tính x:

$x + 8 = 17$ $\quad$ $17 - x = 8$ $\quad$ $x - 9 = 9$
$9 + x = 14$ $\quad$ $14 - x = 9$ $\quad$ $x - 4 = 7$
$15 + x = 15$ $\quad$ $15 - x = 15$ $\quad$ $x - 6 = 8$

8. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

>	8 + 12	□	9 + 11	5 + 8	□	20 − 8
<	19 − 10	□	3 + 8	7 + 7	□	20 − 6
=	*1dm 5cm*	□	*2dm*	2đồng	□	1đồng 6hào

9. Tổ em có 12 đội viên. Tổ bạn chỉ có 9 đội viên. Hỏi số đội viên tổ em nhiều hơn số đội viên tổ bạn mấy người?

10. Thùng nước mắm có 18 lít nước mắm. Sau khi bán được một số lít thì trong thùng còn lại 9 lít. Hỏi đã bán được mấy lít nước mắm?

11. Hằng gấp được một số thuyền. Hằng cho bạn 7 cái và Hằng còn có 6 cái. Hỏi Hằng gấp được bao nhiêu thuyền?

12. Nga vẽ được 5 hình tứ giác và 7 hình tam giác. Hỏi Nga vẽ được bao nhiêu hình?

thuongmaitr

13. a) Hãy vẽ một đoạn thẳng dài 7 *cm*, và một đoạn thẳng dài hơn đoạn thẳng này 4 *cm*.
b) Tính xem đoạn thẳng thứ hai dài mấy đêximet và mấy xentimet.

C - CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1. ĐỌC VÀ VIẾT SỐ

CHỤC TRĂM

1 ô vuông.

1 chục ô vuông hay mười ô vuông.
Mười viết là 10.

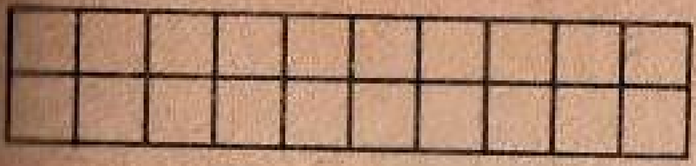

2 chục ô vuông hay
hai mươi ô vuông.
Hai mươi viết là 20.

3 chục ô vuông hay
ba mươi ô vuông.
Ba mươi viết là 30.

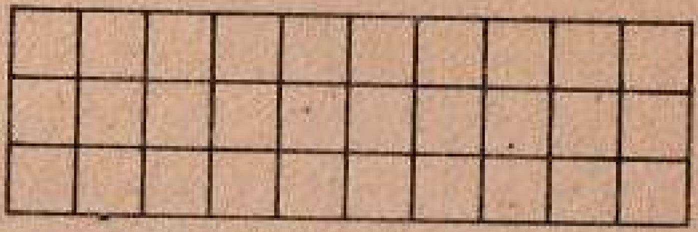

10 chục ô vuông hay
một trăm ô vuông.
Một trăm viết là 100.

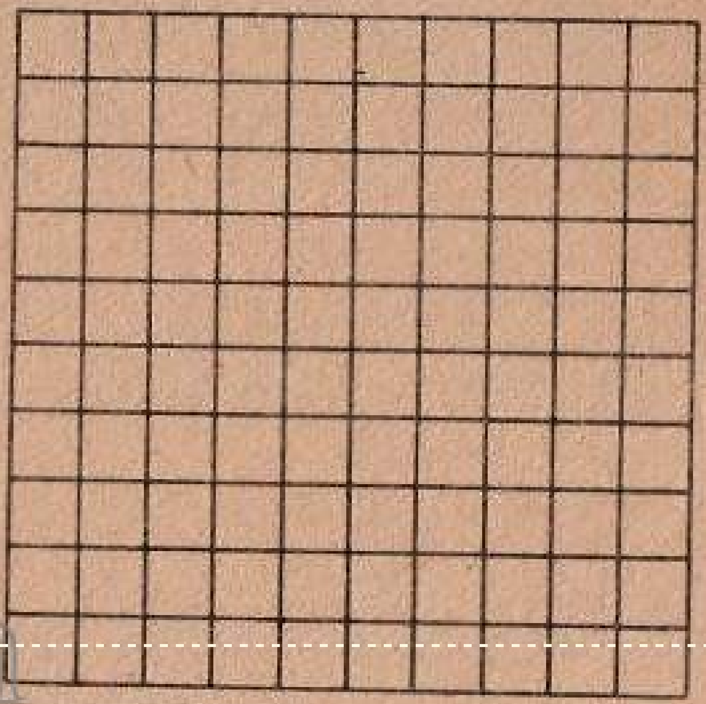

uongxua.vn

1 trăm = 10 chục

1. Mỗi bó có mấy chục que tính?
Có mấy bó que tính?
Có tất cả mấy chục que tính?

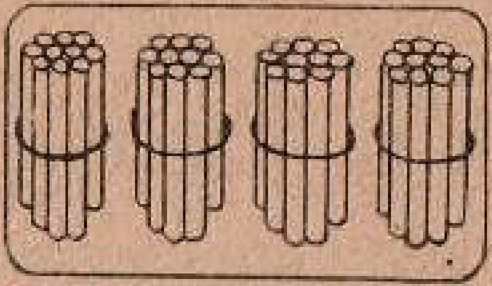

2.

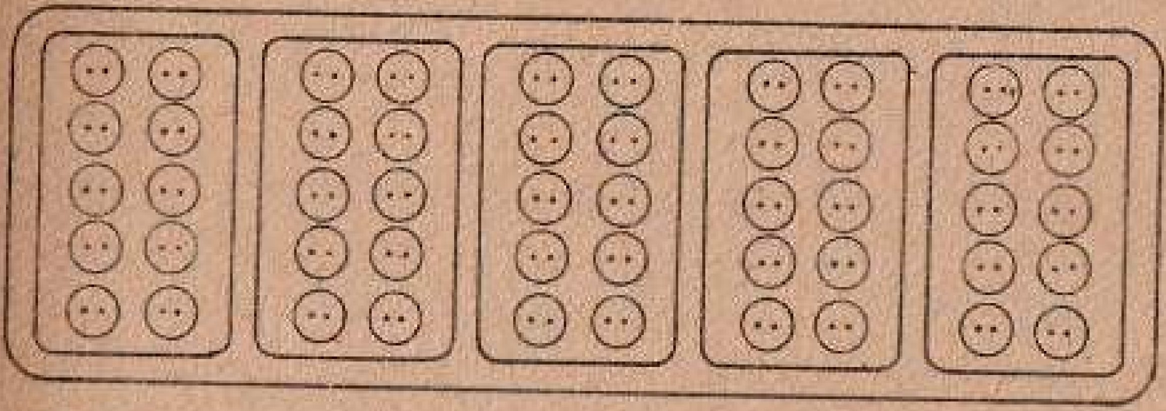

Có tất cả mấy chục cái khuy?

5. a) Số liền sau số 39 là số nào?
b) Số liền trước số 39 là số nào?
c) Số nào ở giữa số 38 và số 40?

6. Điền số còn thiếu vào ô trống:

70		72			75		77		79			82

7. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =

78 ☐ 78   81 ☐ 87   93 ☐ 89
100 ☐ 37   46 ☐ 46   15 ☐ 70

LUYỆN TẬP

1. Viết số:
a) Ba mươi bảy, bảy mươi ba, bảy mươi, ba chục.
b) Chữ số hàng chục là 2 và chữ số hàng đơn vị là 9. Chữ số hàng chục là 9 và chữ số hàng đơn vị là 0.
c) 3 chục 5 đơn vị; 5 chục 3 đơn vị; 8 chục 0 đơn vị.

2. Điền số thích hợp vào ô trống:

41	42			45		47			50

60	59		57			54		52	

3. Viết các số 35, 91, 52, 19 vào các ô sau đây:
a) theo thứ tự từ bé đến lớn; ☐☐☐☐
b) theo thứ tự từ lớn đến bé. ☐☐☐☐

4. Điền số thích hợp vào ô trống:
a) 10*cm* = ☐ *dm*   1*dm* = ☐ *cm*
70*cm* = ☐ *dm*   5*dm* = ☐ *cm*

b) 10 hào = ☐ đồng 1 đồng = ☐ hào

80 hào = ☐ đồng 3 đồng = ☐ hào

5. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =

a) 76 ☐ 67 87 ☐ 92 6 chục ☐ 60

b) 30*cm* ☐ 3*dm* 2*dm* ☐ 18*cm* 49*cm* ☐ 5*dm*

6.* Trên hình vẽ bên có bao nhiêu hình tam giác?

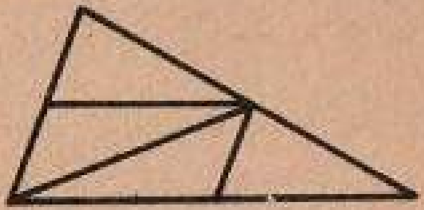

MÉT

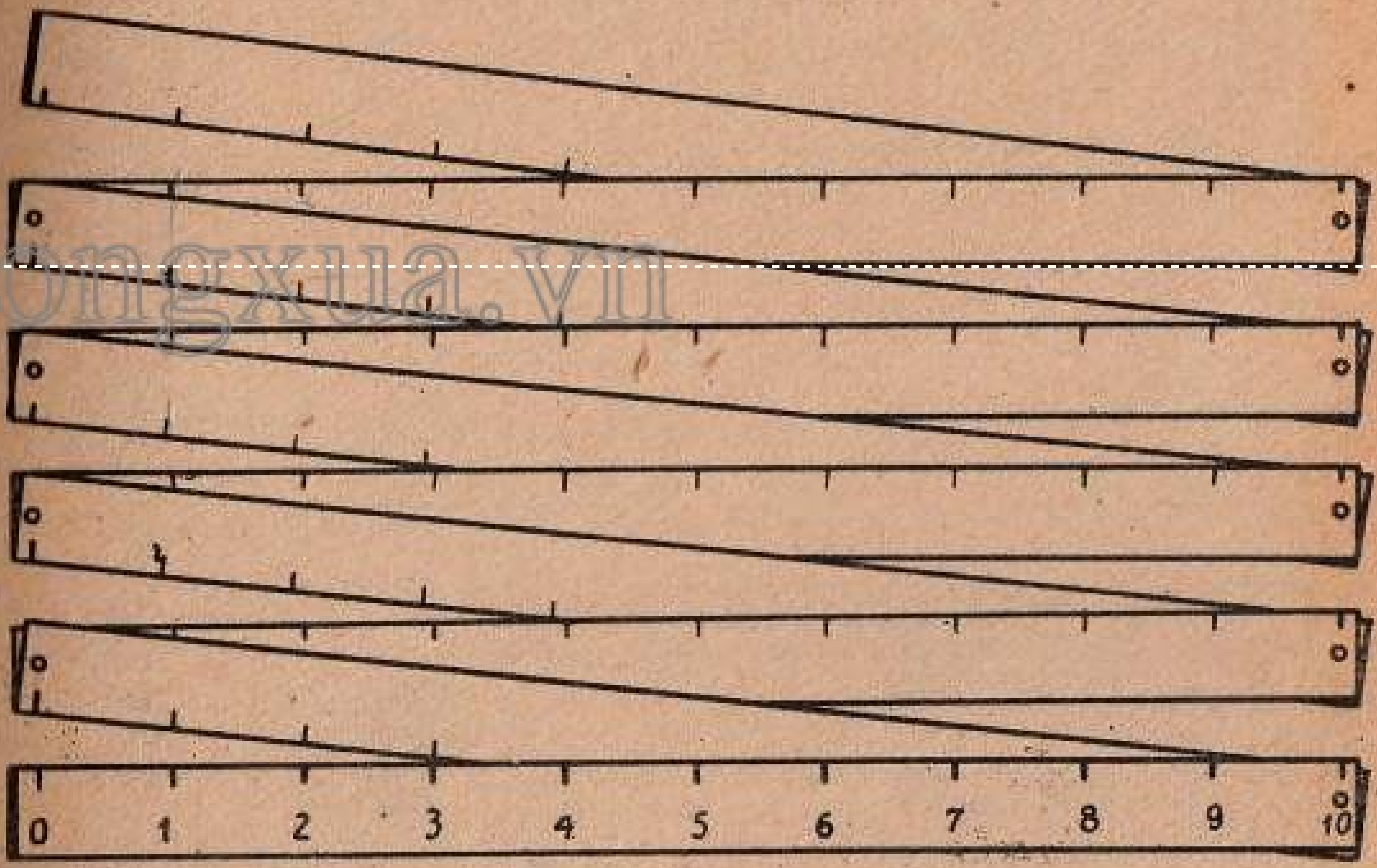

truongxua.vn

Trên đây là hình vẽ cái thước dài 1 mét. Một mét viết tắt là 1 *m* . 1 mét dài bằng 10 đêximet và bằng 100 xentimet.

1 *m*	=	10 *dm*
1 *m*	=	100 *cm*

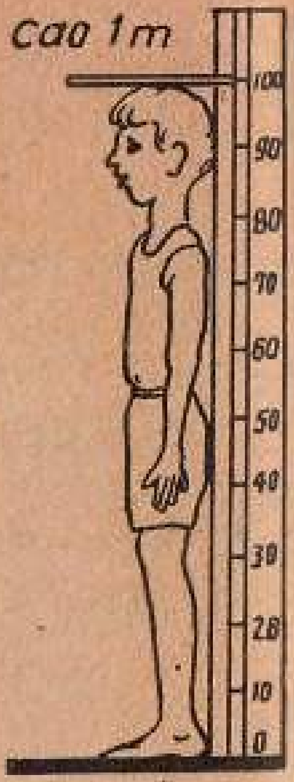

1. Hãy chỉ trên thước mét (tính từ 0) một đoạn dài: 10 *cm*, 20 *cm* , 30 *cm* , 40 *cm* , 50 *cm* , 60 *cm* , 70 *cm* , 80 *cm* , 90 *cm* , 100 *cm*.

2. Điền số vào chỗ có chấm:

1*dm* = ...*cm*	2*dm* = ...*cm*	30*cm* = ...*dm*
1*m* = ...*dm*	5*dm* = ...*cm*	70*cm* = ...*dm*
1*m* = ...*cm*	10*dm* = ...*cm*	100*cm* = ...*dm*

3. Đọc các số trong bảng:

m	dm	cm
	7	2
	2	7
1	0	0

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =				
	1*dm* ☐ 7*cm*		72*cm* ☐ 1*m*	
	30*cm* ☐ 4*dm*		4*dm* 5*cm* ☐ 45*cm*	
	1*m* ☐ 10*dm*		8*dm* 9*cm* ☐ 86*cm*	

5. a) Em dùng thước mét đo chiều dài và chiều rộng mặt bàn của cô giáo.
b) Đo chiều dài và chiều rộng lớp học.

6.

8*m* + 7*m*	3 *m* + 9*m*	20*cm* – 14*cm*
15*m* – 8*m*	16*dm* + 8*dm*	5*dm* + 8*dm*

7. Một mảnh vải dài 1 *m*, một mảnh vải khác dài 5 *dm*. Cả hai mảnh vải dài bao nhiêu đêximet?

8. Chiều dài lớp học đo được 6 *m* .Chiều rộng lớp học kém chiều dài 1*m* . Chiều rộng lớp học đo được bao nhiêu mét?

9. Mảnh vải thứ nhất dài 9 *dm* . Mảnh vải thứ hai dài hơn mảnh vải thứ nhất 6 *dm* . Mảnh vải thứ hai dài bao nhiêu đêximet?

LUYỆN TẬP

1. a) An cao đúng 1 *m* . Ba cao 95 *cm* . Ai cao hơn? Ai thấp hơn?
   b) An cao 1 *m* . Ba cao 95 *cm*. Hùng cao 99 *cm* . Ai cao nhất? Ai thấp nhất?

tuongxua.vn

2.

Số hạng	9*m*	6*m*		2*m*	2*m*	
Số hạng	9*m*		4*m*	9*m*		9*m*
Tổng		13*m*	12*m*		11*m*	11*m*

3.

Số bị trừ	17*m*		17*m*	15*m*		15*m*
Số trừ	8*m*	8*m*		6*m*	6*m*	
Hiệu		9*m*	9*m*		9*m*	9*m*

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	1 *m* □ 6 *dm*	100 *cm* □ 1 *m*
	2 *dm* □ 27 *cm*	50 *cm* □ 5 *dm* 1 *cm*
	10 *dm* □ 99 *cm*	30 *cm* □ 2 *dm* 7 *cm*

5. Điền số thích hợp vào ô trống:

10 *dm* = □ *m*   20 *dm* = □ *m*

3dm + □ dm = 1m	10dm + □ dm = 2m
8dm + □ dm = 1m	□ dm − 12 dm = 8 dm
5dm + □ dm = 1m	20dm − □ dm = 0

6. Một mảnh vải xanh và một mảnh vải trắng dài tất cả là 17 *m*. Mảnh vải xanh dài 9 *m*. Mảnh vải trắng dài bao nhiêu mét?

7. Mảnh vải đỏ dài 14 *m*. Mảnh vải xanh dài 8 *m*. Hỏi mảnh vải đỏ dài hơn mảnh vải xanh bao nhiêu mét?

8. Một mảnh vải sau khi cắt đi 12 *dm* thì còn 8 *dm* Hỏi trước khi cắt, mảnh vải đó dài bao nhiêu mét?

9. Vẽ trên giấy kẻ ô vuông 4 hình tam giác như hình dưới đây rồi cắt và ghép chúng lại thành:

a) 1 hình vuông ;
b) 1 hình tam giác ;
c) 2 hình vuông ;
d) 2 hình tam giác.

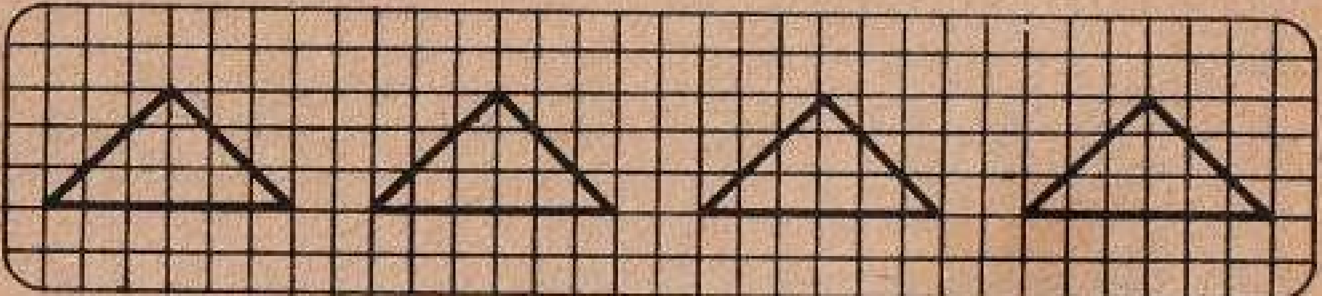

10.* Điền số thích hợp vào ô trống: 13 < □ < 17.

Ta có thể điền : 14 vì 13 < 14 và 14 < 17 hoặc
15 vì 13 < 15 và 15 < 17 hoặc
16 vì 13 < 16 và 16 < 17.

Hãy tìm một số lớn hơn 13 nhưng bé hơn 17.

2. CỘNG TRỪ

30 + 40   40 + 30   70 – 30   70 – 40

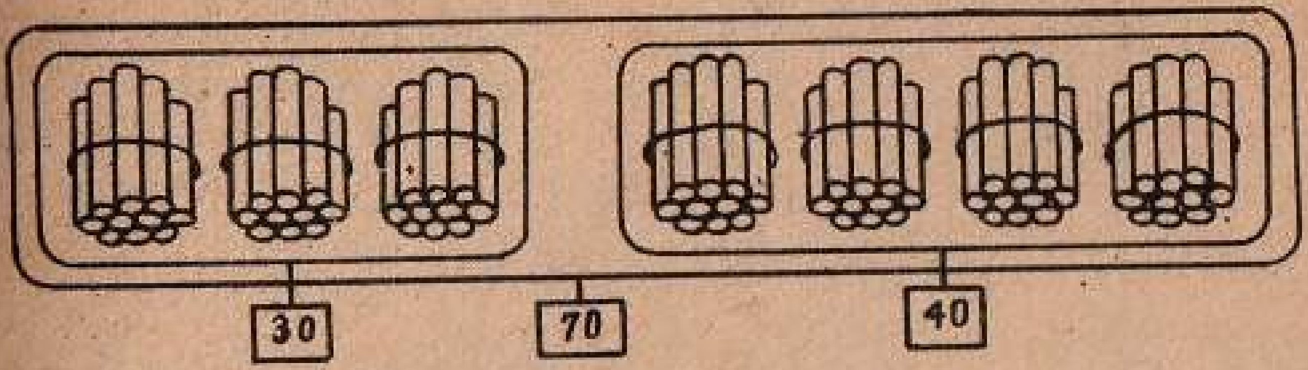


```
   30       40
+  40    +  30
  ----     ----
   70       70
```

30 + 40 = 70
40 + 30 = 70
70 – 30 = 40
70 – 40 = 30

```
   70       70
–  30    –  40
  ----     ----
   40       30
```

1. 2 chục + 4 chục   5 chục + 5 chục
   6 chục – 2 chục   10 chục – 5 chục

2. 20 + 40   40 + 60   50 + 50   80 + 0
   40 + 20   60 + 40   100 – 50   0 + 80
   60 – 20   100 – 40   30 + 70   80 – 0
   60 – 40   100 – 60   100 – 70   80 – 80

3. Tính x:

   x + 20 = 100   30 + x = 50   x – 40 = 60   100 – x = 10

4.

Số hạng	80		20	50		40
Số hạng	20	80		40	50	
Tổng		100	100		90	90

5. Khối lớp Hai có 40 học sinh trai và 60 học sinh gái. Hỏi khối lớp Hai có bao nhiêu học sinh?

6. Bố của Lan 50 tuổi và hơn chú của Lan 20 tuổi. Hỏi chú của Lan bao nhiêu tuổi?

30 + 7 　　 7 + 30 　　 37 − 7 　　 37 − 30

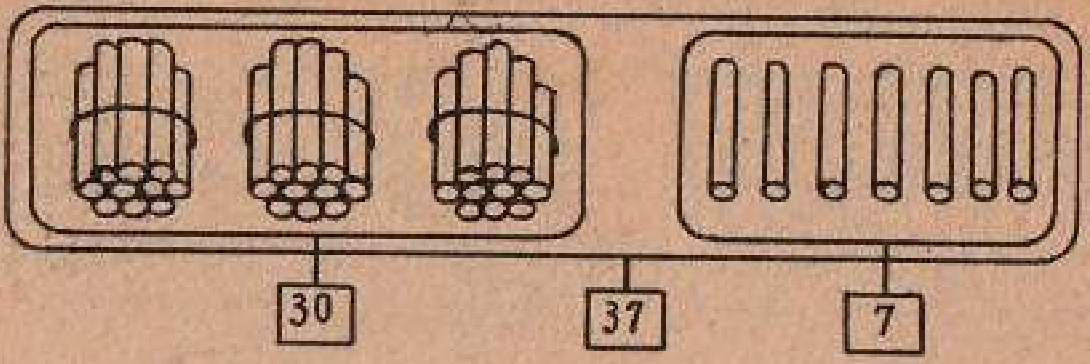

$30 + 7 = 37$ 　 $7 + 30 = 37$ 　 $37 - 7 = 30$ 　 $37 - 30 = 7$

$$\begin{array}{r} 30 \\ +\ \ 7 \\ \hline 37 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 30 \\ \hline 37 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37 \\ -\ \ 7 \\ \hline 30 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 37 \\ -\ 30 \\ \hline 7 \end{array}$$

Ghi nhớ : **Lấy số chục cộng với số chục, số đơn vị cộng với số đơn vị.**

Ghi nhớ : **Lấy số chục trừ đi số chục, số đơn vị trừ đi số đơn vị.**

thuongmaitr

1.

60 + 4	70 + 2	89 − 9
4 + 60	70 + 20	89 − 80
64 − 4	20 + 5	33 − 3
64 − 60	20 + 50	33 − 30

2.

45 − 5 + 60	(9 + 8) + 3	6 + 9 − 5
30 + 40 + 9	9 + (8 + 3)	6 + (9 − 5)
21 − 20 + 70	9 + (3 + 8)	9 + (6 − 5)

3.

Số bị trừ	66		66	29	29	
Số trừ	6	6		20		20
Hiệu		60	60		9	9

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

<
>
=

40 + 7 ☐ 40	6 + 90 ☐ 90 + 6
60 ☐ 50 + 9	70 + 3 ☐ 70 + 30
20 + 70 ☐ 90	50 + 40 ☐ 50 + 4

5.

40 *kg* + 5 *kg*	67 *l* – 7 *l*
40 *kg* + 50 *kg*	67 *l* – 60 *l*
50 *kg* + 50 *kg*	60 *l* – 60 *l*

6. Tấm vải xanh dài 25 *m* . Tấm vải trắng ngắn hơn tấm vải xanh 5 *m* . Hỏi tấm vải trắng dài bao nhiêu mét?

7. Thùng thứ nhất có 38 lít dầu. Thùng thứ hai có 30 lít dầu. Hỏi thùng nào có nhiều dầu hơn và nhiều hơn bao nhiêu lít?

LUYỆN TẬP

1.

50 + 30	50 + 3	40 + 40	90 + 9
30 + 50	3 + 50	40 – 0	9 + 90
80 – 30	53 – 3	40 + 0	99 – 9
80 – 50	53 – 50	40 – 40	99 – 90

2. Tính x:

$x + 10 = 100$ $30 + x = 39$ $48 - x = 40$ $x - 6 = 50$

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =					
4*dm* 6*cm*	□	46*cm*	75*cm*	□	7*dm* 5*cm*
5*m*	□	35*dm*	24*dm*	□	2*m*
56*cm*	□	6*dm*	68*dm*	□	8*m*

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

40*dm* + 7*dm* = □ *m* □ *dm*	□ *cm* – 7*cm* = 60*cm*
40*dm* + □ *dm* = 90*dm*	67*cm* – □ *cm* = 7*cm*
90*dm* – □ *dm* = 50*dm*	67*cm* – 60*cm* = □ *cm*

5.

2 + 9 + 8	17 − (3 + 7)	8 + 5 − 3
2 + 8 + 9	17 − 3 − 7	8 + (5 − 3)
9 + (2 + 8)	17 − 7 − 3	8 − 3 + 5

6. Lan cân được 22 *kg* . Hằng nhẹ hơn Lan 2 *kg* . Hỏi Hằng cân được bao nhiêu kilôgam?

7. Sau khi rót ra 20 lít nước mắm thì trong thùng còn 4 lít. Hỏi thùng đó trước khi rót đựng bao nhiêu lít nước mắm?

8. Toàn có 8 hòn bi. Tùng có 7 hòn bi. Nam có 5 hòn bi.
a) Hỏi Toàn và Tùng có bao nhiêu hòn bi?
b) Hỏi cả Toàn, Tùng và Nam có bao nhiêu hòn bi?

9. Em có 4 quyển vở.
a) Mẹ em cho em 5 quyển vở. Hỏi em có bao nhiêu quyển vở?
b) Bố em lại cho em 6 quyển vở nữa. Hỏi em có tất cả bao nhiêu quyển vở?

thuongmaitr

10.* Tùng có 18 hòn bi. Toàn có 13 hòn bi. Nam có nhiều bi hơn Toàn và ít bi hơn Tùng. Hỏi Nam có bao nhiêu hòn bi?

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH

(Mẫu I)

Bài toán 1: Lan làm được 5 cái phong bì. Mai làm được 4 cái, Hồng làm được 6 cái. Hỏi cả ba bạn làm được bao nhiêu phong bì?

Tóm tắt bài toán :

Lan	: 5 phong bì	} ? phong bì .
Mai	: 4 phong bì	
Hồng	: 6 phong bì	

Giải :

5 phong bì + 4 phong bì = 9 phong bì.
9 phong bì + 6 phong bì = 15 phong bì.

Đáp số : 15 phong bì.

Bài toán 2: Tổ Một mới kết nạp được 3 đội viên, tổ Hai được 4 đội viên, tổ Ba được 5 đội viên. Hỏi cả ba tổ có bao nhiêu đội viên mới?

Tóm tắt bài toán:

Tổ Một	: 3 đội viên	
Tổ Hai	: 4 đội viên	? đội viên
Tổ Ba	: 5 đội viên	

Giải :

3 đội viên + 4 đội viên = 7 đội viên
7 đội viên + 5 đội viên = 12 đội viên

truongxua.vn

Đáp số : 12 đội viên.

Bài toán 3: Mẹ mua giấy hết 8 đồng, vở hết 12 đồng và sách hết 9 đồng. Hỏi mẹ đã mua hết bao nhiêu tiền?

Tóm tắt bài toán :

Giấy	:	8 đồng	
Vở	:	12 đồng	? đồng
Sách	:	9 đồng	

Giải :

8 đồng + 12 đồng = 20 đồng
20 đồng + 9 đồng = 29 đồng

Đáp số : 29 đồng.

1. 20*l* + 50*l* + 8*l* 30*dm* + 40*dm* + 7*dm*
90*kg* – 60*kg* + 7*kg* 77*dm* – 40*dm* – 7*dm*
100*cm* – 70*cm* – 10*cm* 77*dm* – 7*dm* – 30*dm*

2. Thùng dầu có 20*l* dầu. Người ta rót ra một số lít dầu và trong thùng còn 12 lít. Hỏi người ta đã rót ra bao nhiêu lít dầu ?

3. Bì thứ nhất đựng 20*kg* gạo. Bì thứ hai đựng 10*kg* gạo. Bì thứ ba đựng 5*kg* gạo. Hỏi cả ba bì đựng bao nhiêu kilôgam gạo ?

4. Tấm vải xanh dài 30*m*. Tấm vải trắng dài 20*m*. Tấm vải đỏ dài 8*m*. Hỏi cả ba tấm vải dài bao nhiêu mét?

5. Hằng hái được 6 bông hoa. Nga hái được 8 bông hoa. Lan hái được 5 bông hoa. Hỏi cả ba người hái được bao nhiêu bông hoa ?

thuongmaitr

LUYỆN TẬP

1. 6 + 10 + 4 38 – 30 + 50 20 – (10 + 6)
10 + (6 + 4) 58 – 8 – 40 20 – 10 – 6

2.

Số hạng	8	8	8		8	
Số hạng	5	50		50		5
Tổng			13	58	58	13

3.

Số bị trừ	14	20			73	73
Số trừ	5	11	11	5	3	
Hiệu			9	9		70

4. Tính x :

11 + x = 20 x + 40 = 40 x – 8 = 80 88 – x = 8

5. Toàn có 27 hòn bi xanh và đỏ, trong đó có 7 hòn bi đỏ. Hỏi Toàn có bao nhiêu hòn bi xanh?

6. Mẹ Toàn nuôi được 10 con gà và 10 con vịt. Mẹ Toàn lại mua thêm 4 con gà để nuôi. Hỏi mẹ Toàn nuôi được tất cả bao nhiêu con vừa gà vừa vịt?

7. Trên hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

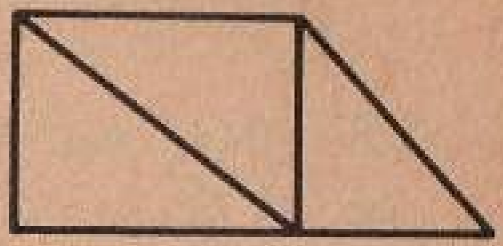

8*. Số tuổi của An và của Ba cộng lại bằng số tuổi của Lan và của Hương cộng lại. An nhiều tuổi hơn Hương. Hỏi Ba nhiều tuổi hơn hay ít tuổi hơn Lan?

45 + 3

$$+\begin{cases} 45 = 40 + 5 \\ 3 = \phantom{40 + {}}3 \end{cases} \qquad \begin{array}{r} 45 \\ +\ \ 3 \\ \hline 48 \end{array}$$

$$45 + 3 = 40 + 8 = 48$$

uongxua.vn

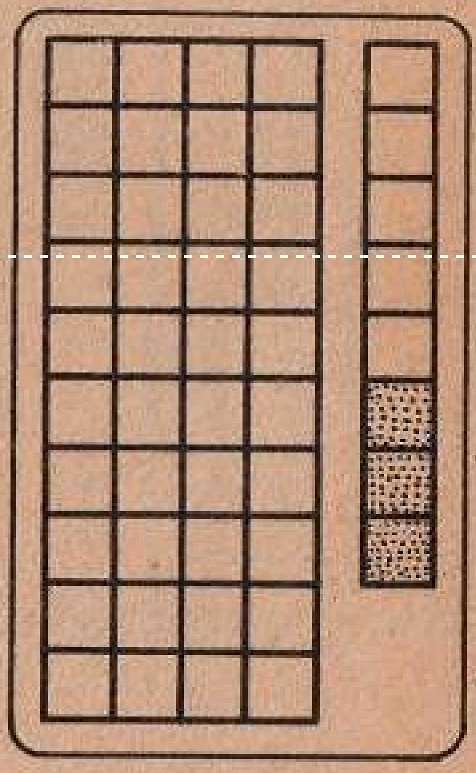

Số chục cộng với số chục, số đơn vị cộng với số đơn vị.

1. 26 + 3   53 + 4   71 + 8   32 + 7
3 + 26   4 + 53   8 + 71   7 + 32

2. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =			
	72 + 1 ☐ 73	32 + 5 ☐ 37	60 + 2 ☐ 2 + 60
	35 + 3 ☐ 39	41 + 3 ☐ 40 + 3	70 + 3 ☐ 70 + 30
	63 + 6 ☐ 68	82 + 5 ☐ 80 + 8	50 + 50 ☐ 50 + 5

3.

Số hạng	25	71	5	80		1
Số hạng	3	6	34		9	
Tổng				85	49	31

4. Tính x : x – 22 = 7 x – 6 = 52

5. Lớp có 37 học sinh, vừa nhận thêm 2 học sinh nữa. Hỏi lớp có tất cả bao nhiêu học sinh?

6. Vườn trẻ mua 21 quả bóng xanh, 4 quả bóng đỏ, 3 quả bóng vàng. Hỏi vườn trẻ đã mua bao nhiêu quả bóng?

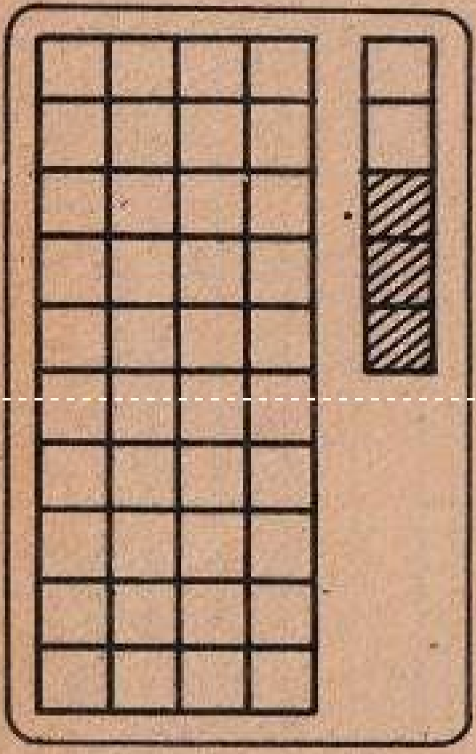

45 – 3

$$-\begin{cases}45 = 40 + 5\\ 3 = \quad\; 3\end{cases}\qquad \begin{array}{r} -\,45 \\ 3 \\ \hline 42 \end{array}$$

$$45 - 3 = 40 + 2 = 42$$

thuongmaitr

Số chục trừ đi số chục, số đơn vị trừ đi số đơn vị.

1. 76 – 5 69 – 7 38 – 6
71 + 5 62 + 7 99 – 1

2.

Số bị trừ	49			36	67
Số trừ	6	6	5	4	
Hiệu		43	53		7

3. Tính x : x + 7 = 49 38 – x = 3

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

37 – 2 ☐ 35	65 ☐ 68 – 3	27 – 7 ☐ 23 – 3
49 – 4 ☐ 46	55 ☐ 59 – 8	31 – 1 ☐ 31 – 0

5. Mẹ cho em 6 quyển vở. Bố cho em 5 quyển vở.
a) Em có bao nhiêu quyển vở?
b) Em đã dùng 4 quyển vở thì còn mấy quyển vở chưa dùng?

6. Cửa hàng có 24 khăn mặt. Bán đi một số, đếm lại còn 3 chiếc. Cửa hàng đã bán mấy khăn mặt?

LUYỆN TẬP

1.

64 + 4	95 – 3	3 + 25
4 + 64	92 + 3	25 + 3
68 – 4	3 + 92	28 – 3

truongxua.vn

2.

50 + 6	44 + 4	72 + 7	28 + 1
56 – 6	48 – 4	79 – 7	29 – 1

3. Tính y :

y + 8 = 99	y – 6 = 31
7 + y = 88	59 – y = 50

4. Bì ngô đựng 34*kg*. Bì gạo đựng hơn bì ngô 5*kg*. Hỏi bì gạo đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

5. Anh cao 1*m*6*dm*. Em cao 15*dm*. Hỏi em thấp hơn anh bao nhiêu xentimet?

6. Tháng trước lớp em có 10 bạn trai và 7 bạn gái được khen. Tháng này có thêm 3 bạn gái nữa được khen. Hỏi lớp em có bao nhiêu bạn được khen?

7. Mẹ em mua 4*m* vải trắng và 5*m* vải hoa.
a) Hỏi mẹ em mua bao nhiêu mét vải ?
b) Mẹ may áo cho em hết 3*m*. Hỏi mẹ em còn bao nhiêu mét vải?

8.** Trên bàn có 4 cái thìa, 6 cái đĩa và 8 cái bát. Cất đi một số đồ vật và trên bàn chỉ còn lại 13 đồ vật. Có thể nói chắc chắn rằng trong số đồ vật còn lại :

a) Có ít nhất một cái thìa không?

b) Có ít nhất một cái đĩa, một cái bát không? Tại sao?

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH
(Mẫu 2)

Bài toán 1. Tuần trước Bình kiếm được 5 bó củi. Tuần này Bình kiếm được 7 bó củi. Mẹ đã đun hết 6 bó. Hỏi nhà còn lại mấy bó củi?

Tóm tắt bài toán :

Có : 5 bó và 7 bó
Đã dùng : 6 bó
Còn : ? bó

Giải :

5 bó + 7 bó = 12 bó
12 bó – 6 bó = 6 bó

Đáp số : 6 bó.

Bài toán 2. Tổ Hồng trồng rau gây quỹ, bán su hào được 10 đồng, bán cà chua được 7 đồng. Tổ đã trích quỹ ra mua sách hết 5 đồng. Hỏi trong quỹ còn bao nhiêu tiền?

Tóm tắt bài toán:

Có : 10 đồng và 7 đồng
Mua hết : 5 đồng
Còn : ? đồng

Giải:

10 đồng + 7 đồng = 17 đồng
17 đồng – 5 đồng = 12 đồng

Đáp số : 12 đồng.

thuongmaitr

Bài toán 3. Tết trồng cây năm nay, trường em trồng thêm 20 cây phi lao và 5 cây bàng. Có 2 cây bị chết. Hỏi năm nay trường em đã có thêm bao nhiêu cây mới ?

Tóm tắt bài toán :

Trồng được	: 20 cây và 5 cây
Bị chết	: 2 cây
Còn	: ? cây

Giải :

20 cây + 5 cây = 25 cây
25 cây – 2 cây = 23 cây

Đáp số : 23 cây.

1. Lan gieo 10 hạt đậu. Hằng gieo 8 hạt đậu. Trong số các hạt đậu gieo có 3 hạt không nảy mầm. Hỏi có mấy hạt nảy mầm?

Tóm tắt bài toán :

uongxua.vn

Gieo : 10 hạt và 8 hạt.
Không nảy mầm : 3 hạt
Nảy mầm : ? hạt

2. Nhà em có 24 quả trứng. Mẹ vừa dùng 4 quả làm thức ăn. Gà nhà em lại đẻ thêm 6 quả. Hỏi bây giờ nhà em có bao nhiêu quả trứng ?

Tóm tắt bài toán:

Có	: 24 quả	} ? quả
Ăn	: 4 quả	
Còn	: ? quả	
Thêm	: 6 quả	

3. Trong ôtô có 45 hành khách. Đến một bến có 5 người xuống và 4 người lên. Trong ôtô bây giờ có bao nhiêu hành khách ?

LUYỆN TẬP

1. 40 + (50 – 30) 100 – (20 + 70) 49 – 8 + 6
(40 + 50) – 30 (100 – 20) – 70 81 + 5 – 4
(40 – 30) + 50 (100 – 70) – 20 79 – 2 – 7

40 + (50 – 30)	100 – (20 + 70)	49 – 8 + 6
(40 + 50) – 30	(100 – 20) – 70	81 + 5 – 4
(40 – 30) + 50	(100 – 70) – 20	79 – 2 – 7

2. Điền số thích hợp vào ô trống :

45 – ☐ = 40 ☐ – 38 = 1 60 + ☐ = 68

3. Hằng có 16 quyển vở. Hằng cho em 4 quyển và mua thêm 3 quyển. Bây giờ Hằng có bao nhiêu quyển vở ?

4. Bố cho Toàn 10 đồng. Toàn mua sách hết 6 đồng. Mẹ lại cho Toàn 8 đồng. Bây giờ Toàn có bao nhiêu tiền?

5. Tủ sách của Đội có 37 quyển. Hôm qua Tùng mượn về 4 quyển. Hôm nay Tùng đem trả 3 quyển. Hiện nay trong tủ sách có bao nhiêu quyển sách ?

6. Mẹ mua 15 *kg* gạo, đã ăn hết 9 *kg* . Hôm nay mua thêm 8 *kg* gạo. Hiện nay có bao nhiêu kilôgam ?

7. Hãy đặt đề toán theo bảng tóm tắt sau rồi giải :

Có : 30 đồng
Thêm: 9 đồng
Tiêu : 8 đồng
Còn : ? đồng

8.* Trong hình bên có bao nhiêu hình tứ giác?

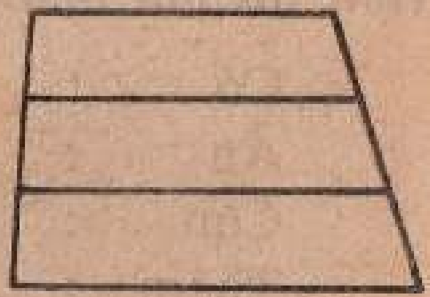

9.* Khối cấp I có 12 lớp. Một lớp đông nhất tách thành 2 lớp, như vậy có mấy lớp?

45 + 30

$$+\begin{cases} 45 = 40 + 5 \\ 30 = 30 \end{cases}$$
$$45 + 30 = 70 + 5 = 75$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + \ 30 \\ \hline 75 \end{array}$$

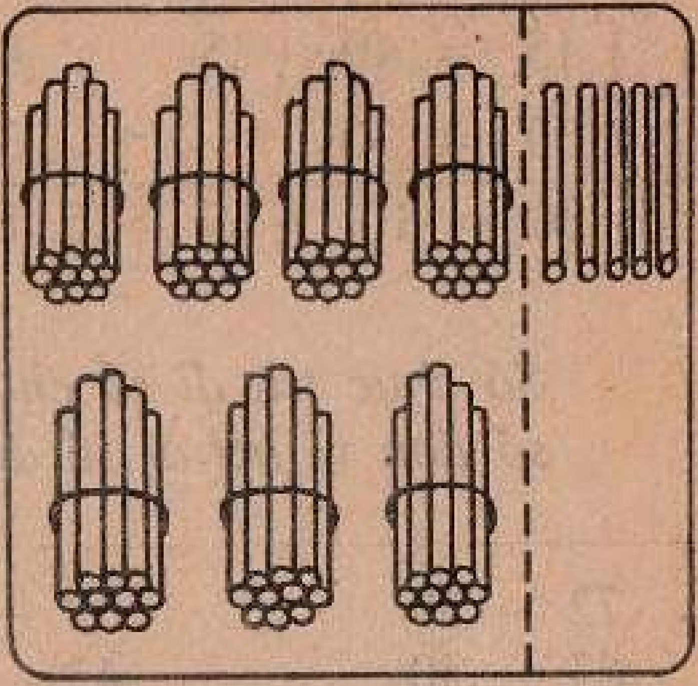

Số chục cộng với số chục, số đơn vị cộng với số đơn vị

1. 36 + 50   27 + 40   54 + 30
   50 + 36   40 + 27   30 + 54

2. $\begin{array}{r} 83 \\ + \ 10 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 60 \\ + \ 37 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 37 \\ + \ 60 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 10 \\ + \ 83 \\ \hline \end{array}$

uongxua.vn

3.

Số hạng	15	80	32	40	70	28
Số hạng	80	15	40	32	28	70
Tổng						

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

< > =

29 + 40 ☐ 40 + 29   33 + 40 ☐ 40 + 33
35 + 60 ☐ 60 + 37   18 + 20 ☐ 17 + 20
40 + 60 ☐ 40 + 59   41 + 50 ☐ 44 + 50

5. Trong vườn trẻ có 20 bé trai và 18 bé gái. Hỏi trong vườn trẻ có tất cả bao nhiêu em bé?

6. Trong vườn có 25 cây chuối, 30 cây cam và 10 cây chanh. Hỏi trong vườn có tất cả bao nhiêu cây chuối, cam và chanh?

45 – 30

$$-\begin{cases} 45 = 40 + 5 \\ 30 = 30 \end{cases}$$

45 – 30 = 10 + 5 = 15

$$\begin{array}{r} 45 \\ -\;30 \\ \hline 15 \end{array}$$

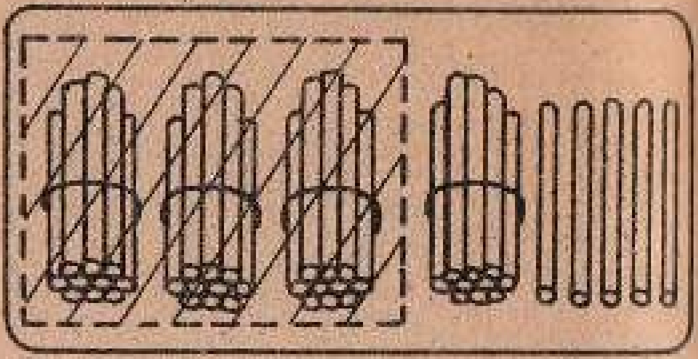

Số chục trừ đi số chục,
số đơn vị trừ đi số đơn vị.

1. 72 – 30   69 – 50   58 – 30
63 – 40   43 – 20   95 – 70

2.

$$\begin{array}{r} 44 \\ -\;30 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 39 \\ -\;10 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 56 \\ -\;20 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 77 \\ -\;50 \\ \hline \end{array}$$

3. Tìm hiệu của các số sau đây :
a) *85cm* và *50cm* , *32dm và 20 dm* , *47m* và *30m*
b) 99kg và *40kg* , *47l* và *30l*, 66 ngày và 20 ngày

4.

Số bị trừ	68		83		31
Số trừ	50	50	40	40	10
Hiệu		18		43	

5. Lớp của Hằng có 32 học sinh, 20 bạn đã được quàng khăn đỏ. Hỏi lớp còn bao nhiêu bạn chưa được quàng khăn đỏ?

6. Toàn có hai túi bi. Túi thứ nhất có 30 hòn bi. Túi thứ hai có 25 hòn bi. Toàn cho bạn 20 hòn bi. Hỏi Toàn còn bao nhiêu hòn bi ?

LUYỆN TẬP

1.

85 − 40	92 − 50	78 − 10	49 − 40
40 + 45	50 + 42	68 + 10	40 + 9
45 + 40	42 + 50	10 + 68	9 + 40

2. Tính x : $x + 40 = 57$ $38 - x = 30$ $x - 50 = 18$

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

> < =		
	37 − 3 □ 30 + 4	37 − 4 □ 50 + 3
	55 − 40 □ 55 − 4	48 − 3 □ 48 − 6
	69 − 9 □ 69 − 60	71 − 50 □ 71 − 40

4. $\begin{array}{r} 50 \\ +\ 28 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 78 \\ -\ 50 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 59 \\ +\ 20 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 79 \\ -\ 20 \\ \hline \end{array}$

tuongxua.vn

5. Ba tổ học sinh thu nhặt được tất cả là 85 *kg* giấy vụn. Tổ Một thu được 30 *kg* , tổ Hai thu được 40 *kg*. Hỏi:

a) Tổ Một và tổ Hai thu được bao nhiêu kilôgam?
b) Tổ Ba thu được bao nhiêu kilôgam ?

6.

76 − 40 − 5	51 − 20 − 1	36 + 30 − 40
88 − (30 + 20)	51 − 1 − 20	73 − 30 − 2
(88 − 30) − 20	51 + 20 + 10	34 − 14 + 20

7. Tùng có 35 đồng để mua sách và vở.
a) Tùng mua sách hết 20 đồng. Hỏi Tùng còn bao nhiêu tiền?
b) Tùng mua thêm vở hết 10 đồng. Hỏi cuối cùng Tùng còn bao nhiêu tiền?

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH
(Mẫu 3)

Bài toán 1. Mẹ em có 20 đồng. Mẹ mua gạo hết 10 đồng, mua cá hết 6 đồng. Hỏi mẹ em còn bao nhiêu tiền?

Tóm tắt bài toán :

Có : 20 đồng
Mua gạo : 10 đồng
Mua cá : 6 đồng
Còn : ? đồng

Giải (cách 1) :

20 đồng − 10 đồng = 10 đồng
10 đồng − 6 đồng = 4 đồng

Đáp số : 4 đồng.

Giải (cách 2) :

10 đồng + 6 đồng = 16 đồng
20 đồng − 16 đồng = 4 đồng

Đáp số : 4 đồng.

thuongmaitr

Bài toán 2. Ba tổ vẽ được 29 tranh. Tổ Một vẽ được 10 tranh. Tổ Hai cũng vẽ được 10 tranh. Hỏi tổ Ba vẽ được bao nhiêu tranh?

Tóm tắt bài toán :

29 tranh {
Tổ Một : 10 tranh
Tổ Hai : 10 tranh
Tổ Ba : ? tranh

Giải (cách 1) :

29 tranh − 10 tranh = 19 tranh
19 tranh − 10 tranh = 9 tranh

Đáp số : 9 tranh

Giải (cách 2) :

10 tranh + 10 tranh = 20 tranh
29 tranh − 20 tranh = 9 tranh

Đáp số : 9 tranh

Bài toán 3. Sân bay có 26 chiếc máy bay. Lúc đầu 4 chiếc bay lên, sau lại có 2 chiếc nữa bay lên. Hỏi trên sân còn mấy chiếc máy bay ?

Tóm tắt bài toán:

Có	: 26 chiếc
Lúc đầu bay lên	: 4 chiếc
Lúc sau bay lên	: 2 chiếc
Trên sân, còn	: ? chiếc

Giải (cách 1):

26 chiếc − 4 chiếc = 22 chiếc

22 chiếc − 2 chiếc = 20 chiếc

Đáp số : 20 chiếc

Giải (cách 2):

4 chiếc + 2 chiếc = 6 chiếc

26 chiếc − 6 chiếc = 20 chiếc

Đáp số : 20 chiếc.

uongxua.vn

1. Nhà em nuôi 18 con vừa gà, vừa vịt, vừa ngan. Có 3 con ngan và 6 con vịt. Hỏi có bao nhiêu con gà?

Tóm tắt bài toán :

18 con	Ngan	: 3 con
	Vịt	: 6 con
	Gà	: ? con

2. Toàn có 32 hòn bi. Toàn cho Tùng 10 hòn và cho Nam 10 hòn. Hỏi Toàn còn bao nhiêu hòn bi?

Tóm tắt bài toán :

Toàn có	: 32 hòn bi
Cho Tùng	: 10 hòn bi
Cho Nam	: 10 hòn bi
Toàn còn	: ? hòn bi

3. Hằng, Nga và Lan hái được 19 bông hoa. Hằng hái được 8 bông hoa, Nga hái được 5 bông hoa. Hỏi Lan hái được bao nhiêu bông hoa?

4. Trên cành cây có 14 con chim đậu. Lúc đầu có 3 con bay đi, lúc sau có 4 con bay đi. Hỏi trên cành cây còn bao nhiêu con chim đậu?

5.* Lúc ông 60 tuổi thì cháu mới 5 tuổi. Năm nay ông đã 70 tuổi. Hỏi bây giờ cháu bao nhiêu tuổi?

Tóm tắt bài toán:

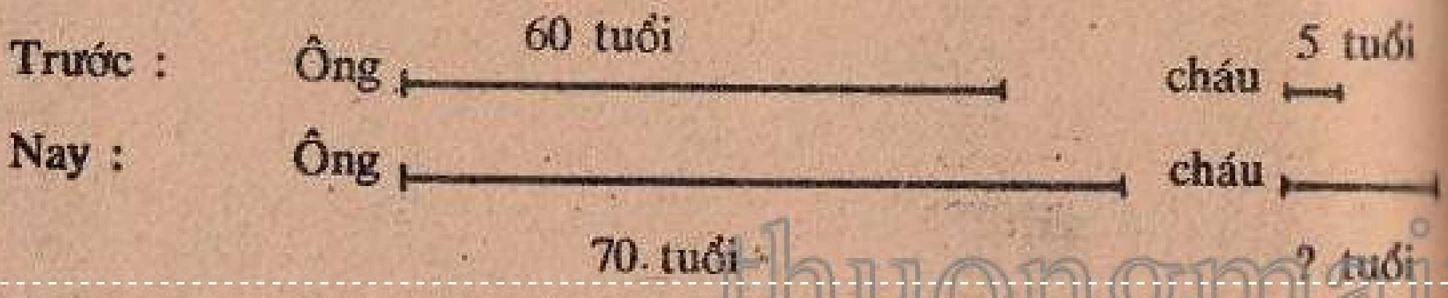

thuongmaitr

LUYỆN TẬP

1.

$\begin{array}{r} 75 \\ +\ 20 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 20 \\ +\ 75 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 75 \\ +\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 2 \\ +\ 75 \\ \hline \end{array}$

2.

$\begin{array}{r} 68 \\ -\ 40 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 68 \\ -\ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 39 \\ -\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 39 \\ -\ 20 \\ \hline \end{array}$

3.

15 + 20 + 3	34 + 40 − 1	77 − 30 − 7
15 + 3 + 20	40 + 34 − 1	77 − 7 − 30

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

> < =

32*cm* + 20*cm*	□	5*dm*2*cm*		24*kg* – 10*kg*	□	14*kg*
21*dm* + 70*dm*	□	9*m*		56*kg* – 20*kg*	□	38*kg*
50*cm* + 45*cm*	□	9*dm*8*cm*		89*kg* – 9*kg*	□	79*kg*

5. Gà của Mai đẻ được 19 quả trứng. Mai đem tặng chú thương binh một chục quả. Mai đã ăn hết 5 quả. Hỏi hiện nay Mai còn mấy quả trứng?

6. Tủ sách của lớp em có 20 quyển. Tổ Một mượn 6 quyển. Tổ Hai mượn 4 quyển. Hỏi trong tủ còn bao nhiêu quyển sách?

7. Cô giáo mua 22 ngòi bút. Cô đã thưởng cho tổ Một 10 ngòi bút, tổ Hai 7 ngòi bút. Hỏi cô giáo còn bao nhiêu ngòi bút ?

8. Đàn gà nhà em có 25 con mái, 4 con trống. Mẹ bán đi 7 con. Hỏi đàn gà còn lại bao nhiêu con ?

9.* Đến khi mẹ 40 tuổi thì con gái sẽ 15 tuổi. Năm nay mẹ 30 tuổi. Hỏi bây giờ con gái bao nhiêu tuổi ?

10.* Đố em tìm được đúng 14 hình vuông trên hình vẽ bên.

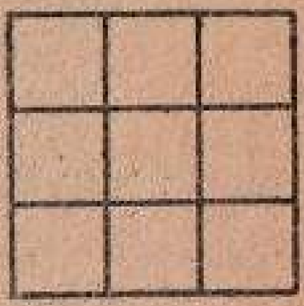

11.* a) Điền số thích hợp vào ô trống:

30 < □ < 33

b) Tìm tất cả những số lớn hơn 30 nhưng bé hơn 33.

45 + 32

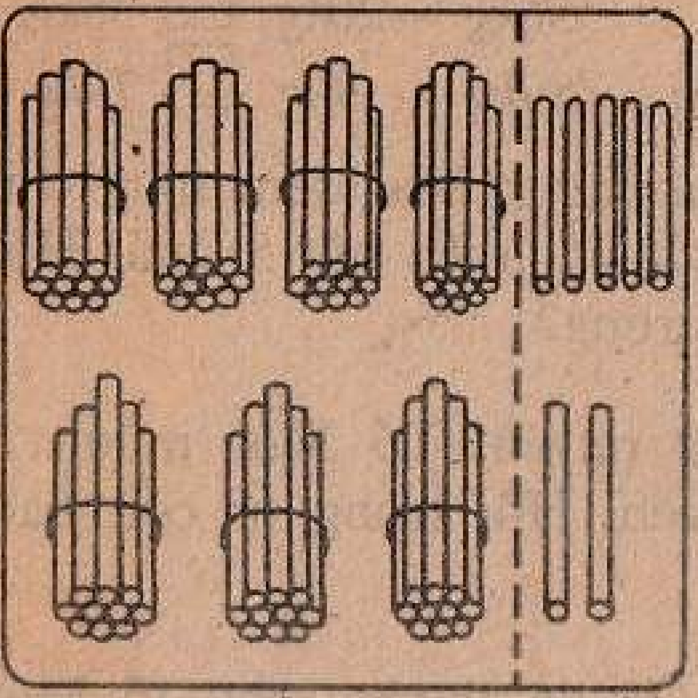

$$+\begin{cases}45 = 40 + 5 \\ 32 = 30 + 2\end{cases}$$
$$45 + 32 = 70 + 7 = 77$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ + \; 32 \\ \hline 77 \end{array}$$

Số chục cộng với số chục,
số đơn vị cộng với số đơn vị.

1. 21 + 57   13 + 46   75 + 24

thuongmaitr

2.

Số hạng	64	33	24	15	33	42
Số hạng	33	64	15	24	53	57
Tổng						

3. Tính x : $x - 54 = 22$ $x - 31 = 68$ $x - 77 = 0$

4. Bố cho Toàn 15 đồng. Mẹ cho Toàn 14 đồng. Toàn mua sách và vở hết 20 đồng. Hỏi Toàn còn mấy đồng?

5. Ba con gà đẻ được 20 quả trứng. Con thứ nhất đẻ được 8 quả. Con thứ hai đẻ được 5 quả. Hỏi con thứ ba đẻ được mấy quả trứng?

45 – 32

$$-\begin{cases}45 = 40 + 5\\32 = 30 + 2\end{cases}$$
$$45 - 32 = 10 + 3 = 13$$

$$\begin{array}{r}45\\-\;32\\\hline 13\end{array}$$

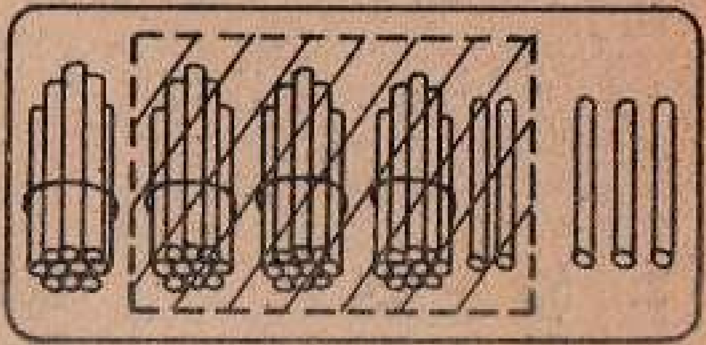

Số chục trừ đi số chục, số đơn vị trừ đi số đơn vị.

1. 87 – 35   79 – 58   81 – 40   54 – 51

2.

Số bị trừ	99	99		62	74	58
Số trừ	35		35	31	24	30
Hiệu		64	64			

3. Tính x:

$x + 22 = 55$ $14 + x = 87$ $x - 23 = 56$ $56 - x = 15$

uongxua.vn

4. Thùng dầu có 25 lít dầu. Người ta rót ra lần thứ nhất 11 lít dầu và lần thứ hai 12 lít dầu. Hỏi thùng dầu còn bao nhiêu lít dầu?

5.* Trong dịp tết trồng cây, lớp của Lan trồng được 50 cây và lớp của Tùng trồng được ít cây hơn lớp của Lan. Nếu lớp của Lan cho lớp của Tùng 10 cây thì số cây của hai lớp bằng nhau. Hỏi lớp của Tùng trồng được bao nhiêu cây?

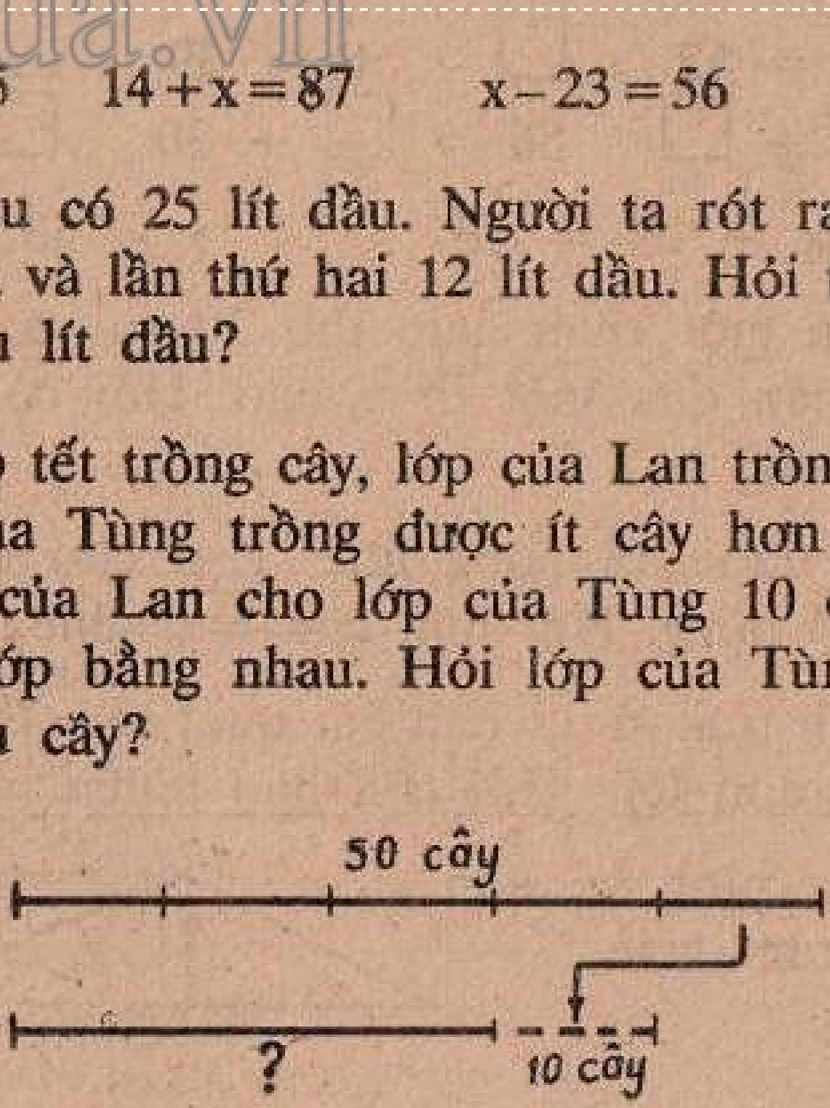

LUYỆN TẬP

1. $\begin{array}{r} 25 \\ +\;73 \\ \hline \end{array}$ $\quad\begin{array}{r} 98 \\ -\;73 \\ \hline \end{array}$ $\quad\begin{array}{r} 34 \\ +\;51 \\ \hline \end{array}$ $\quad\begin{array}{r} 85 \\ -\;34 \\ \hline \end{array}$ $\quad\begin{array}{r} 78 \\ -\;74 \\ \hline \end{array}$

2.

53 + 24	86 − 31	79 + 20
53 + 42	86 + 13	65 − 40
53 − 42	68 + 31	30 + 28

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =

47*cm* + 52*cm* □ 9 *dm*	14 *l* □ 35 *l* − 21 *l*
71*cm* + 24*cm* □ 1 *m*	27 *kg* □ 69*kg* − 41 *kg*
63*cm* + 15*cm* □ 78 *cm*	35đồng □ 77đồng − 44đồng

4. Điền số thích hợp vào ô trống:

□ − 17 = 52	□ − 50 = 39	□ − 61 = 28
85 = 24 + □	56 = □ + 30	□ + 45 = 77

thuongmaitr

5. Tính x : x + 25 = 76   x − 53 = 14

6. Toàn mua một chiếc tem thư 30 xu và một phong bì 10 xu. Toàn đưa một tờ 5 hào. Hỏi cô bán hàng trả lại Toàn mấy xu?

7. Lan làm được 18 bông hoa. Lan cho em 5 bông và cho bạn 8 bông. Hỏi Lan còn bao nhiêu bông hoa?

8. Có 15 bạn trai và 12 bạn gái quét sân. Cô giáo rút bớt 7 bạn về dọn lớp. Hỏi còn bao nhiêu bạn quét sân?

9.* Tìm trên hình vẽ bên 6 hình tam giác.

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH
(Mẫu 4)

Bài toán 1. Thanh có 9 hòn bi, An có ít hơn Thanh 4 hòn bi. Hỏi cả Thanh và An có bao nhiêu hòn bi?

Tóm tắt bài toán :

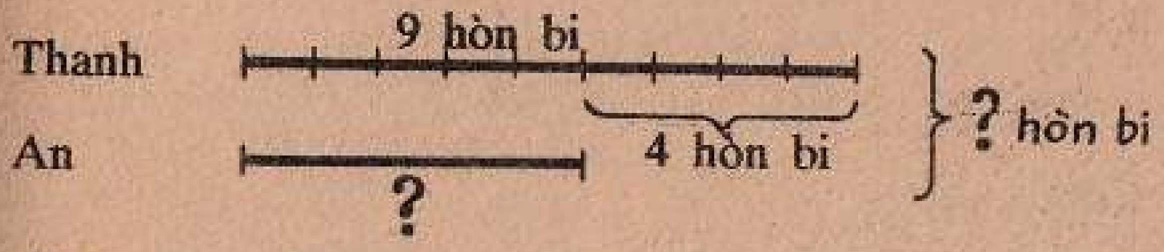

Giải :

9 hòn bi – 4 hòn bi = 5 hòn bi
9 hòn bi + 5 hòn bi = 14 hòn bi

Đáp số : 14 hòn bi.

Bài toán 2. Lan gấp được 8 cái thuyền. Hồng gấp được ít hơn Lan 2 cái. Hỏi cả hai người gấp được bao nhiêu thuyền?

Tóm tắt bài toán :

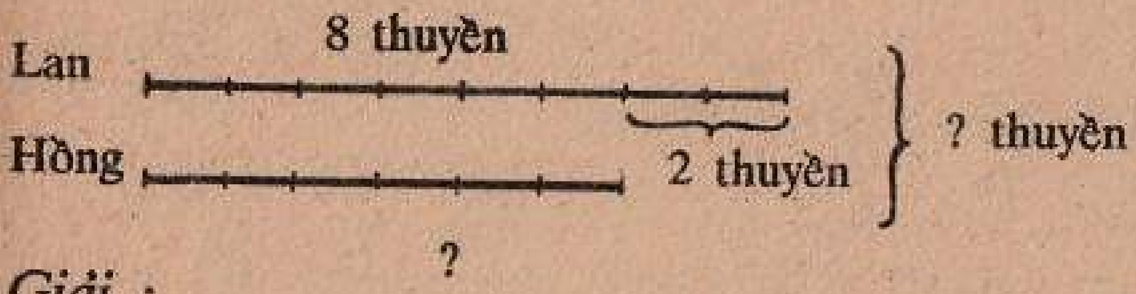

Giải :

8 thuyền – 2 thuyền = 6 thuyền
8 thuyền + 6 thuyền = 14 thuyền

Đáp số : 14 thuyền

Bài toán 3. Tấm vải xanh dài 28 *m* . Tấm vải trắng ngắn hơn tấm vải xanh 7 *m* . Hỏi cả hai tấm vải dài bao nhiêu mét?.

Tóm tắt bài toán :

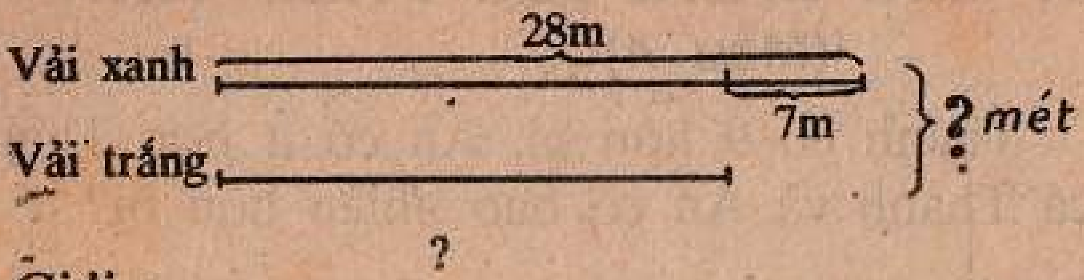

Giải :

$$28\ m - 7\ m = 21\ m$$
$$28\ m + 21\ m = 49\ m$$

Đáp số : 49 mét.

1. Tay phải em cầm 6 que tính. Tay trái em cầm ít hơn tay phải 1 que tính. Hỏi cả hai tay em cầm bao nhiêu que tính?

2. Quả bí ngô cân được 7 *kg* . Quả dưa hấu cân được ít hơn quả bí ngô 3 *kg* . Hỏi cả hai quả cân được bao nhiêu kilôgam?

3. Lớp của Hương có 25 học sinh gái. Số học sinh trai ít hơn số học sinh gái là 12. Hỏi lớp của Hương có tất cả bao nhiêu học sinh?

4. Ngăn thứ nhất của giá sách có 34 quyển sách. Ngăn thứ hai có ít hơn ngăn thứ nhất 11 quyển. Hỏi cả hai ngăn có bao nhiêu quyển sách?

5.* Tổ Một mua 1 tá bút chì, như vậy hơn tổ Hai 4 bút chì. Hỏi cả hai tổ mua được bao nhiêu bút chì?

LUYỆN TẬP

1.

Số hạng	88	44	33	52	52	
Số hạng	11	44	66	47		47
Tổng					99	99

thuongmaitr

2.

Số bị trừ	85	79	38	67		67
Số trừ	61	55	16	23	23	
Hiệu					44	44

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

+ −

21 ☐ 56 = 77   89 ☐ 34 = 55

37 ☐ 11 = 26   41 ☐ 43 = 84

4. 22 + 77 − 89   10 + 28 + 41   34 + 0 + 42

58 − 31 + 22   79 − 28 − 41   12 + 66 − 78

5.* Điền số thích hợp vào ô trống :

57 < ☐ < 13 + 46

6. Lớp Một có 25 học sinh khá. Lớp Hai có ít hơn lớp Một 4 học sinh khá. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh khá?

uongxua.vn

7. Thùng nước mắm to đựng được 24 lít. Thùng nước mắm nhỏ đựng ít hơn thùng nước mắm to 11 lít. Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít nước mắm?

8. Trong sân có 16 con gà mái và số gà trống ít hơn số gà mái là 4 con. Hỏi trong sân có tất cả bao nhiêu con gà trống và gà mái?

9. Cô giáo có 35 quyển sách và 30 quyển vở. Cô đã phát cho các em 61 quyển. Hỏi cô giáo còn bao nhiêu quyển?

10. Đặt một đề toán theo tóm tắt dưới đây rồi giải:

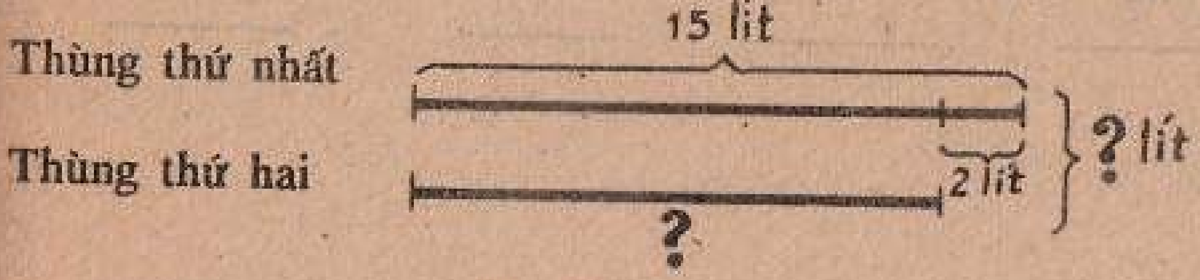

11.* Nếu Toàn cho Tùng 12 bi thì số bi của hai em bằng nhau và mỗi em có 24 bi. Hỏi trước khi cho thì Toàn có bao nhiêu bi, Tùng có bao nhiêu bi?

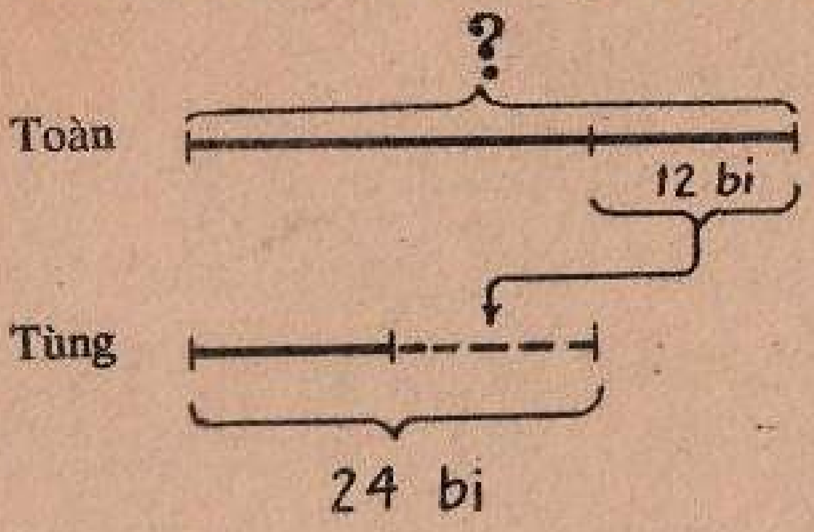

45 + 8

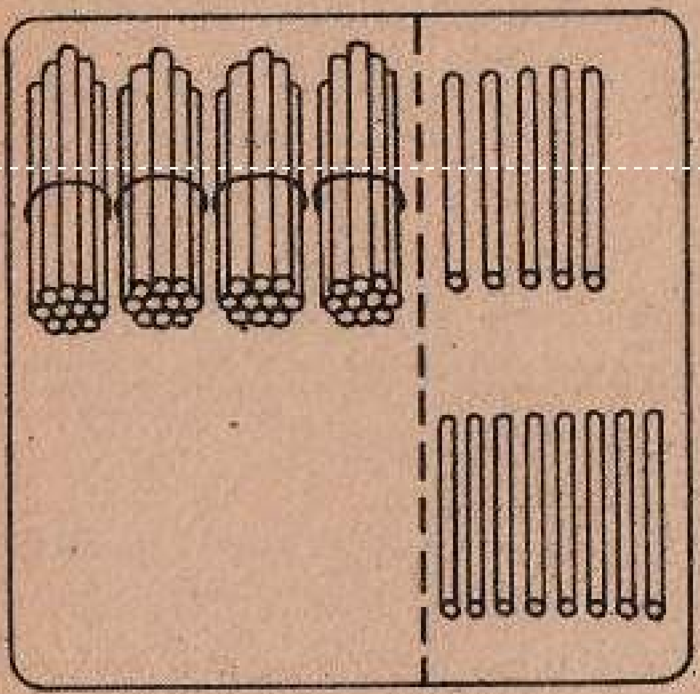

$$+\begin{cases} 45 = 40 + 5 \\ 8 = 8 \end{cases}$$
$$45 + 8 = 40 + 13 = 53$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ +\ 8 \\ \hline 53 \end{array}$$

thuongmaitr

Số chục cộng với số chục, số đơn vị cộng với số đơn vị.

1, 26 + 9 53 + 8 67 + 5 34 + 7

2.
$$\begin{array}{r} 17 \\ +\ 8 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 84 \\ +\ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 47 \\ +\ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 59 \\ +\ 2 \\ \hline \end{array}$$

3. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

35 + 8 ☐ 43	54 ☐ 46 + 8
19 + 7 ☐ 30	60 ☐ 53 + 9
44 + 9 ☐ 58 − 7	87 − 33 ☐ 45 + 6

4. Trong thùng đã có 15 *l* dầu. Người ta đổ thêm vào thùng 7 *l* nữa. Hỏi trong thùng có bao nhiêu lít dầu?

5. Cành trên có 14 quả cam. Cành dưới có ít hơn cành trên 5 quả cam. Hỏi cả hai cành có bao nhiêu quả cam?

45 + 28

$$+\begin{cases} 45 = 40 + 5 \\ 28 = 20 + 8 \end{cases}$$

$$45 + 28 = 60 + 13 = 73$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ +\ 28 \\ \hline 73 \end{array}$$

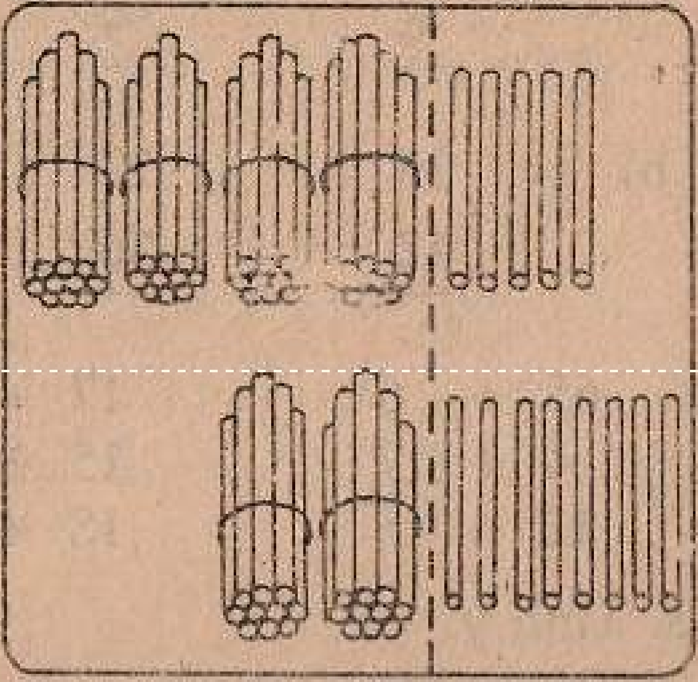

uongxua.vn

Số chục cộng với số chục, số đơn vị cộng với số đơn vị.

1. 24 + 37   48 + 36   63 + 27   42 + 49

2.

Số hạng	38	37	29	45
Số hạng	13	49	61	25
Tổng				

3. Tính x : x − 17 = 25   x − 32 = 19

4. Người ta lấy ở một bì gạo ra 18 *kg* gạo. Trong bì còn 12 *kg* gạo. Hỏi trước khi lấy, trong bì có bao nhiêu kilôgam gạo?

5. Lớp của Thu có 19 bạn được khen thưởng. Số bạn được khen thưởng ở lớp của Lan ít hơn số bạn được khen thưởng ở lớp của Thu là 6 bạn. Hỏi cả hai lớp có mấy bạn được khen thưởng?

6.* Tìm trên hình vẽ bên :

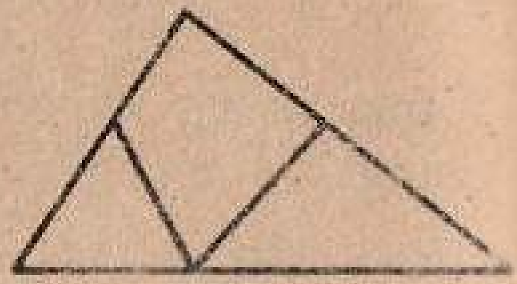

a) 3 hình tam giác;

b) 3 hình tứ giác.

LUYỆN TẬP

1. a)

$$\begin{array}{r} 93 \\ +\ \ 6 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 84 \\ +\ \ 9 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 7 \\ +\ 57 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 5 \\ +\ 75 \\ \hline \end{array}$$

b)

$$\begin{array}{r} 35 \\ +\ 42 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 27 \\ +\ 36 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 48 \\ +\ 34 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 62 \\ +\ 38 \\ \hline \end{array}$$

2.

65 + 6	17 + 19	38 + 35 + 7
4 + 17	15 + 15	27 + 64 + 9
12 + 5	18 + 11	49 + 49 + 1

3. Tính y:

$y + 32 = 55 \qquad y - 18 = 3 \qquad y - 48 = 25 \qquad 68 - y = 62$

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	35 + 62 ☐ 100	100 ☐ 27 + 73
	45 + 45 ☐ 90	72 ☐ 49 + 22
	83 + 8 ☐ 89	65 ☐ 28 + 38

5. Một quyển truyện giá 8 đồng. Giá một quyển sách kém giá quyển truyện là 2 đồng. Hỏi cả quyển truyện và quyển sách giá bao nhiêu tiền?

6. Lớp Hai trồng được 28 cây. Lớp Một trồng được ít hơn lớp Hai 5 cây. Hỏi cả hai lớp trồng được bao nhiêu cây?

7. Đàn trâu có 17 con. Đàn bò có ít hơn đàn trâu 2 con. Hỏi cả hai đàn có bao nhiêu con?

8. Đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải:

Có : 18 đồng và 27 đồng.
Tiêu : 33 đồng
Còn : ? đồng

9. Hằng vẽ được 9 cờ. Nga vẽ được nhiều hơn Hằng 3 cờ.

a) Hỏi Nga vẽ được bao nhiêu cờ?

b) Hỏi cả Hằng và Nga vẽ được bao nhiêu cờ?

10.* Toàn có hai túi bi, mỗi túi đựng 8 hòn bi. Toàn lấy 3 hòn bi ở túi thứ nhất mang sang túi thứ hai. Hỏi Toàn có tất cả bao nhiêu bi? Hãy tìm cách giải hay nhất.

ruongxua.vn

BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI PHÉP TÍNH
(Mẫu 5)

Bài toán 1. Bảo gấp được 4 cái thuyền. Nam gấp nhiều hơn Bảo 3 cái. Hỏi cả Bảo và Nam gấp được bao nhiêu cái thuyền?

Tóm tắt bài toán :

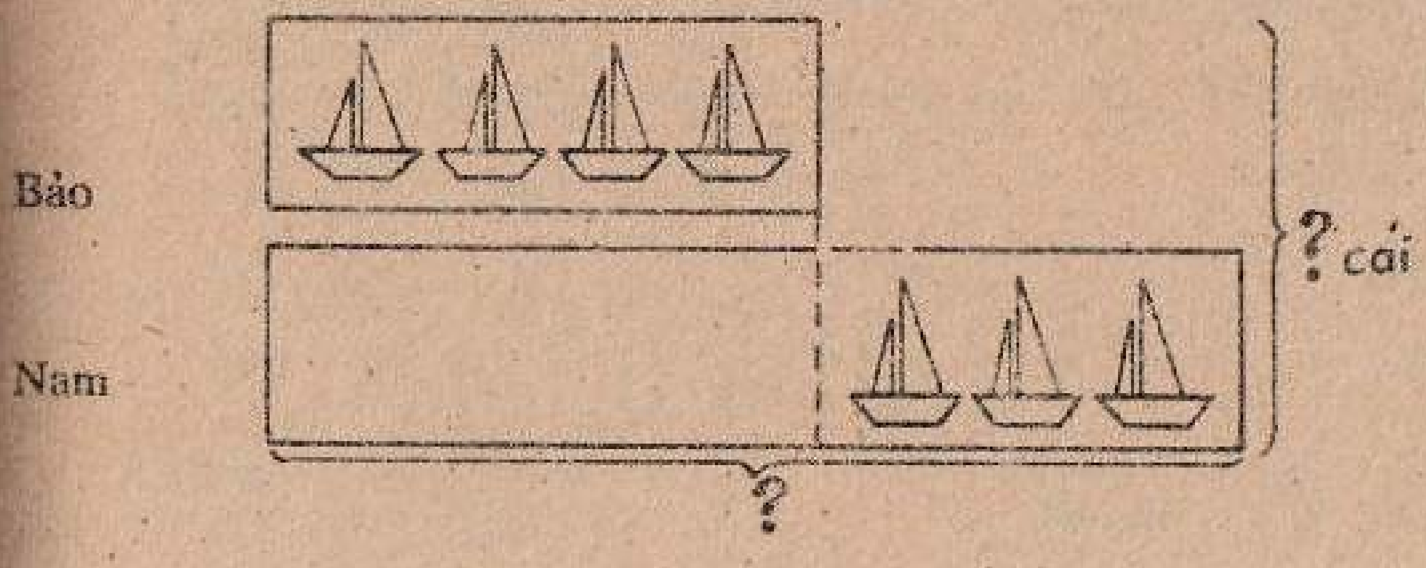

Giải :

4 cái + 3 cái = 7 cái
4 cái + 7 cái = 11 cái

Đáp số : 11 cái thuyền.

Bài toán 2. Một tổ có 4 bạn trai. Số bạn gái nhiều hơn số bạn trai là 2 bạn. Hỏi tổ đó có tất cả bao nhiêu bạn cả trai và gái?

Tóm tắt bài toán :

Bạn trai
Bạn gái

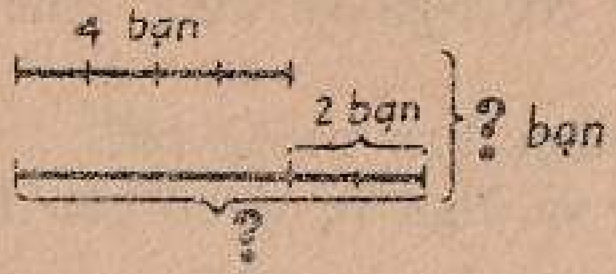

Giải :

4 bạn + 2 bạn = 6 bạn
4 bạn + 6 bạn = 10 bạn

thuongmaitr

Đáp số : 10 bạn.

Bài toán 3. Thùng thứ nhất đựng 18 lít nước mắm. Thùng thứ hai đựng hơn thùng thứ nhất 6 lít nước mắm. Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít nước mắm?

Tóm tắt bài toán :

Thùng thứ nhất
Thùng thứ hai

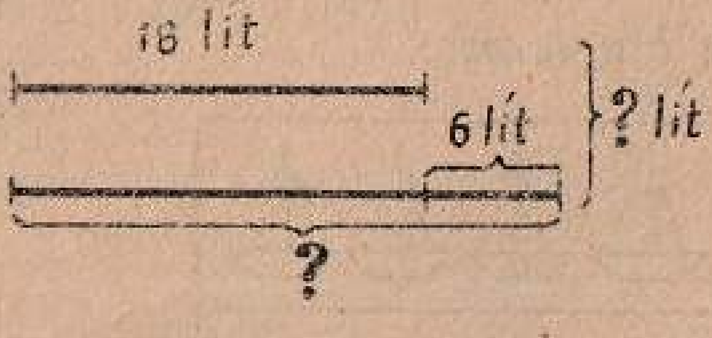

Giải :

18 *l* + 6 *l* = 24 *l*
18 *l* + 24 *l* = 42 *l*

Đáp số : 42 lít.

1. Tay phải em cầm 5 que tính. Tay trái em cầm nhiều hơn tay phải 1 que tính. Hỏi cả hai tay em cầm bao nhiêu que tính?

2. Bì thứ nhất đựng 16*kg* ngô. Bì thứ hai đựng hơn bì thứ nhất 4*kg* ngô. Hỏi cả hai bì đựng bao nhiêu kilôgam ngô?

3. Hai anh em đi câu cá. Em câu được 9 con. Anh câu được hơn em 5 con. Hỏi cả hai anh em câu được bao nhiêu con cá?

4. Lan đo chiều dài và chiều rộng quyển sách : chiều rộng 13*cm* và chiều dài hơn chiều rộng 6*cm* . Hỏi cả chiều rộng và chiều dài quyển sách là bao nhiêu xentimet?

LUYỆN TẬP

tuongxua.vn

1.

Số bị trừ	99		99	57		57
Số trừ	43	43			41	41
Hiệu		56	56	16	16	

2.

Số hạng	25	61	59	36	18	33
Số hạng	61		7	54	57	67
Tổng		86				

3. Điền số thích hợp vào ô trống:

a) 34 + 47 = 20 + ☐ 72 + 26 = ☐ + 8
59 + 18 = 18 + ☐ 13 + 69 = ☐ + 13

b)* 68 − 54 < ☐ < 9 + 8 37 + 5 < ☐ < 26 + 19

4. Có 17 con vịt trên bờ. Số vịt đang bơi dưới nước nhiều hơn vịt trên bờ 8 con. Hỏi tất cả có bao nhiêu con vịt?

5. Có 17 con vịt trên bờ. Số vịt đang bơi dưới nước ít hơn vịt trên bờ 8 con. Hỏi tất cả có bao nhiêu con vịt?

6. Đàn gà nhà Mai gồm có gà mơ và gà nâu. Gà mơ có 9 con. Gà nâu nhiều hơn gà mơ 3 con. Hỏi đàn gà nhà Mai có tất cả bao nhiêu con?

7. Thúng thứ nhất đựng 13*kg* gạo. Thúng thứ hai đựng hơn thúng thứ nhất 2 *kg* gạo. Hỏi cả hai thúng đựng bao nhiêu kilôgam gạo?

8. Đặt một đề toán theo tóm tắt dưới đây rồi giải.

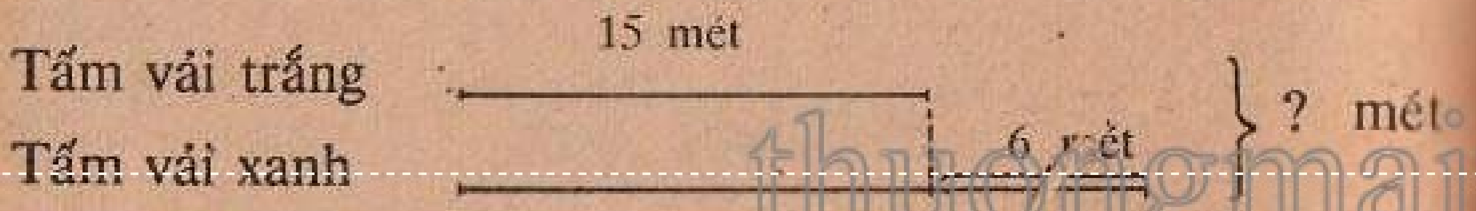

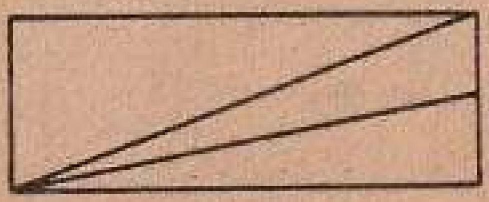

9.* Tìm trên hình vẽ bên 4 hình tam giác.

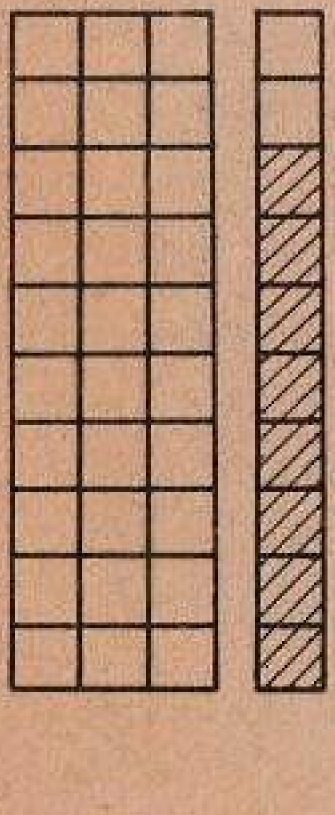

40 − 8

$$\begin{array}{rcl} -40 & = & 30 + 10 \\ 8 & = & 8 \\ \hline 40 - 8 & = & 30 + 2 = 32 \end{array} \qquad \begin{array}{r} -40 \\ 8 \\ \hline 32 \end{array}$$

Ghi nhớ : **Tách 1 chục ở số chục của số bị trừ để có 10.**

1. $\begin{array}{r} 50 \\ -\quad 4 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 70 \\ -\quad 3 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 60 \\ -\quad 9 \\ \hline \end{array}$ $\qquad$ $\begin{array}{r} 90 \\ -\quad 5 \\ \hline \end{array}$

2. $50 - 7 \qquad 30 - 4 \qquad 80 - 8 \qquad 40 - 6$

3. Tính x: $x + 5 = 30 \qquad 6 + x = 20 \qquad 90 - x = 2$

4. Tủ sách của lớp có 40 quyển truyện tranh. Tháng trước Lan đã đọc được 9 quyển. Tháng này Lan đọc được 11 quyển. Hỏi còn bao nhiêu quyển Lan chưa đọc?

5. Lớp của Thu có 40 học sinh. Lớp của Hà có ít hơn lớp của Thu 2 học sinh. Hỏi cả hai lớp có bao nhiêu học sinh?

6.* Em hãy tìm một số ngoài số không (0), sao cho :
a) khi lấy 30 trừ đi số đó thì được một số lớn hơn 27;
b) khi lấy 30 cộng với số đó thì được một số bé hơn 32.

45 - 8

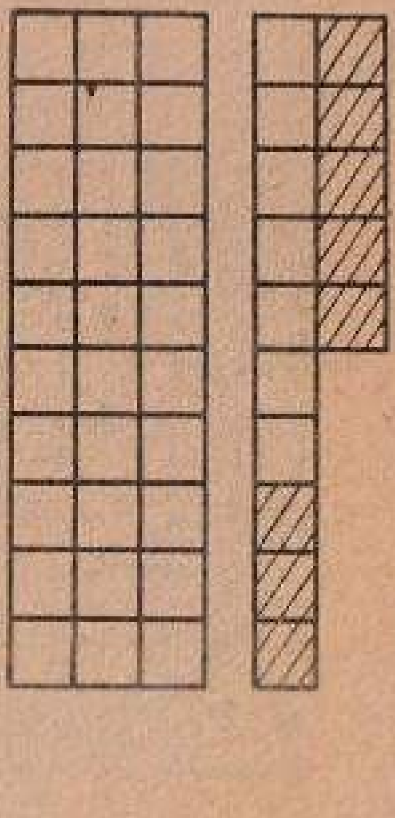

$$-\begin{cases} 45 = 30 + 15 \\ \ 8 = \qquad\quad 8 \end{cases} \qquad \begin{array}{r} 45 \\ -\quad 8 \\ \hline 37 \end{array}$$

$$45 - 8 = 30 + 7 = 37$$

Ghi nhớ: **Tách thêm 1 chục ở số chục của số bị trừ để có 15.**

1. $\begin{array}{r} 32 \\ - \ \ 5 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 55 \\ - \ \ 7 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 62 \\ - \ \ 9 \\ \hline \end{array}$ $\begin{array}{r} 93 \\ - \ \ 4 \\ \hline \end{array}$

2. 15 – 6 56 – 7 45 – 8
17 – 9 43 – 5 21 – 7
16 – 8 77 – 9 84 – 6

3. Tính x : $x+3=31$ $56-x=8$ $24+x=38-9$

4. Cô giáo dẫn lớp đi thăm vườn cây của Hợp tác xã. Lớp có 42 học sinh, nhưng có 3 em vắng mặt. Hỏi có bao nhiêu học sinh đi thăm vườn cây?

5. Các em thiếu niên thi vẽ, có 31 bức tranh được giải thưởng: 2 tranh được giải nhất, 9 tranh được giải nhì, còn lại là giải ba. Hỏi có bao nhiêu bức tranh được giải ba?

thuongmaitr

6.* Em hãy tìm một số sao cho khi cộng 29 với số đó và khi lấy 29 trừ đi số đó thì hai kết quả tìm được đều bằng nhau.

45 – 28

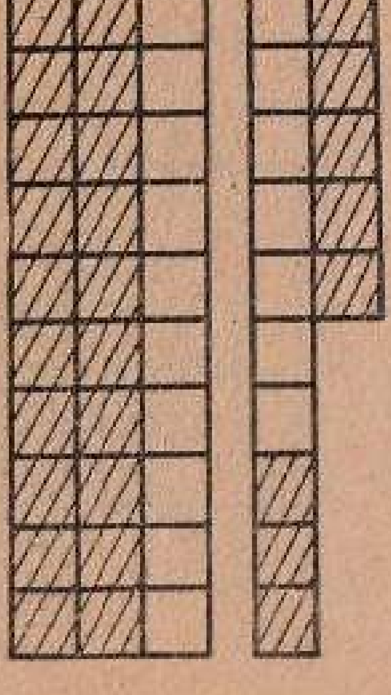

$$-\begin{cases} 45 = 30 + 15 \\ 28 = 20 + 8 \end{cases}$$
$$45-28 = 10 + 7 = 17$$

$$\begin{array}{r} 45 \\ - \ 28 \\ \hline 17 \end{array}$$

Ghi nhớ: **Tách thêm 1 chục ở số chục của số bị trừ để có 15.**

1. $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 52 \\ 29 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 32 \\ 16 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 73 \\ 24 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 56 \\ 39 \end{array} \\ \hline \end{array}$

2. $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 100 \\ 9 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 100 \\ 36 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 100 \\ 62 \end{array} \\ \hline \end{array}$ $\quad$ $\begin{array}{r} - \begin{array}{r} 100 \\ 39 \end{array} \\ \hline \end{array}$

3. 43 - 6 $\qquad$ 67 - 39 $\qquad$ 75 - 57
43 - 26 $\qquad$ 54 - 27 $\qquad$ 56 - 48
43 - 23 $\qquad$ 82 - 43 $\qquad$ 100 - 49

4. Trâu và bò đang ăn cỏ trên bãi. Trâu có 32 con, bò ít hơn trâu 13 con. Hỏi có tất cả bao nhiêu trâu và bò trên bãi cỏ?

5. Nhà trường mua về 100 tờ giấy màu để trang trí lớp học. Có 30 tờ giấy đỏ, 35 tờ giấy vàng, còn lại là giấy xanh. Hỏi có bao nhiêu tờ giấy xanh?

6.* Toàn có nhiều hơn Tùng 32 hòn bi. Toàn cho Tùng 17 hòn bi. Hỏi bây giờ ai có nhiều bi hơn và nhiều hơn bao nhiêu hòn bi?

LUYỆN TẬP

1.

Số hạng	34		29		6	57
Số hạng	19	28		8		43
Tổng		74	66	43	50	

2.

Số bị trừ	55		55	100	90	100
Số trừ	38	38		4	67	12
Hiệu		17	17			

3.

28 + 28 + 28	52 + 39 − 61	30 − 7 − 23
36 + 27 + 37	26 + 48 − 37	87 − 0 − 56
51 + 0 + 49	35 + 65 − 50	100 − 36 − 64

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

>	33 − 11 ☐ 75 − 50	32 − 9 ☐ 30 − 7
<	45 − 26 ☐ 88 − 70	53 − 26 ☐ 45 − 17
=	27 − 8 ☐ 28 − 9	44 − 28 ☐ 61 − 46

5. Tính x :

x + 15 = 32   43 − x = 27   x − 23 = 77

6. Mảnh vải thứ nhất dài 28*dm* . Mảnh vải thứ hai dài 35 *dm* và mảnh vải thứ ba dài 37 *dm* . Hỏi cả ba mảnh vải dài bao nhiêu đêximet? bao nhiêu mét?

7. Một thùng đựng 100*l* dầu. Người ta lấy ra lần thứ nhất 45*l* và lần thứ hai 37*l* . Hỏi trong thùng còn lại bao nhiêu lít dầu?

thuongmaitr

8. Bì thứ nhất đựng 54*kg* ngô. Bì thứ hai đựng 46*kg* ngô.
a) Bì nào đựng nhiều hơn và nhiều hơn bao nhiêu kilôgam ngô ?
b) Cả hai bì đựng bao nhiêu kilôgam ngô ?

9. Tháng trước gia đình Lan gửi tiết kiệm được 26 đồng. Tháng này gia đình Lan gửi được nhiều hơn tháng trước 9 đồng. Hỏi cả hai tháng gia đình Lan gửi được bao nhiêu tiền?

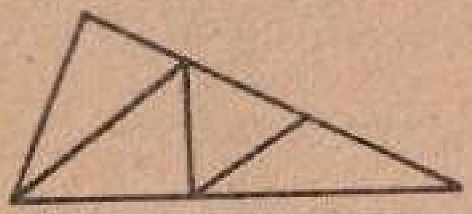

10.* Tìm trên hình vẽ bên 7 hình tam giác.

ĐƯỜNG GẤP KHÚC

Đây là một *đường gấp khúc*. Đường gấp khúc này gồm 4 đoạn thẳng.

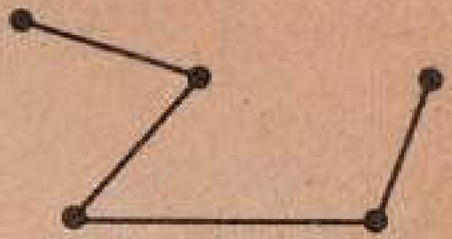

Đường gấp khúc bên gồm hai đoạn thẳng : một đoạn dài 3 *cm*, một đoạn dài 2 *cm*. *Độ dài của đường gấp khúc* đó là :

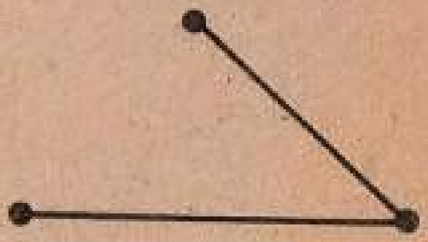

3 *cm* + 2 *cm* = 5 *cm*.

1. Có thể đi từ A đến B theo một đoạn thẳng hoặc theo một đường gấp khúc trên hình bên. Em hãy ước lượng bằng mắt xem đường đi nào ngắn hơn, rồi thử lại bằng cách đo.

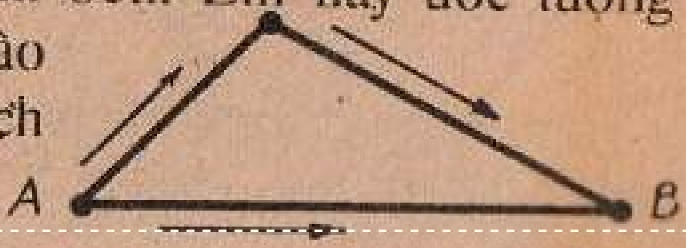

uongxua.vn

2. Đi từ A đến B trên hình bên theo đường gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng hoặc theo đường gấp khúc gồm 8 đoạn thẳng. Hai đường đó có độ dài bằng nhau hay không ?

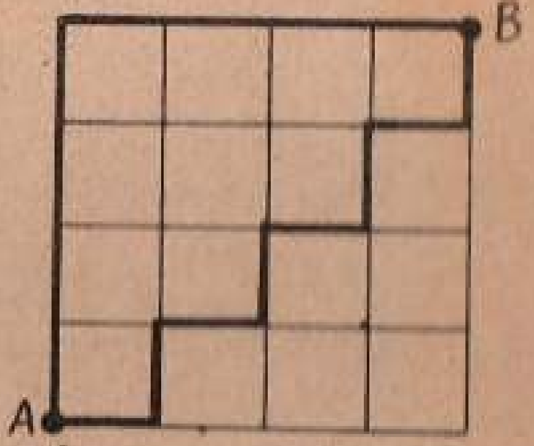

3. Một đường gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng và có độ dài 16 *cm*. Một đoạn thẳng dài 9 *cm*. Hãy tính độ dài của đoạn thẳng kia.

4. Một đường gấp khúc gồm 3 đoạn thẳng và có độ dài 30*cm*. Đoạn thứ nhất dài 9*cm*. Đoạn thứ hai dài 13*cm*. Hỏi đoạn thứ ba dài bao nhiêu xentimet ?

5. Một đường gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng. Đoạn thứ nhất dài 17 *cm*. Đoạn thứ hai ngắn hơn đoạn thứ nhất 2*cm*. Tính độ dài của đường gấp khúc.

6. Một đường gấp khúc gồm 2 đoạn thẳng. Đoạn thứ nhất dài 9*cm* . Đoạn thứ hai dài hơn đoạn thứ nhất 4*cm*. Tính độ dài của đường gấp khúc.

ÔN TẬP

1. Điền số thích hợp vào ô trống :

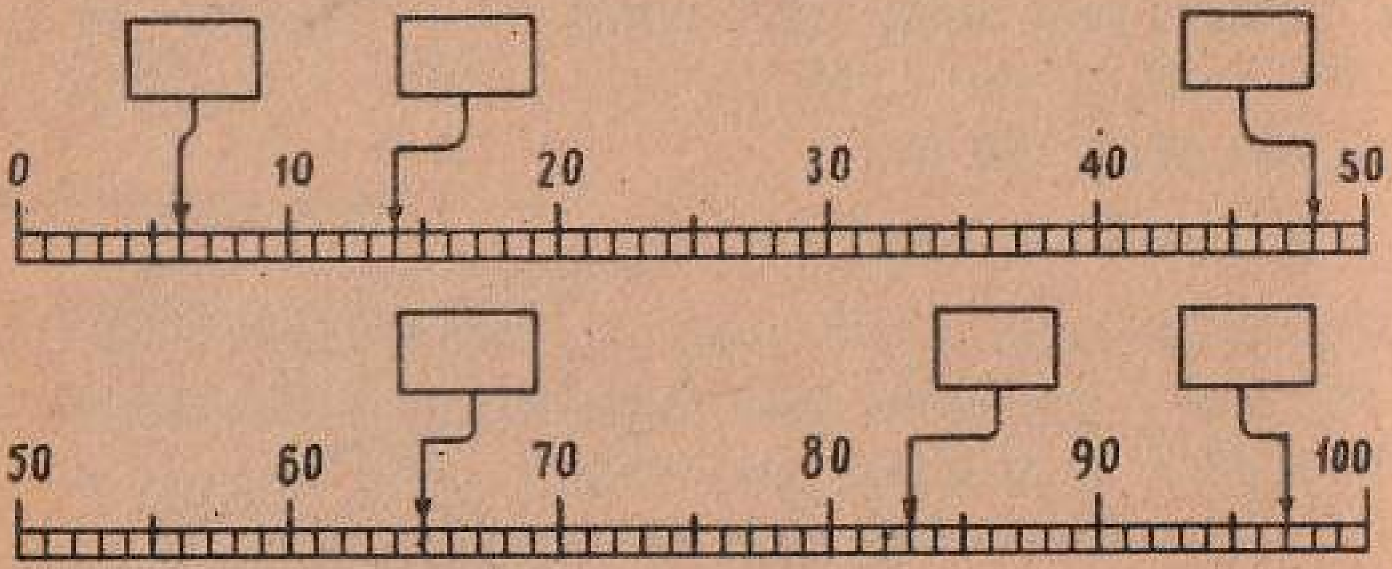

2. Điền số thích hợp vào ô trống :

thuongmaitr

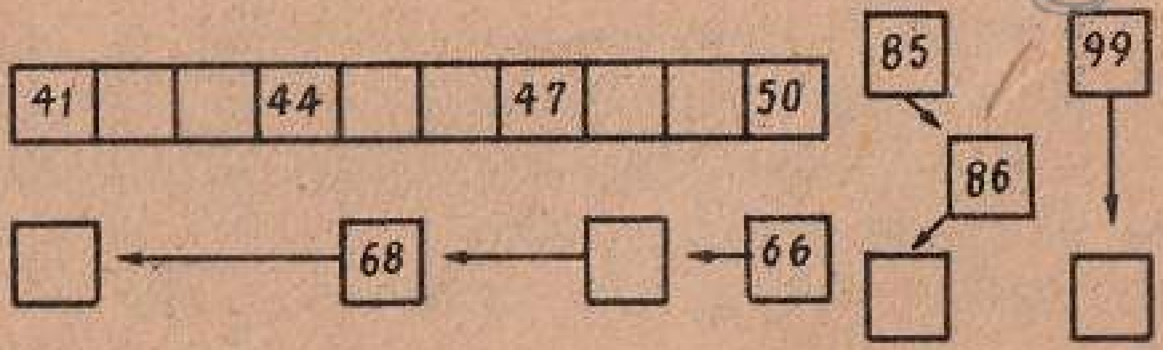

3.

40	30	69	85	56	37
+ 50	+ 70	+ 10	+ 7	+ 28	+ 63

4.

80	100	53	66	74	100
− 70	− 40	− 13	− 42	− 59	− 32

5. Tìm cách tính nhanh các dãy tính sau :

24 + 39 + 26	68 − 29 − 38	34 + 39 − 24
47 + 38 − 27	100 − 57 − 40	65 − 57 + 5

6. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

[+ / −]

86 ☐ 7 > 92	54 ☐ 7 > 60	42 ☐ 5 = 37
86 ☐ 7 = 79	68 ☐ 6 < 73	91 ☐ 5 < 88
49 ☐ 9 < 56	76 ☐ 9 = 67	87 ☐ 6 > 90

7. Cô giáo thưởng cho các em 36 bức tranh. Cô còn 16 bức tranh. Hỏi cô giáo có bao nhiêu bức tranh?

8. Quyển truyện có 54 trang. Em còn phải đọc 19 trang nữa mới hết quyển truyện. Hỏi em đã đọc được bao nhiêu trang?

9. Tấm vải xanh dài 35 *m* . Tấm vải đỏ dài 29 *m* . Hỏi tấm vải nào dài hơn và dài hơn bao nhiêu mét? bao nhiêu đêximet?

uongxua.vn

10. Lan và chị vào hiệu sách. Chị mua cho Lan một quyển sách giá 3 đồng 2 hào. Chị mua một quyển sách giá 3 đồng 8 hào. Chị đưa cô bán sách tờ giấy 10 đồng. Hỏi cô bán sách trả lại bao nhiêu tiền ?

11. Một thùng đựng 32*l* nước mắm. Một thùng khác đựng ít hơn thùng đó 4*l* . Hỏi cả hai thùng đựng bao nhiêu lít nước mắm ?

12. Trong vườn nhà Hồng, cây chanh và cây cam đều có quả. Có 45 quả chanh. Cam nhiều hơn chanh 8 quả. Hỏi cả hai cây có bao nhiêu quả ?

13. Đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải :

Gà : 18 con
Vịt : 15 con } ? con
Ngỗng : 6 con

14. Đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải :

Mua : 15 *kg* gạo và 28 *kg* mì
Đã ăn : 24 *kg*
Còn : ? *kg*

15. Trên bảng con có ghi phép tính 6 + 8 + 6. Toàn cầm bảng để tính nhẩm thì thấy kết quả là 20, nhưng Lan cầm bảng để tính nhẩm lại thấy kết quả là 26. Cả Toàn và Lan đều tính đúng. Em hãy giải thích tại sao ?

16. Trên hình bên có :

a) bao nhiêu hình vuông ?
b) bao nhiêu hình tam giác ?
c) bao nhiêu hình chữ nhật ?
d)* bao nhiêu hình tứ giác ?

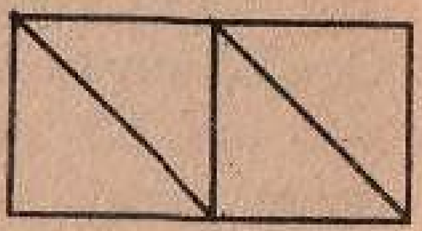

D - ÔN TẬP CẢ NĂM

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 20

1. Bảng cộng qua 10 trong phạm vi 20 :

11	12	13	14	15	16	17	18
9+2	9+3	9+4	9+5	9+6	9+7	9+8	9+9
8+3	8+4	8+5	8+6	8+7	8+8	8+9	
7+4	7+5	7+6	7+7	7+8	7+9		
6+5	6+6	6+7	6+8	6+9			
5+6	5+7	5+8	5+9				
4+7	4+8	4+9					
3+8	3+9						
2+9							

2. Bảng trừ qua 10 trong phạm vi 20:

2	3	4	5	6	7	8	9
11 − 9	11 − 8	11 − 7	11 − 6	11 − 5	11 − 4	11 − 3	11 − 2
	12 − 9	12 − 8	12 − 7	12 − 6	12 − 5	12 − 4	12 − 3
		13 − 9	13 − 8	13 − 7	13 − 6	13 − 5	13 − 4
			14 − 9	14 − 8	14 − 7	14 − 6	14 − 5
				15 − 9	15 − 8	15 − 7	15 − 6
					16 − 9	16 − 8	16 − 7
						17 − 9	17 − 8
							18 − 9

3. Điền số thích hợp vào ô trống :

□ < 6　　　10 < □ < 15　　　18 < □ < 20

4. Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =			
	7+5 □ 5+7	8−4 □ 14−10	18−9 □ 17−8
	11−2 □ 5+2	8+6 □ 16	6+7 □ 15−9

truongxua.vn

5.

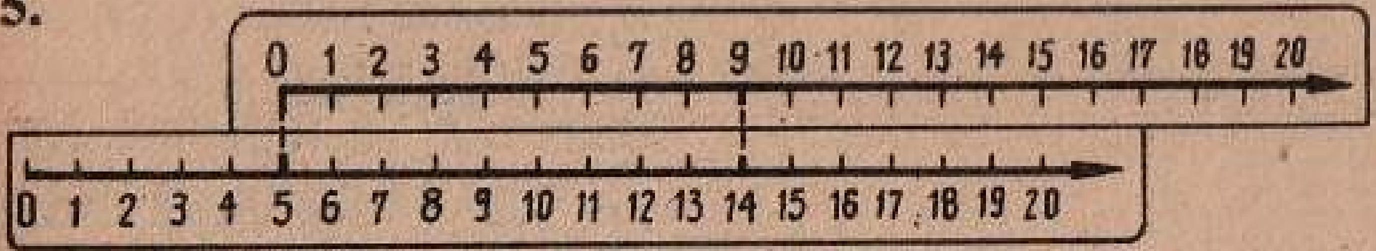

Sử dụng hai tia số ta có thể thực hiện các phép tính cộng, trừ. Chẳng hạn ở hình vẽ trên ta có phép cộng: 5 + 9. Đặt điểm 0 của tia số thứ nhất ứng với điểm 5 của tia số thứ hai. Ta thấy điểm 9 của tia số thứ nhất ứng với điểm 14 của tia số thứ hai. Ta có : 5 + 9 = 14.

Muốn thực hiện phép trừ 14 − 9 ta đặt điểm 14 của tia số thứ hai ứng với điểm 9 của tia số thứ nhất.

Ta thấy điểm 0 của tia số thứ nhất ứng với điểm 5 của tia số thứ hai. Ta có : 14 − 9 = 5.

Em hãy thực hiện các phép tính :

5 + 13   18 − 13   5 + 7   12 − 7   5 + 15   20 − 15

6. Tính x :
x + 7 = 15   9 + x = 19   x + 3 = 11
x − 9 = 9   x − 13 = 7   x − 8 = 12
13 − x = 7   15 − x = 8   11 − x = 6

7. 3 + 9 + 8   3 + (9 + 8)   3 + 8 + 9
20 − (10 + 5)   20 − 10 − 5   20 − 5 − 10
8 + (9 − 7)   8 + 9 − 7   8 − 7 + 9

8. Tính bằng cách gọn nhất :

7 + 8 + 3   2 + 9 + 8   1 + 3 + 9
4 + 9 + 6   5 + 8 + 5   6 + 7 + 4

9. Hãy tìm cách tính nhanh :

18 + 2 − 8   17 − 9 − 7   15 − 9 + 4

thuongmaitr

10.* Trò chơi "đoán số" :

Một	Hai	Ba	Bốn
1	2	4	8
3	3	5	9
5	6	6	10
7	7	7	11
9	10	12	12
11	11	13	13
13	14	14	14
15	15	15	15

Mỗi học sinh nhìn vào bảng số và nghĩ trong óc một số nào đó có ở trong bảng. Các em quan sát kĩ xem số em đã nghĩ ở trong các cột nào. Lần lượt mỗi em nói lên các cột chứa số mình đã nghĩ. Giáo viên không cần nhìn bảng số, có thể đoán ngay được số của mỗi em đã nghĩ bằng cách cộng nhẩm các số đứng đầu các cột chứa số đó.

Thí dụ : Số đã nghĩ là 14. Số 14 nằm trong các cột Hai, Ba và Bốn. Các số đứng đầu các cột đó là 2, 4 và 8.Cộng ba số này : 2 + 4 + 8 = 14. Như vậy người đoán số chỉ cần biết rõ thứ tự các cột và số đứng đầu ở mỗi cột.

11. Một đàn gà gồm có 9 con mái và 3 con trống. Hỏi đàn gà có bao nhiêu con ?

12. Một đàn gà có 12 con, trong đó có 3 con trống. Hỏi đàn gà đó có bao nhiêu con mái ?

13. Cửa hàng bán một tá bánh xà phòng. Cửa hàng còn 5 bánh. Hỏi trước khi bán, cửa hàng có bao nhiêu bánh xà phòng ?

14. Một thùng chứa 20 lít nước mắm. Người ta lấy ra một số lít và trong thùng còn 8 lít. Hỏi người ta đã lấy ra bao nhiêu lít nước mắm ?

15. Việt, Hà và Tùng giải được tất cả là 19 bài toán. Việt giải được 6 bài toán. Hà giải được ☐ bài toán. Em hãy điền một số thích hợp vào ô trống và đặt câu hỏi cho bài toán rồi giải.

16. Em hãy đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải :

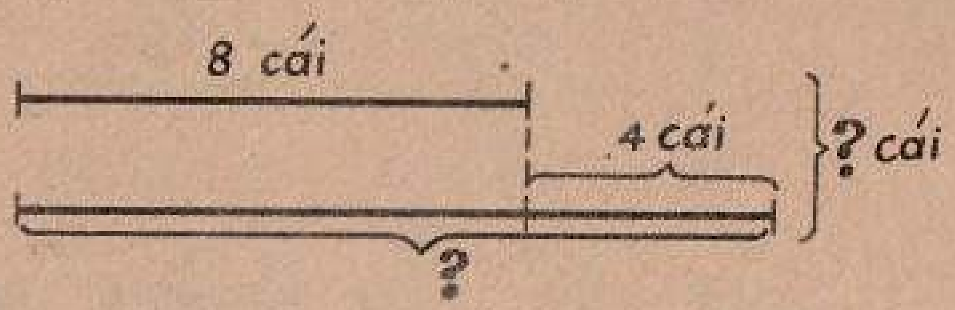

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100

1. Cắt 20 mảnh bìa,viết các chữ số 0,1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, mỗi chữ số viết trên hai mảnh bìa. Hãy ghép hai mảnh bìa bất kì với nhau và đọc các số có hai chữ số vừa ghép được. Mỗi số như vậy có mấy chục và mấy đơn vị ?

2. a) Trang sách liền trước các trang 17, 30, 55, 68, 90, 100 là trang nào ?

   b) Trang sách liền sau các trang 35, 39, 41, 67, 89, 99 là trang nào ?

3.

Số hạng	47	47		47		37		17
Số hạng	48		28		8		8	
Tổng		85	75	65	55	45	35	25

4.

Số bị trừ	91		92		92		72	
Số trừ	15	25		45		55		55
Hiệu		67	57	47	37	27	17	7

5. Tính x :

$x + 15 = 25$ $x - 39 = 18$ $x - 16 = 18$ $84 + x = 91$

$x - 18 = 30$ $44 - x = 25$ $17 + x = 42$ $x - 16 = 51$

6.* Tìm tất cả những số bé hơn 100 nhưng lớn hơn 97.

7. Điền dấu thích hợp vào ô trống :

|
>
=				
	38 + 12 ☐ 12 + 38		12 + 38 ☐ 9 + 48	
	67 + 14 ☐ 67 + 24		67 + 14 ☐ 14 + 67	
	60 − 48 ☐ 63 − 50		50 − 18 ☐ 46 − 18	

8. Hãy tìm cách tính nhanh :

35 + 18 + 25   29 + 43 − 19

57 − 19 − 37   64 + 36 − 30

9. Nhận xét hai dãy tính sau đây. Có thể nói ngay gì về kết quả của chúng ?

22 + 14 + 53 + 11

14 + 11 + 22 + 53

10. Với ba số 32, 29 và 3 hãy lập nên những phép tính đúng.

uongxua.vn

11. a) Hãy viết tất cả các số có hai chữ số mà chữ số hàng đơn vị lớn hơn chữ số hàng chục là 5.

b) Hãy lập nên tất cả các số có hai chữ số mà chữ số hàng chục lớn hơn chữ số hàng đơn vị là 5.

12. Em hãy điền số thích hợp vào các ô trống của hình vuông trên hình bên để khi cộng các số theo hàng ngang, theo cột dọc, theo đường chéo, các kết quả đều như nhau.

8	18	
	10	
		12

13.* Viết mỗi chữ số trên một ô vuông bằng bìa và xếp các ô bìa đó để có phép tính đúng.

a) Với sáu ô bìa đã ghi các chữ số 2, 3, 5, 6, 7, 8 và từ phép tính trừ sai:

$$\boxed{7}\,\boxed{3} - \boxed{2}\,\boxed{6} = \boxed{5}\,\boxed{8}$$

em hãy đổi chỗ một số ô bìa lẫn cho nhau để chữa sai thành đúng.

b) Với sáu ô bìa đã ghi các chữ số 1, 2, 4, 5, 7, 9 và từ phép tính cộng sai:

$$\boxed{4}\,\boxed{5} + \boxed{2}\,\boxed{9} = \boxed{7}\,\boxed{1}$$

em hãy đổi chỗ một số ô bìa lẫn cho nhau để chữa sai thành đúng. Có cách nào chữa sai thành đúng mà không cần đổi chỗ các ô bìa không ?

14.* Cho các hàng và cột số:

1	2	3	4	5
6	7	8	9	10
11	12	13	14	15
16	17	18	19	20

a) Cộng các số ở cột thứ nhất (tính từ trái sang phải) thì được kết quả là 34 (1 + 6 + + 11 + 16 = 34). Em hãy tìm cách cộng nhanh các số ở cột thứ hai, thứ ba, thứ tư, thứ năm.

b) Cộng các số ở hàng thứ nhất (tính từ trên xuống dưới) thì được kết quả là 15 (1 + 2 + 3 + 4 + + 5 = 15). Em hãy tìm cách cộng nhanh các số ở hàng thứ hai, thứ ba, thứ tư.

15.* Hãy điền một cách thích hợp các số 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8 vào các hình tròn trên hình bên sao cho tổng của 4 số nằm trên các cạnh của:

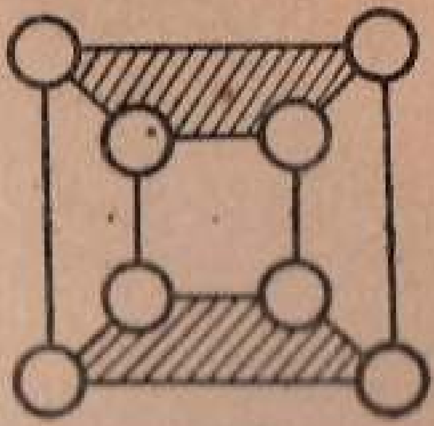

- hình vuông nhỏ ở giữa,
- hình vuông lớn bao quanh,
- hình tứ giác có gạnh chéo, đều bằng nhau.

16. Có ba đoạn thẳng: đoạn thứ nhất dài 15 *dm* , đoạn thứ hai ngắn hơn đoạn thứ nhất là 3 *dm* , đoạn thứ ba dài hơn đoạn thứ hai là 5 *dm* . Hãy tính xem đoạn thẳng thứ ba dài bao nhiêu đêximet?

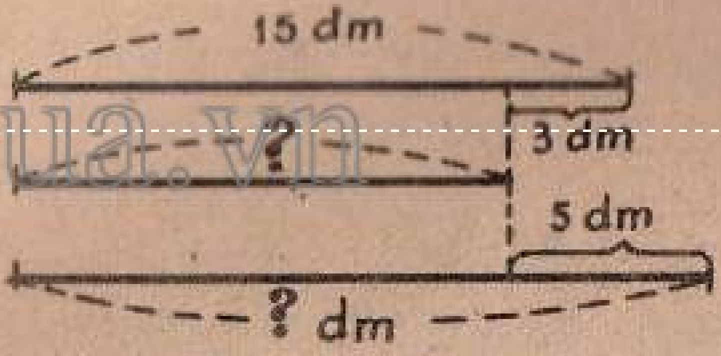

17. Trong bì có 32 *kg* gạo. Người ta lấy ra lần thứ nhất 6 *kg* gạo, lần thứ hai 4 *kg* . Hỏi trong bì còn bao nhiêu gạo?

18. Một quyển truyện Kim Đồng có 68 trang. Hôm qua Tùng đọc được 16 trang. Hôm nay Tùng đọc thêm được 17 trang. Hỏi Tùng còn phải đọc bao nhiêu trang nữa mới hết quyển truyện?

19. Tấm vải xanh dài 24*m*. Tấm vải trắng dài 28 *m*. Tấm vải đỏ dài 19 *m*. Hỏi cả ba tấm vải dài bao nhiêu mét?

20. Ngăn sách thứ nhất đựng 16 quyển sách. Ngăn thứ hai đựng hơn ngăn thứ nhất 5 quyển. Ngăn thứ ba đựng hơn ngăn thứ hai 7 quyển. Hỏi ngăn thứ ba đựng mấy quyển?

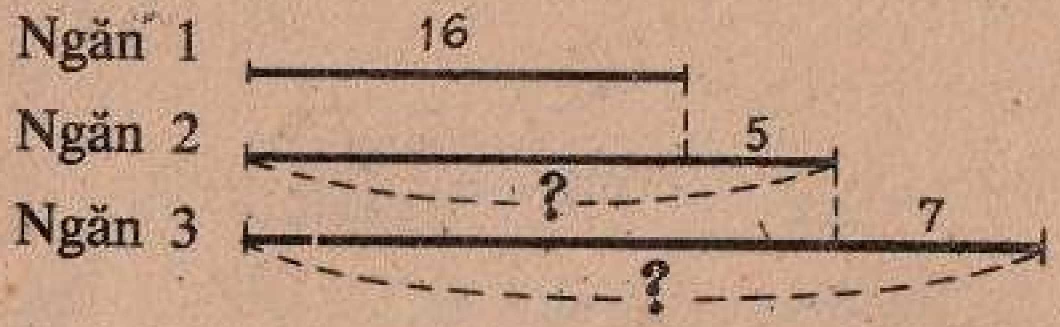

21. Trong vườn có hai cây cam. Cây thứ nhất có 54 quả. Cây thứ hai có 38 quả. Mẹ đã hái 30 quả để ủng hộ bộ đội. Hỏi trong vườn còn mấy quả cam?

22. Mẹ Toàn mua 28*kg* gạo. Mẹ Lan mua nhiều hơn mẹ Toàn 4*kg* gạo. Em hãy đặt câu hỏi sao cho bài toán giải bằng:

a) một phép tính, rồi giải;

b) hai phép tính, rồi giải.

thuongmaitr

23. Mẹ Toàn mua 17 lít dầu hỏa. Mẹ Lan mua ít hơn mẹ Toàn 2 lít dầu hỏa. Em hãy đặt câu hỏi sao cho bài toán giải bằng:

a) một phép tính, rồi giải;

b) hai phép tính, rồi giải.

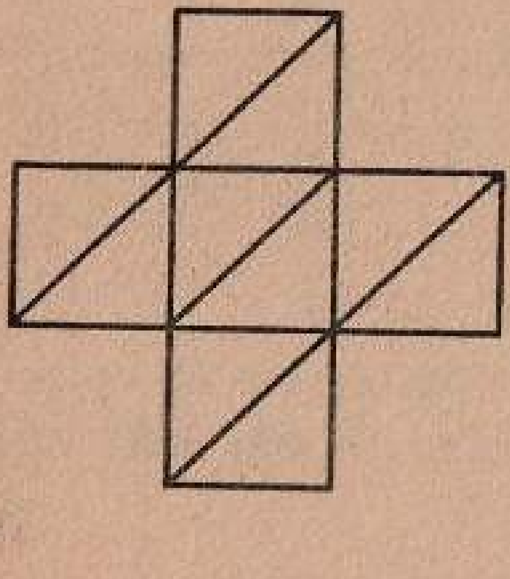

24. Trên hình bên có:

a) bao nhiêu hình vuông?

b) bao nhiêu hình tam giác?

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1.

1 mét	=	10 đệximet	1 *m*	=	10 *dm*
1 đêximet	=	10 xentimet	1 *dm*	=	10 *cm*
1 met	=	100 xentimet	1 *m*	=	100 *cm*

2. Em đo xem mỗi cạnh của hình vuông dài bao nhiêu xentimet ? Em có nhận xét gì ?

3. Em đo xem mỗi cạnh của hình chữ nhật dài bao nhiêu xentimet? Em có nhận xét gì?

truongxua.vn

4. a) Hình tứ giác có 4 cạnh. Em hãy đo độ dài của mỗi cạnh và tính độ dài của đường gấp khúc tạo thành hình tứ giác.

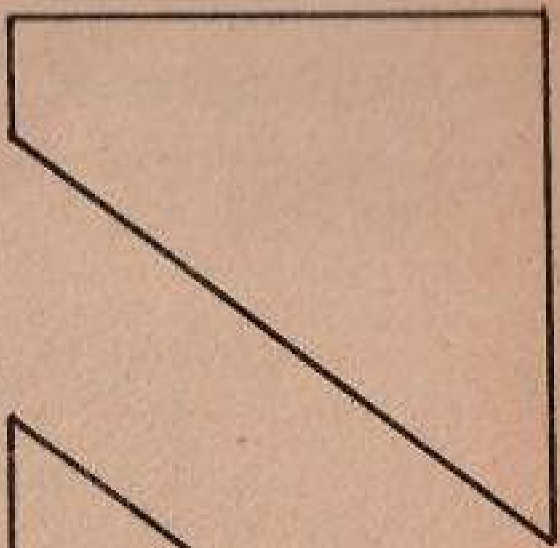

b) Hình tam giác có 3 cạnh. Em hãy đo và tính độ dài của đường gấp khúc tạo thành hình tam giác.

5. Có hai đường đi từ A đến B. Đường thứ nhất là đường gấp khúc gồm 2 đoạn bằng nhau. Đường thứ hai là đường gấp khúc gồm 6 đoạn bằng nhau. Trước hết em hãy ước lượng xem có đường nào dài hơn không? Em hãy đo và tính độ dài của hai đường gấp khúc đó.

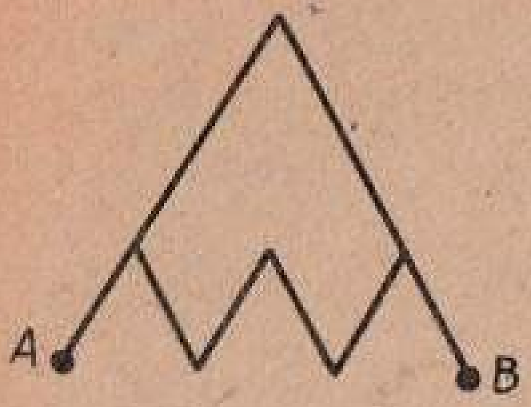

6. Các hình dưới đây gọi là hình gì ? Trong mỗi hình đó hãy kẻ thêm một đoạn thẳng để tạo ra hình chữ nhật.

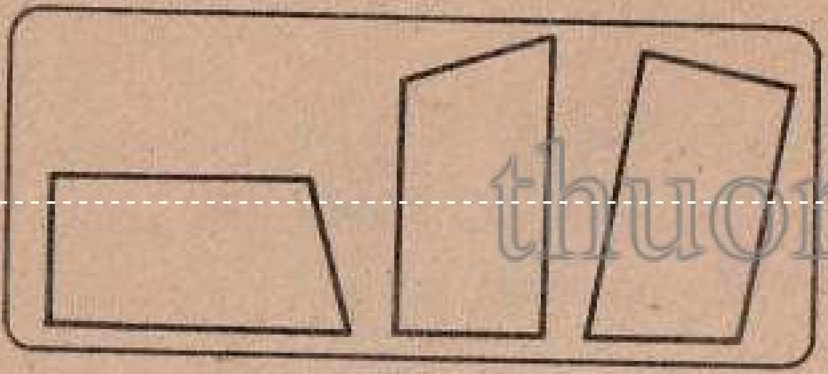

thuongmaitr

7. Mẹ Tùng mua *5m* vải xanh và *4m* vải trắng. Mẹ Tùng may quần áo cho anh em Tùng hết *6m 2dm* . Hỏi mẹ Tùng còn bao nhiêu đêximet vải?

8.

1 đồng	=	10 hào
1 hào	=	10 xu
1 đồng	=	100 xu

Điền dấu thích hợp vào ô trống:

< > =		
	1 đồng ☐ 9 hào 9 xu	3 đồng 5 hào ☐ 35 hào
	47 hào ☐ 5 đồng	32 hào + 66 hào ☐ 10 đồng

9. a) *Một tuần lễ có 7 ngày*. Nếu thứ tư tuần này là ngày 19 tháng 5, thì thứ tư tuần trước là ngày mấy? thứ tư tuần sau là ngày mấy?

b) Nếu ngày 1 tháng 6 là thứ ba thì thứ bảy cùng tuần là ngày mấy?

10. Trên mỗi hình dưới đây có bao nhiêu hình vuông ?

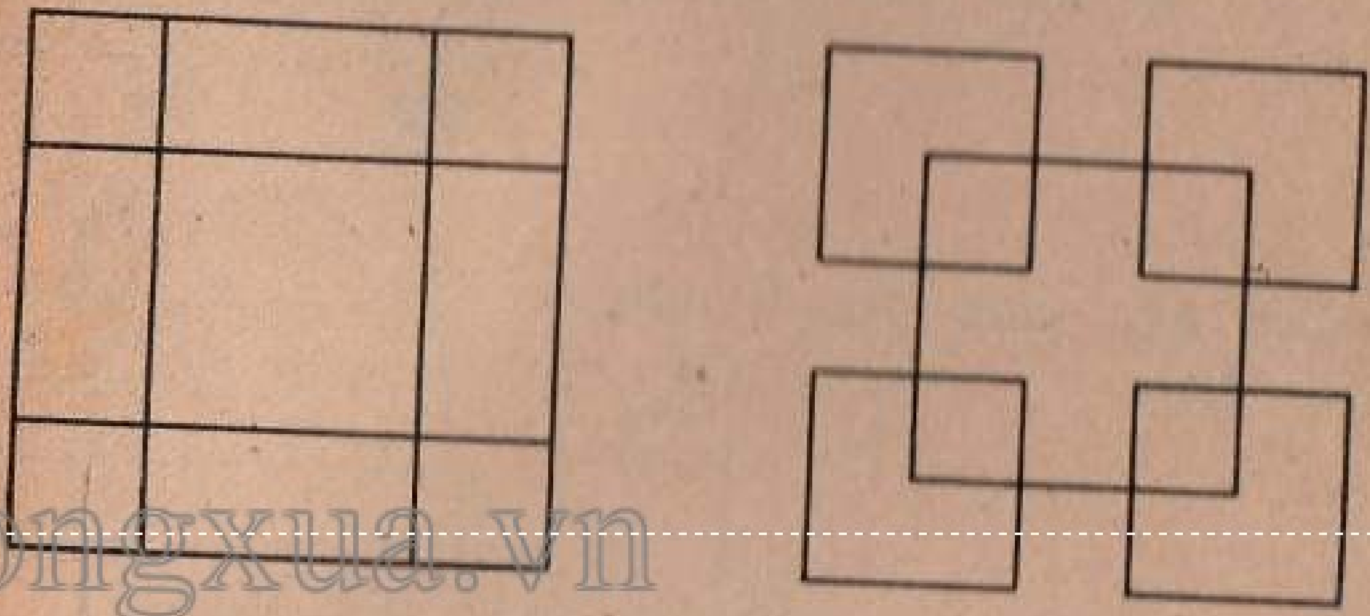

uongxua.vn

11. Em hãy đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải;

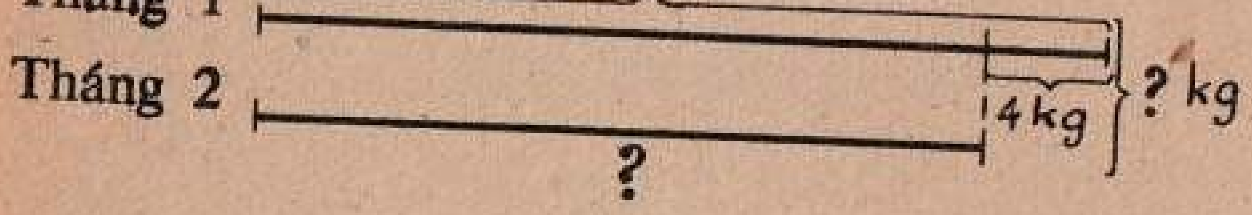

12. Em hãy tìm trên hình vẽ bên 4 hình tam giác.

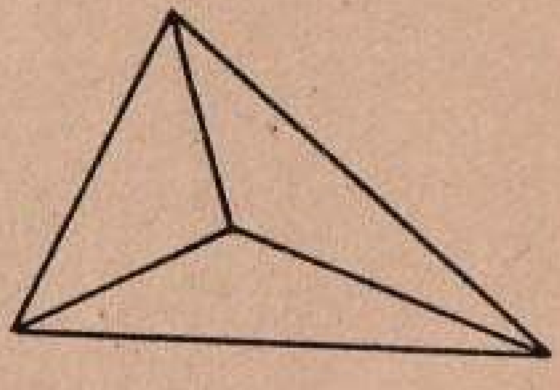

13. Em hãy đặt một đề toán theo tóm tắt sau rồi giải:

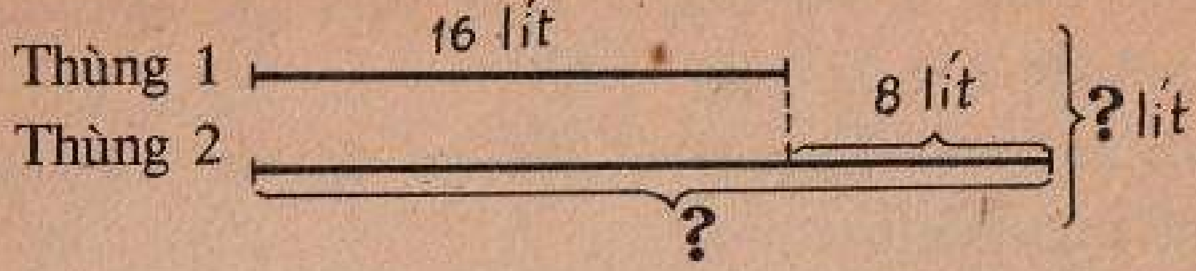

14. Em hãy chỉ và gọi tên các hình em thấy trên hình vẽ bên.

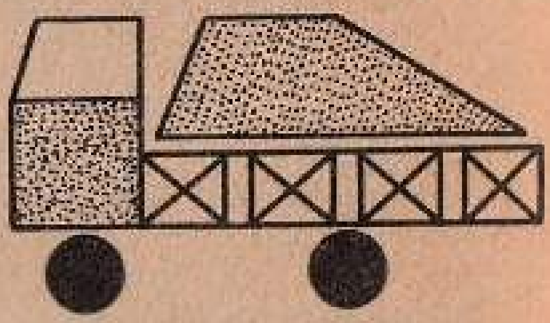

15.*Tìm trên hình bên 10 hình tứ giác.

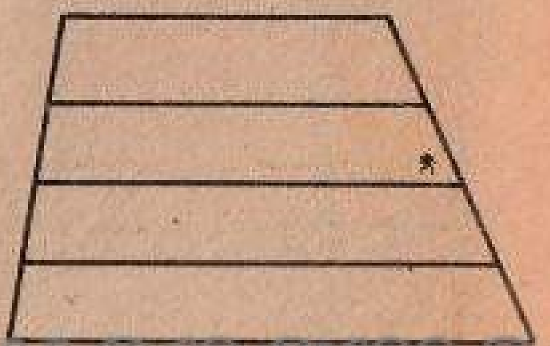

thuongmaitr

16.*Tìm trên hình bên:

a) 9 hình tam giác.

b) 9 hình tứ giác.

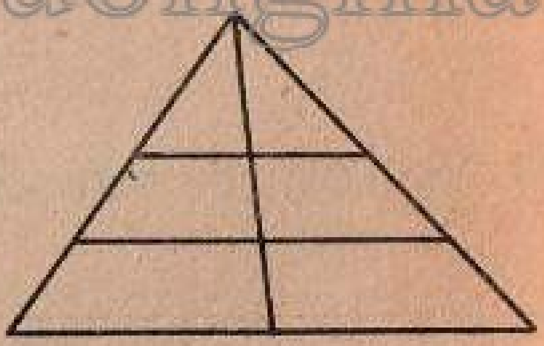

MỤC LỤC

Trang

A - Ôn toán lớp Một

Ôn các số trong phạm vi 10 — 3
Ôn phép cộng và phép trừ — 5
Tia số — 8
Luyện tập — 9

B - Các số trong phạm vi 20

1. Đọc và viết số

Một chục. Mười một — 10
Mười hai — 11
Từ mười ba đến mười chín — 12
Hai mươi — 13
Luyện tập — 14
Hình chữ nhật. Hình tứ giác — 16
Tiền Việt Nam — 17
So sánh hơn, kém bao nhiêu đơn vị — 19
Luyện tập — 20

2. Cộng, trừ không qua 10

10 + 3   3 + 10   13 – 3   13 – 10 — 21
Tổng. Các số hạng của tổng — 22
Hiệu. Số bị trừ, số trừ — 23
Một tổng cộng với một số : (2 + 1) + 3 — 24
14 + 3   3 + 14 — 25
17 + 3   3 + 17 — 26
Luyện tập — 26
Một tổng trừ đi một số : (4 + 3) – 2 — 27
17 – 3 — 28
20 – 3 — 29
Luyện tập — 30
Một số trừ đi một tổng : 9 – (3 + 2) — 31
17 – 14   20 – 14 — 32
Luyện tập — 33
Tìm một số hạng trong một tổng — 34
Luyện tập — 35

3. Cộng, trừ qua 10

9 cộng với một số : 9 + 5 — 36
8 cộng với một số : 8 + 7 — 37
Đêximet — 38
7 cộng với một số : 7 + 5 — 39
6 cộng với một số : 6 + 5 — 40
Luyện tập — 41
Bảng cộng — 42
Tìm số bị trừ — 44
Luyện tập — 45
Kilôgam — 46
11 trừ đi một số : 11 – 5 — 47
12 trừ đi một số : 12 – 7 — 48
13 trừ đi một số : 13 – 5 — 49
14 trừ đi một số : 14 – 7 — 50
15 trừ đi một số : 15 – 8 — 51

uongxua.vn

Luyện tập 52
Bảng trừ 54
Tìm số trừ 55
Luyện tập 56
Lít 57
Tuần lễ. Ngày 59
Ôn tập 60

C - Các số trong phạm vi 100

1. Đọc và viết số

Chục - Trăm 62
Các số trong phạm vi 100 64
Luyện tập 66
Mét 67
Luyện tập 69

2. Cộng, trừ

30 + 40 40 + 30 70 − 30 70 − 40 71
30 + 7 7 + 30 37 − 7 37 − 30 72
Luyện tập 73
Bài toán giải bằng hai phép tính (mẫu 1) 74
Luyện tập 76
45 + 3 77
45 − 3 78
Luyện tập 79
Bài toán giải bằng hai phép tính (mẫu 2) 80
Luyện tập 82
45 + 30 83
45 − 30 84
Luyện tập 85
Bài toán giải bằng hai phép tính (mẫu 3) 86
Luyện tập 88
45 + 32 90
45 − 32 91
Luyện tập 92
Bài toán giải bằng hai phép tính (mẫu 4) 93
Luyện tập 91
45 + 8 96
45 + 28 97
Luyện tập 98
Bài toán giải bằng hai phép tính (mẫu 5) 99
Luyện tập 101
40 − 8 102
45 − 8 103
45 − 28 104
Luyện tập 105
Đường gấp khúc 107
Ôn tập 108

D - Ôn tập cả năm

Ôn tập các số trong phạm vi 20 110
Ôn tập các số trong phạm vi 100 114
Ôn tập về hình học và đo lường 119

thuongmaitruongxua.vn

thuongmaitruongxua.vn

TOÁN 2
(*Mã số :0H0203A*)

In 100.000 bản,
Khổ 14,5x20,5cm,
tại **Xí nghiệp in số 4**
Thành phố Hồ Chí Minh.
In xong và nộp lưu chiểu
tháng 01 năm 1991.

Giá : 1000đ